



**BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

## **BÁO CÁO**

**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH/NGHỀ CÔNG NGHỆ CƠ ĐIỆN TỬ  
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG  
NĂM 2023**

*Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2023*

## MỤC LỤC

CÁC TỪ VIẾT TẮT .....	4
<b>PHẦN I:.....</b>	<b>5</b>
<b>GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM,.....</b>	<b>5</b>
<b>KHOA CƠ KHÍ.....</b>	<b>5</b>
<b>1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM.....</b>	<b>5</b>
1.1. Khái quát về lịch sử phát triển của trường .....	5
1.2. Những thành tích nổi bật của trường.....	7
1.3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của nhà trường.....	9
1.4. Quy mô đào tạo .....	13
1.5. Kết quả tuyển sinh.....	14
<b>2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA CƠ KHÍ.....</b>	<b>14</b>
2.1. Giới thiệu chung.....	14
2.2. Đội ngũ nhân sự .....	15
2.3. Chương trình đào tạo.....	15
2.4. Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp.....	16
<b>3. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ .....</b>	<b>16</b>
3.1. Mục tiêu đào tạo.....	16
3.2. Chuẩn đầu ra.....	16
3.3. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học .....	18
<b>PHẦN II.....</b>	<b>19</b>
<b>KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>19</b>
<b>1. Tổng quan chung.....</b>	<b>19</b>
1.1. Căn cứ tự đánh giá.....	19
1.2. Mục đích tự đánh giá.....	19
1.3. Yêu cầu tự đánh giá.....	19
1.4. Phương pháp tự đánh giá.....	19
1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá.....	20
<b>2. Tự đánh giá .....</b>	<b>20</b>
2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ cao đẳng .....	20
2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn .....	26
<b>PHẦN III .....</b>	<b>151</b>

<b>TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CTĐT .....</b>	<b>151</b>
<b>1. Về công tác nhân sự .....</b>	<b>151</b>
<b>2. Về công tác quản lý đào tạo.....</b>	<b>152</b>
<b>3. Về công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng .....</b>	<b>153</b>
<b>4. Về công tác quản trị thiết bị vật tư.....</b>	<b>153</b>
<b>5. Về công tác nghiên cứu khoa học .....</b>	<b>154</b>
<b>PHẦN IV .....</b>	<b>155</b>
<b>ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>155</b>
<b>1. Kết luận .....</b>	<b>155</b>
<b>2. Kiến nghị.....</b>	<b>155</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>158</b>

## CÁC TỪ VIẾT TẮT

Viết tắt	Ý nghĩa
HSSV	Học sinh sinh viên
UBND	Ủy ban nhân dân
QĐ	Quyết định
TCGDNN	Tổng cục giáo dục nghề nghiệp
CKĐCL	Cục kiểm định chất lượng
CĐR	Chuẩn đầu ra
KTCN	Kỹ thuật công nghiệp
BLĐTBOXH	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội
KT	Kỹ thuật
LĐLĐ	Liên đoàn lao động
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
Khoa CK	Khoa cơ khí
CNKTCĐT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TC	Trung cấp
CĐ	Cao đẳng
TPHCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TB	Thương binh
CBGV	Cán bộ giáo viên
TT	Thông tư
NĐ	Nghị định
CP	Chính phủ
KTX	Ký túc xá
GV	Giáo viên

**PHẦN I:**  
**GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM,**  
**KHOA CƠ KHÍ**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM**

Trường cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Bộ Công Thương, được thành lập ngày 20/10/1976, với tên gọi là Trường Nghiệp vụ Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ. Đến ngày 30/7/1991 Trường được đổi tên thành Trường Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ Thủ Đức, trực thuộc Bộ Công Nghiệp nhẹ. Đến năm 2000 Trường được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Kinh Tế Kỹ Thuật Công Nghiệp II, theo quyết định số 5945/QĐ-BGD&ĐT ngày 27 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến năm 2009 đổi tên thành Trường cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 418/QĐ-BGD&ĐT ngày 20 tháng 01 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông tin liên hệ:

Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (viết tắt: CDCT)

Tên tiếng anh: Ho Chi Minh City Industry and Trade College, (viết tắt: HITC).

Cơ quan chủ quản: Bộ Lao Động – Thương Binh và Xã Hội

Địa chỉ trường: Số 20 Tăng Nhơn Phú, Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37313631

Số fax: 028.38978501

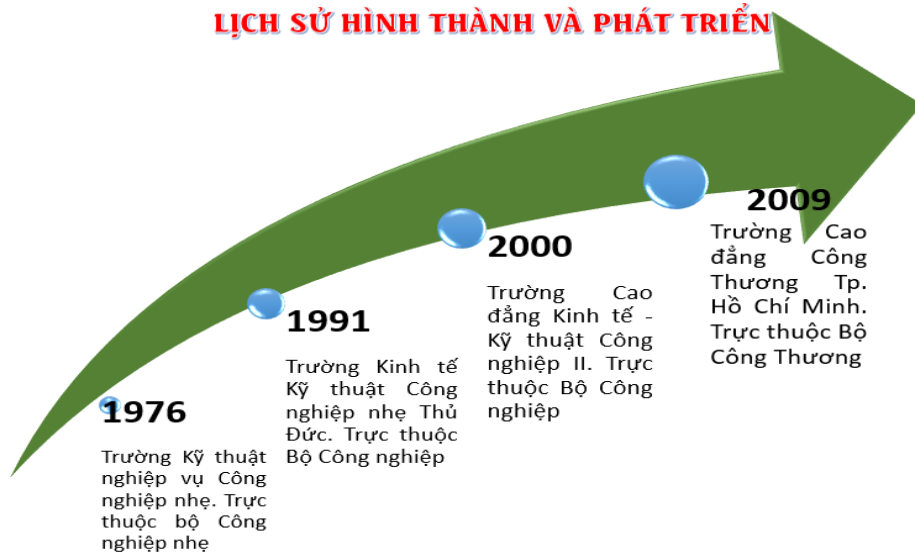
Email: [tttkdcl@hitu.edu.vn](mailto:tttkdcl@hitu.edu.vn);

Website: [www.hitu.edu.vn](http://www.hitu.edu.vn)

**1.1. Khái quát về lịch sử phát triển của trường**

Đến năm 2022, trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh đã có lịch sử phát triển 46 năm với 4 giai đoạn như sau:

## LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



### • Giai đoạn 1 (Từ 20/10/1976 đến 30/07/1991):

Trường Nghiệp vụ Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ trực thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ, đào tạo hệ trung cấp chuyên nghiệp, kỹ thuật viên 7 ngành kỹ thuật và nghiệp vụ thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ: dệt, sợi, may, nhuộm, giấy, tổ chức sản xuất, lao động – tiền lương. Bên cạnh đó, trường còn đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý làm việc trong ngành công nghiệp nhẹ ở khu vực miền Nam, với các chức danh từ tổ trưởng sản xuất, chuyên trưởng đến quản đốc, giám đốc xí nghiệp, thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ. Từ con số 500 sinh viên vào năm học 1976 - 1977 đến năm học 1990 - 1991 đã lên đến 2.000 sinh viên theo học tại trường.

### • Giai đoạn 2 (Từ 30/07/1991 đến 27/12/2000):

Trường phát triển và đổi tên thành Trường Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ Thủ Đức trực thuộc Bộ Công nghiệp, được phép đào tạo thêm một số ngành:

- Đào tạo thêm 5 ngành đối với trình độ trung cấp chuyên nghiệp và trung học nghề.
- Đào tạo công nhân kỹ thuật đối với 10 ngành.
- Liên kết với trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp I, đào tạo bậc cao đẳng chính quy được 3 khóa.
- Chuẩn bị đủ điều kiện để nâng cấp thành trường cao đẳng.

Trong năm học 1999 – 2000, đã có 5.000 sinh viên học tại trường.

### • Giai đoạn 3 (Từ 27/12/2000 đến 20/01/2009):

Trường chính thức được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp II trực thuộc Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương), trường thực hiện thêm các nhiệm vụ sau:

- Đào tạo trình độ cao đẳng, hệ chính quy đối với 19 ngành.
- Đào tạo trung cấp nghề.

- Đào tạo liên thông thí điểm đối với 3 ngành kế toán, công nghệ dệt, công nghệ kỹ thuật cơ khí.

- Liên kết với 2 trường Đại học đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học.

Năm học 2008 – 2009, số sinh viên của trường lên đến 12.804 người theo học.

• **Giai đoạn 4 (Từ 20/01/2009 đến nay: tháng 11/2022):**

Trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh, trực thuộc Bộ Công Thương. Đây là thời điểm đầu của giai đoạn phát triển thứ tư của nhà trường với định hướng phấn đấu trở thành Trường Cao đẳng chất lượng cao trong hệ thống các trường Đại học, Cao đẳng tại Việt Nam.

Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh (HITC) là địa chỉ tin cậy trong đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và kinh tế; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu xã hội; là cơ sở nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất, kinh doanh đa lĩnh vực; có năng lực hội nhập khu vực và quốc tế, giúp người học trở thành những công dân có học thức, tự tin lập thân, lập nghiệp, làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Đến năm 2025 trở thành Trường chất lượng cao, cơ bản hoàn thành chuyển đổi số. Chất lượng đào tạo không ngừng được nâng cao, quy mô đào tạo được duy trì hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao và đa dạng của xã hội.

Đến năm 2030, Trường đủ điều kiện trở thành trường đại học đào tạo đa ngành theo hướng ứng dụng, tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4, được xã hội tin nhiệm cao về chất lượng đào tạo với phương châm **“Học tập gắn liền với thực tiễn cuộc sống”**, góp phần vào sự nghiệp phát triển của đất nước.

## **1.2 Những thành tích nổi bật của trường**

Với nhiều thành tích đóng góp cho hoạt động giáo dục trong suốt 46 năm hoạt động, trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM đã đạt được một số thành tựu sau:

- Được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng ba (năm 1992), Huân chương lao động hạng nhì (năm 1997), Huân chương lao động hạng nhất (năm 2001) và Huân chương độc lập hạng ba (năm 2006), Huân chương Độc lập hạng nhì (2011), Cờ thi đua xuất sắc do Chính phủ CHXHCN Việt Nam tặng (2012); và nhiều bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương tặng (hàng năm).

- Giảng viên của trường đạt được nhiều giải thưởng trong các Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp thành phố, cấp quốc gia như: 01 giải nhất, 02 giải ba, 02 giải khuyến khích Giáo viên dạy giỏi TP.HCM năm 2014; 01 giải ba Giáo viên dạy giỏi toàn quốc năm 2015; 03 giải nhì, 01 giải ba, 02 giải khuyến khích Giáo viên dạy giỏi TP.HCM năm 2016; 01 giải nhì, 01 giải ba Giáo viên dạy giỏi TP.HCM năm 2018; 02 giải khuyến khích Giáo viên dạy giỏi cấp quốc gia năm 2018.

- Sinh viên của Trường sau khi tốt nghiệp đều có việc làm và đạt được một số thành công nhất định như: Phạm Xuân Trình (Tổng Giám đốc Tổng công ty Phong

Phú; Phạm Phú Chung (Tổng Giám đốc Công ty Dệt Đông Nam); Lê Thanh Liêm (Tổng Giám đốc Công ty Phước Long); Nguyễn Văn Đạt (Giám đốc Công ty Hưng Phát Đạt); Ngô Văn Nhiệm (Giám đốc Công ty Dệt gia dụng Phong Phú); Nguyễn Thị Kim Yên (Phó Giám đốc Công ty nhựa Bình Minh); Ngô Văn Hòa (Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Dệt May Thăng Lợi), Dương Quốc Thủy (Tổng giám đốc Công ty Đất Xanh Tây Nam Bộ, chủ tịch HĐQT Đất Xanh An Giang), Ngô Quốc Trụ (Giám đốc Nhà máy dệt, Tổng Cty Việt Thắng), Đỗ Hải (Giám đốc điều hành, Công ty cổ phần đầu tư phát triển VINATEX Thuộc Tập Đoàn Dệt May Việt Nam), Nguyễn Xuân Ninh (Giám đốc, Công ty TNHH Công nghệ Hoàng Phát), Huỳnh Cân (Giám đốc, Công ty Cổ phần Cơ điện Nam Hòa), ...

Sinh viên hiện đang theo học tại trường cũng rất tích cực tham gia cuộc thi sáng tạo Robot Việt Nam, vào được vòng chung kết toàn quốc 3 năm liền (2007, 2008 và 2013), trong đó, năm 2008, đạt được giải ba toàn quốc và giải thưởng Robot tự động tốt nhất.

- Trường chủ động liên kết đào tạo trong hợp tác quốc tế: được công nhận là cơ sở đào tạo của City and Guilds; được Tập đoàn dệt Texhong (Trung Quốc) đưa sinh viên của Trường sang Trung Quốc thực tập và nhận về làm việc trong cơ sở của họ đặt tại Việt Nam; được Trường Cao đẳng Swansea (Vương Quốc Anh) mời sang nước Anh trao đổi hợp tác đào tạo, mở ra triển vọng liên kết đào tạo bậc cao đẳng chính quy.

- Trường đã ký một số thỏa thuận liên kết đào tạo với ĐH Chosun Hàn Quốc, Học viện Genetic Computer Singapore, Học viện Hòa Xuân Đài Loan, hợp tác với cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA), Trường Đại học Khoa học & Công nghệ Lunghwa, Trường Đại học Berjaya, Malaysia, Cơ quan Giáo dục IDP của Úc, Trường đang kết hợp với Hiệp hội Da – Giày – Túi xách Việt Nam (Lefaso) tham dự các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng chuyên môn gia công ngành giày da với sự hỗ trợ của Thương vụ Ý tại TP.HCM (ITA) và Hiệp hội doanh nghiệp da giày - thuộc da Ý (ASSOMAC)

- Giảng viên được đi học tập tại CHLB Đức, trường đã khai giảng lớp chất lượng cao đào tạo thí điểm cấp quốc tế ngành cắt gọt kim loại theo tiêu chuẩn của Châu Âu.

- Hoạt động hợp tác quốc tế luôn được nhà trường chú trọng:

+ Thực hiện 06 chương trình, dự án quốc tế với các nước như: Ủy ban Châu Âu 01 dự án, Đan Mạch 01 dự án, Hàn Quốc 02 dự án, Đài Loan 01 dự án, Hà Lan 01 dự án.

+ Tổ chức các hội thảo quốc tế tại trường: 02 hội thảo quốc tế trong khuôn khổ các dự án hợp tác với Ủy ban Châu Âu và Đan Mạch.

+ Số lượng giảng viên và sinh viên đi đào tạo tại nước ngoài tăng dần theo từng năm học.



+ Trường có 06 sinh viên đi học nâng cao trình độ tại Đài Loan; 04 sinh viên đi học tập ngắn hạn về ngành da giày tại Ý.

+ 21 cán bộ, giảng viên của trường đã được đi đào tạo, tham quan mô hình giảng dạy tiên tiến của các đối tác trong khuôn khổ hợp tác các dự án quốc tế với Phần Lan.

+ 03 giảng viên đi học tập và đào tạo tại Ấn Độ.

+ 03 giảng viên đi học tập tại Hàn Quốc về nghiệp vụ sư phạm giáo dục.

+ 03 giảng viên học tập khóa thiết kế giày do chuyên gia Ý đào tạo.

+ 01 giảng viên nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Đài Loan.

+ 01 giảng viên đi giảng dạy tại Hàn Quốc trong khuôn khổ chương trình hợp tác đào tạo tại giảng dạy giữa trường CĐ Công Thương TP.HCM và ĐH Jeonju Hàn Quốc

+ 06 giảng viên học tập ngắn hạn tại Đức.

+ Nhà trường đã mời chuyên gia Hàn Quốc hỗ trợ xây dựng đào tạo ngành CNTT cho trường.

+ 01 chuyên gia Hà Lan sang đào tạo kiến thức khởi nghiệp cho giảng viên và sinh viên nhà trường trong khuôn khổ dự án PUM giữa Hà Lan và trường CĐ Công Thương TP.HCM.

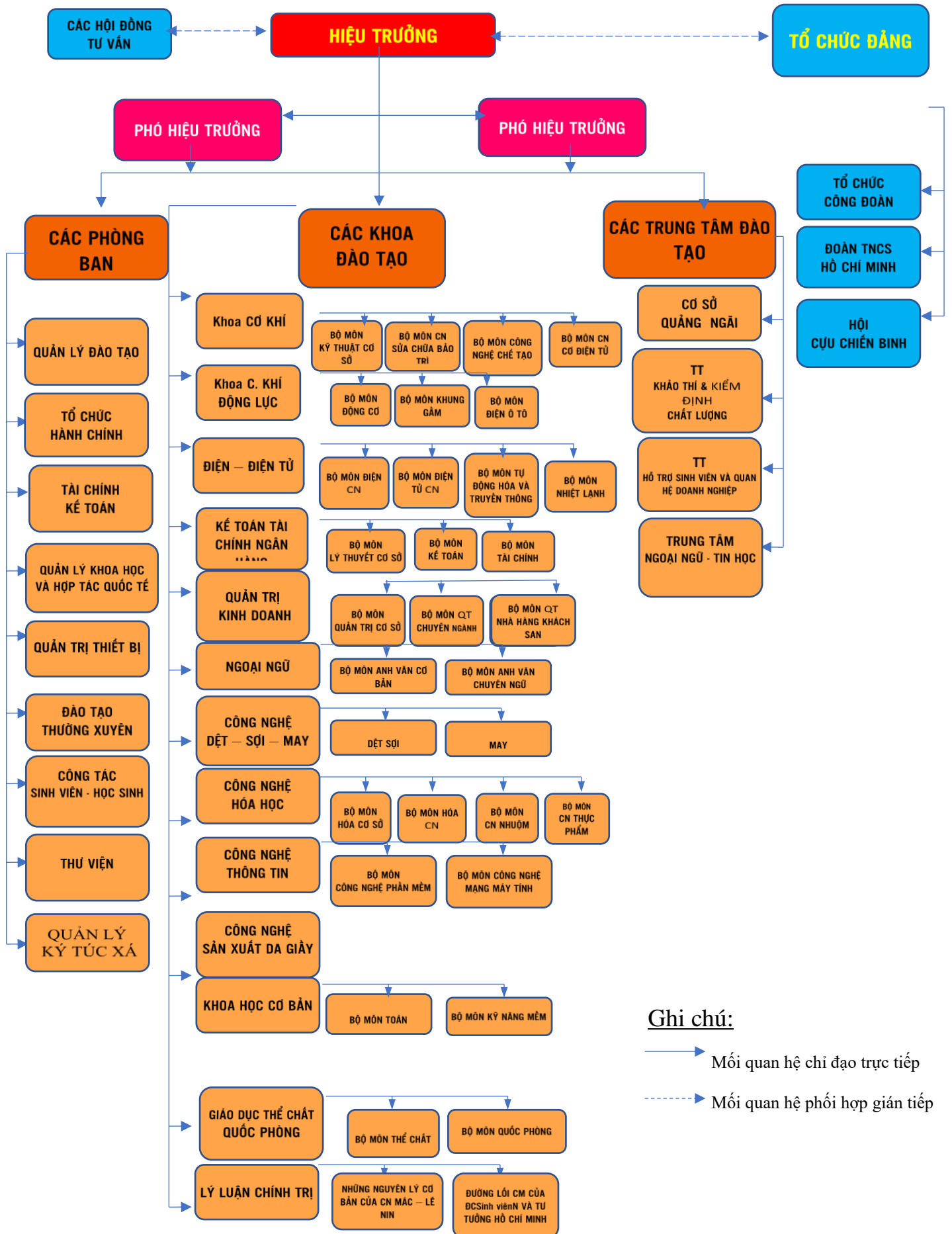
- Trường được Bộ LĐ – TBXH phê duyệt và đầu tư tập trung cho 8 ngành trọng điểm theo quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH gồm các ngành cụ thể như sau: Cát gọt kim loại, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử, Quản trị Nhà hàng & Dịch vụ ăn uống, Công nghệ Thực phẩm, Công nghệ Da giày và Công nghệ May.

- Năm 2019 Trường được lựa chọn bổ sung vào đề án phát triển trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2020 theo quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng chính phủ.

### **1.3 Cơ cấu tổ chức và nhân sự của nhà trường**

#### **1.3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức và nhân sự**

**Sơ đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức nhân sự**



### 1.3.2. Cán bộ, nhân viên trong trường: (tính đến thời điểm tự đánh giá)

Tổng số cán bộ quản lý, nhân viên tính đến tháng 8 năm 2023 là: 351 người, trong đó:

- Trong biên chế : 316 người
- Hợp đồng lao động 68 : 02 người
- Hợp đồng lao động : 32 người

### 1.3.3. Đội ngũ giáo viên: (tính đến thời điểm tự đánh giá)

Tổng số: 297 giảng viên, trong đó:

- Nam: 178 GV - Nữ: 119 GV
- Cơ hữu: 243 GV - Thỉnh giảng: 54 GV

Trình độ đào tạo	Tổng số
Tiến sĩ	11
Thạc sĩ	257
Đại học	29
Cao đẳng	0
Trung cấp	0
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0
Trình độ khác	0
<b>Tổng số</b>	<b>297</b>

### 1.3.4. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường

Thông tin các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh, học vị, chức vụ
<b>1. Ban Giám hiệu</b>			
Hiệu trưởng	Bùi Mạnh Tuân	1971	Thạc sĩ
Phó Hiệu trưởng	Đặng Công Quốc	1968	Thạc sĩ
Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Anh Tuấn	1974	Thạc sĩ
Phó Hiệu trưởng	Trần Vũ Vượng	1975	Thạc sĩ
<b>2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội HSSV</b>			
Đảng bộ	Bùi Mạnh Tuân	1971	ThS, Bí thư
Công đoàn	Lâm Quang Chuyên	1972	ThS, Chủ tịch

<b>Thông tin các bộ phận</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Chức danh, học vị, chức vụ</b>
Đoàn Thanh niên CSHCM	Đặng Minh Tuấn	1988	Bí thư
Hội HSSV	Đặng Hồng Hiệp	1990	ThS, Chủ tịch
<b>3. Các phòng, ban chức năng</b>			
- Phòng TCHC	Hoàng Mạnh Tùng	1980	ThS, TP
- Phòng TCKT	Hoàng Mạnh Khiêm	1965	ThS, TP
- Phòng QTTB	Nguyễn Mạnh Thắng	1973	ThS, Phó TP
- Phòng QL Đào tạo	Vũ Nhật Tân	1963	Ths, TP
- Phòng ĐTTX	Nguyễn Thị Minh	1976	ThS, TP
- Phòng Quản lý SV	Lê Quang Vinh	1978	ThS, TP
- Phòng KTX	Nguyễn Trung Hiếu	1965	CN, TP
- Phòng QLKH-CN & HTQT	Hồ Hoài Nam	1979	TS, TP
- Phòng Thông tin thư viện	Nguyễn Thị Thanh Giang	1978	ThS, TP
- TT Khảo thí & KĐCL	Trần Minh Nhựt	1974	ThS, Giám đốc
- TT Hỗ trợ SV & QHDN	Lê Thanh Hải	1978	ThS, Giám đốc
- TT Truyền thông & Tuyển sinh	Đặng Công Quốc	1968	ThS, PHT, GD
- Cơ sở II (Quảng Ngãi)	Phạm Ngọc Hoàng Khôi	1978	ThS, Giám đốc
<b>4. Các trung tâm/viện trực thuộc</b>			
TT Ngoại ngữ - Tin học	Đặng Công Quốc	1968	ThS, PHT, GD
<b>5. Các khoa</b>			
- Khoa KT – TC – Ngân hàng	Nguyễn Thị Kim Thoa	1976	GV, ThS, TK
- Khoa Cơ khí	Lê Thanh Vũ	1969	GV, ThS, TK
- Khoa Điện – điện tử	Lâm Quang Chuyên	1972	GV, TS, TK
- Khoa CNTT	Huỳnh Trọng Đức	1968	GV, ThS TK
- Khoa CNHH & TP	Đặng Công Quốc	1968	ThS, PHT phụ trách
- Khoa CN Thời trang	Võ Quỳnh Liên	1977	GV, ThS, TK

Thông tin các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh, học vị, chức vụ
- Khoa KH Cơ bản	Nguyễn Thị Lê	1974	GV, ThS, TK
- Khoa LLCT	Lê Văn Chuyên	1974	GV, ThS, TK
- Khoa Ngoại ngữ	Đỗ Thị Thanh Thủy	1975	GV, ThS, TK
- Khoa Quản trị Kinh doanh	Võ Minh Sơn	1973	GV, ThS, phụ trách khoa
- Khoa GD TC - Quốc phòng	Nguyễn Trung Lục	1965	GV, ThS, TK
- Khoa Cơ khí động lực	Nguyễn Anh Tuấn	1974	ThS, PHT phụ trách

#### 1.4. Quy mô đào tạo

Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh, qua 46 năm phát triển, hiện nay đã trở thành trường cao đẳng có quy mô đào tạo lớn của cả nước (quy mô hơn 12.000 sinh viên) và là trường đào tạo đa ngành (22 ngành).

Trong những năm gần đây, trường đã ổn định về quy mô đào tạo và áp dụng phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ đã đi vào quy cũ sau 9 năm thực hiện.

Các ngành đào tạo hiện nay của trường:

STT	Ngành học	Khối xét tuyển	Chỉ tiêu
1	Công nghệ sợi, dệt	A, A1, B, D1	50
2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	A, A1, B, D1	240
3	Công nghệ chế tạo máy	A, A1, B, D1	180
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (chuyên ngành Điện công nghiệp và Điện tử công nghiệp)	A, A1, B, D1	330
5	Công nghệ da giày	A, A1, B, D1	150
6	Công nghệ giấy và bột giấy	A, A1, B, D1	30
7	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chuyên ngành Hóa nhuộm, Hóa hữu cơ, Hóa phân tích)	A, A1, B, D1	210
8	Kế toán	A, A1, B, D1	390

9	Công nghệ thông tin	A, A1, B, D1	210
10	Quản trị kinh doanh	A, A1, B, D1	420
11	Công nghệ may	A, A1, B, D1	390
12	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	A, A1, B, D1	70
13	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	A, A1, B, D1	70
14	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A, A1, B, D1	300
15	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	A, A1, B, D1	100
16	Tài chính - Ngân hàng	A, A1, B, D1	230
17	Công nghệ thực phẩm	A, A1, B, D1	300
18	Truyền thông và mạng máy tính	A, A1, B, D1	70
19	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	A, A1, B, D1	70
20	Tiếng Anh	A, A1, B, D1	200
21	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	A, A1, B, D1	100
22	Quản trị khách sạn	A, A1, B, D1	100

### 1.5. Kết quả tuyển sinh

Trường luôn hoàn thành và vượt chỉ tiêu tuyển sinh liên tục từ năm 2020 đến năm 2022. Hiện nay, chỉ tiêu của trường là 4.210.

Kết quả tuyển sinh những năm gần đây:

Trình độ	Năm		
	2021	2022	2023
Cao đẳng chính qui	4.210	4.286	4.380

## 2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA CƠ KHÍ

### 2.1. Giới thiệu chung

- Khoa cơ khí là một trong những khoa có từ những năm đầu thành lập Nhà trường, qua 43 năm xây dựng và phát triển đến nay, Khoa đã có đầy đủ các nhà xưởng, phòng thực hành như: Phòng máy vi tính, phòng thí nghiệm vật liệu, phòng khí nén thủy lực, phòng tháo lắp máy, phòng Robot hàn, xưởng máy CNC, xưởng gia công cắt gọt kim loại, xưởng hàn, nguội với các trang thiết bị, phương tiện máy móc đáp ứng được nhu cầu đào tạo tại Khoa cơ khí.

## Kết quả tuyển sinh

<b>TÊN NGÀNH</b>	<b>NĂM 2021</b>	<b>NĂM 2022</b>	<b>NĂM 2023</b>
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	59	63	77

Tỷ lệ học sinh, sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp: 100%

Hiện nay, Khoa Cơ khí đã ký kết hợp tác với gần 100 doanh nghiệp trên địa bàn TPHCM và các tỉnh lân cận như: Công ty cổ phần Phong Phú, Công ty cổ phần Nuti Food Bình Dương, Công ty Nhựa Bình Minh, Công ty giày Thái Bình, Công ty thép Pomina, Công ty Samsung Vietnam, Tập đoàn Tân Hiệp Phát, Công ty CP Sợi Thế Kỷ, Công ty Texhong, Công ty cơ khí Thế Hải, Công ty TNHH Cơ điện lạnh Bình minh, Công ty TNHH MTV Yumoto Việt Nam... Theo khảo sát cả trường có hơn 97% HSSV tìm kiếm được việc làm phù hợp ngay sau khi ra trường. 100% HSSV được tư vấn giới thiệu việc làm và tìm được việc làm sau 6 tháng. Sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử 100% có việc làm đúng và gần ngành trong thời gian 3 tháng sau khi tốt nghiệp. Đặc biệt, một số sinh viên có việc làm đúng ngành ngay sau kỳ thực tập doanh nghiệp (trước khi tốt nghiệp).

### 2.2. Đội ngũ nhân sự

Khoa Cơ Khí có đội ngũ nhà giáo, giảng viên và cán bộ quản lý gồm 23 người, trong đó: 19 giảng viên có trình độ thạc sỹ và 4 giảng viên có trình độ đại học đúng chuyên ngành. Các giảng viên đều đạt chuẩn về chuyên môn kỹ thuật, đều có nghiệp vụ sư phạm, có khả năng giảng dạy tích hợp, biết khai thác nguồn tài liệu trên internet, sử dụng tốt máy tính cho công việc chuẩn bị bài và giảng dạy bằng giáo án điện tử, một số giảng viên có khả năng tương đối tốt về tiếng Anh để tham khảo tài liệu chuyên môn kỹ thuật của nước ngoài.

Đội ngũ giảng viên có trách nhiệm cao, tích cực, nhiệt huyết, yêu nghề, năng động, sáng tạo, có nhiều kinh nghiệm thực tế công tác tại các doanh nghiệp hoạt động sản xuất.

### 2.3. Chương trình đào tạo

Chương trình ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử (CNKTCĐT) được xây dựng đào tạo ra những cử nhân cơ điện tử có kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực cơ khí - tự động hóa, có khả năng thích ứng cao với các vị trí công việc khác nhau liên quan đến cơ khí và điều khiển. Cử nhân tốt nghiệp ngành CNKTCĐT chất lượng cao có khả năng hệ thống hóa, tính toán và phân tích các truyền động cơ khí, thủy khí và điện trong các thiết bị, dây chuyền sản xuất tự động; đồng thời có kỹ năng đọc, vẽ và

thiết kế được các loại bản vẽ; lắp đặt, đấu nối và lập trình được các thiết bị điều khiển trong hệ thống tự động hóa.

Hiện tại chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT gồm có:

- Số lượng môn học: 48 môn
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 105 Tín chỉ (không tính môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất)
- Khối lượng các môn học chung: 24 tín chỉ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 81 tín chỉ
- Khối lượng lý thuyết: 784 giờ; thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1676 giờ; kiểm tra 105 giờ.

#### **2.4. Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp ngành CNKTCĐT với kiến thức chuyên môn và kỹ năng trong lĩnh vực cơ điện tử có khả năng trở thành kỹ thuật viên vận hành thiết bị, dây chuyền tự động; kỹ thuật viên bảo trì thiết bị, dây chuyền tự động; kỹ thuật viên lắp đặt thiết bị, dây chuyền tự động; kỹ thuật viên lập trình thiết bị tự động; kỹ thuật viên lắp đặt tủ điều khiển; kỹ thuật viên gia công và thiết kế chi tiết cơ khí; tổ trưởng/quản lý kỹ thuật; tổ trưởng/quản đốc bảo trì; tổ trưởng/quản đốc xưởng; giáo viên dạy nghề/giảng viên tại các trường chuyên nghiệp.

### **3. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ**

#### **3.1. Mục tiêu đào tạo**

Chương trình ngành Công nghệ CNKTCĐT được xây dựng đào tạo ra những cử nhân cơ điện tử có kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực cơ khí - tự động hóa, có khả năng thích ứng cao với các vị trí công việc khác nhau liên quan đến cơ khí và điều khiển. Cử nhân tốt nghiệp ngành CNKTCĐT có khả năng hệ thống hóa, tính toán và phân tích các truyền động cơ khí, thủy khí và điện trong các thiết bị, dây chuyền sản xuất tự động; đồng thời có kỹ năng đọc, vẽ và thiết kế được các loại bản vẽ; lắp đặt, đấu nối và lập trình được các thiết bị điều khiển trong hệ thống tự động hóa.

Cử nhân tốt nghiệp ngành CNKTCĐT sẽ đáp ứng được các yêu cầu về tiếng Anh tương đương bậc 3 quốc gia hoặc Tiếng Nhật trình độ N5 đồng thời có trình độ tin học căn bản. Ngoài ra, chương trình đào tạo còn định hướng cho sinh viên phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, và kỹ năng lập luận- giải quyết vấn đề để có thể thích ứng nhanh và hiệu quả với các công việc có tính chất khác nhau trong sản xuất và kinh doanh.

#### **3.2. Chuẩn đầu ra**

Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT người học đạt được:



### **3.2.1. Kiến thức.**

- Anh ngữ đạt trình độ B1 trở lên (hoặc các chứng nhận khác tương đương) hoặc N5 đối với Nhật ngữ.
- Tin học đạt kỹ năng ứng dụng căn bản trở lên hoặc có chứng chỉ MOS 1 trong 2 kỹ năng (Word, Excel).
- Có kiến thức về giáo dục thể chất để duy trì và rèn luyện sức khỏe; kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, an ninh quốc phòng; vận dụng kiến thức khoa học cơ bản vào lĩnh vực chuyên ngành.
- Giải thích được các loại bản vẽ, lưu đồ và sơ đồ các thiết bị trong hệ thống cơ điện tử.
- Trình bày được quy trình vận hành, nguyên lý hoạt động các thiết bị trong hệ thống cơ điện tử.
- Mô tả được công dụng và cách sử dụng các loại dụng cụ dùng lắp đặt, đo kiểm, lập trình và bảo trì các thiết bị trong hệ thống cơ điện tử.
- Trình bày được quy trình và phương pháp lắp đặt, kiểm tra, lập trình và mô phỏng các thiết bị trong hệ thống cơ điện tử.
- Giải thích được nguyên nhân sai hỏng và trình bày được các biện pháp khắc phục lỗi khi lắp đặt, lập trình và vận hành các thiết bị trong hệ thống cơ điện tử.
- Trình bày được các hoạt động bảo trì thiết bị trong hệ thống cơ điện tử.

### **3.2.2. Kỹ năng**

- Đọc được tài liệu và giao tiếp được với đồng nghiệp, cấp trên và khách hàng trong lĩnh vực chuyên ngành cơ điện tử bằng tiếng Anh/Nhật ở mức cơ bản.
- Vẽ và thiết kế được các loại bản vẽ, các loại lưu đồ và sơ đồ các thiết bị trong hệ thống tự cơ điện tử.
- Sử dụng được các loại dụng cụ, thiết bị dùng lắp đặt, đo kiểm và lập trình các thiết bị trong hệ thống cơ điện tử.
- Lắp đặt, kiểm tra, cân chỉnh và vận hành được các thiết bị trong hệ thống cơ điện tử.
- Lập trình, mô phỏng và chạy thử được chương trình điều khiển các thiết bị trong hệ thống cơ điện tử.
- Xây dựng và đánh giá được quy trình lắp đặt, lập trình, vận hành và bảo trì các thiết bị trong hệ thống cơ điện tử.
- Khắc phục được các sai hỏng xảy ra khi lắp đặt, đấu nối, lập trình và vận hành các thiết bị trong hệ thống cơ điện tử.
- Bảo trì được các thiết bị trong hệ thống cơ điện tử.
- Sử dụng được các phần mềm để vẽ, thiết kế, lập trình và mô phỏng các thiết bị trong hệ thống cơ điện tử.

- Sử dụng được các máy cắt kim loại gia công chi tiết cơ khí cơ bản.

### **3.2.3. Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm.**

- Làm việc và giao tiếp tốt trong các môi trường khác nhau.
- Có khả năng tốt trong việc tự học và tự nghiên cứu.
- Chấp hành tốt nội quy, quy định.
- Chịu trách nhiệm với công việc được giao.
- Cẩn thận, kiên trì thực hiện nhiệm vụ được giao.

### **3.2.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.**

*Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu và vị trí công việc như:*

- Kỹ thuật viên vận hành thiết bị, dây chuyền tự động;
- Kỹ thuật viên bảo trì thiết bị, dây chuyền tự động;
- Kỹ thuật viên lắp đặt thiết bị, dây chuyền tự động;
- Kỹ thuật viên lập trình thiết bị tự động;
- Kỹ thuật viên lắp đặt tủ điều khiển;
- Kỹ thuật viên gia công và thiết kế chi tiết cơ khí.

### **3.2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ**

Sau khi tốt nghiệp người học có khả năng tự học, tự cập nhật kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực cơ điện tử hoặc liên thông đại học, hoặc có trình độ cao hơn để nắm giữ các vị trí chủ chốt trong doanh nghiệp như:

- Tổ trưởng/Quản lý kỹ thuật;
- Tổ trưởng/Quản đốc bảo trì;
- Tổ trưởng/Quản đốc xưởng;
- Giáo viên dạy nghề/Giảng viên tại các trường chuyên nghiệp.

### **3.3. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học**

- Số lượng môn học: 48 môn
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 105 Tín chỉ (không tính môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất)
- Khối lượng các môn học chung: 24 tín chỉ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 81 tín chỉ
- Khối lượng lý thuyết: 784 giờ; thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1676 giờ; kiểm tra 105 giờ.

## PHẦN II

### KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Tổng quan chung 1Q

##### 1.1. Căn cứ tự đánh giá

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐT BXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐT BXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL của Tổng cục GDNN ngày 25/3/2019 về việc Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

##### 1.2. Mục đích tự đánh giá

Đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của đơn vị và các điều kiện học tập của học sinh, giảng dạy của giảng viên so với bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng;

Xác định mức độ đạt được của chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

Phát hiện những điểm mạnh, điểm cần cải thiện trong thời gian tới, qua đó giúp cho Khoa hoàn thiện chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT.

##### 1.3. Yêu cầu tự đánh giá

Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT.

Có sự tham gia của tất cả các đơn vị trong toàn trường.

Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ trung cấp, cao đẳng hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nhà trường, được đăng tải lên website nhà trường, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

##### 1.4. Phương pháp tự đánh giá

Nghiên cứu các tiêu chí, tiêu chuẩn trong bộ Tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng do Bộ Lao động – Thương binh

và Xã hội ban hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm phục vụ quá trình tự đánh giá.

Thu thập thông tin, rà soát các hoạt động của Ngành CNKTCĐT và tìm những chứng cứ để chứng minh nội hàm tiêu chuẩn được phân công.

Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến của cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và người sử dụng lao động.

Mô tả, làm rõ thực trạng của ngành CNKTCĐT, phân tích, đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại từ đó đưa ra các biện pháp khắc phục, dự kiến kế hoạch hành động để cải tiến nâng cao chất lượng Chương trình đào tạo.

### 1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Thực hiện tự đánh giá chất lượng theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành.

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

## 2. Tự đánh giá

### 2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	<b>ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC</b>		
	<b>Tổng điểm</b>	<b>100</b>	<b>94</b>
	<b>Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
1	<b>Tiêu chuẩn 1:</b> Mục tiêu của CTĐT phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	<b>2</b>	Đạt
2	<b>Tiêu chuẩn 2:</b> Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách CTĐT và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện CTĐT; khoa/đơn vị phụ trách CTĐT hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến CTĐT.	<b>2</b>	Đạt
3	<b>Tiêu chuẩn 3:</b> Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo	<b>2</b>	Đạt

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở GDNN</b>
	chất lượng của CTĐT và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện CTĐT.		
	<b>Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo</b>	<b>14</b>	<b>12</b>
4	<b>Tiêu chuẩn 2.1:</b> Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu <b>90%</b> chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	<b>2</b>	Đạt
5	<b>Tiêu chuẩn 2.2:</b> Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	<b>2</b>	Đạt
6	<b>Tiêu chuẩn 2.3:</b> Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung CTĐT, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	<b>2</b>	Đạt
7	<b>Tiêu chuẩn 2.4:</b> Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	<b>2</b>	Đạt
8	<b>Tiêu chuẩn 2.5:</b> Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	<b>2</b>	Đạt
9	<b>Tiêu chuẩn 2.6:</b> Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	<b>2</b>	Đạt
10	<b>Tiêu chuẩn 2.7:</b> Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	<b>0</b>	Không Đạt
	<b>Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<b>16</b>	<b>14</b>
11	<b>Tiêu chuẩn 3.1:</b> 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	<b>2</b>	Đạt
12	<b>Tiêu chuẩn 3.2:</b> Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	<b>2</b>	Đạt

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở GDNN</b>
13	<b>Tiêu chuẩn 3.3:</b> Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc CTĐT có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	<b>2</b>	Đạt
14	<b>Tiêu chuẩn 3.4:</b> Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	<b>0</b>	Không Đạt
15	<b>Tiêu chuẩn 3.5:</b> Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	<b>2</b>	Đạt
16	<b>Tiêu chuẩn 3.6:</b> 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	<b>2</b>	Đạt
17	<b>Tiêu chuẩn 3.7:</b> 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	<b>2</b>	Đạt
18	<b>Tiêu chuẩn 3.8:</b> Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	<b>2</b>	Đạt
	<b>Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình</b>	<b>24</b>	<b>24</b>
19	<b>Tiêu chuẩn 4.1:</b> CTĐT được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	<b>2</b>	Đạt
20	<b>Tiêu chuẩn 4.2:</b> Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định CTĐT.	<b>2</b>	Đạt
21	<b>Tiêu chuẩn 4.3:</b> CTĐT thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	<b>2</b>	Đạt
22	<b>Tiêu chuẩn 4.4:</b> CTĐT thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	<b>2</b>	Đạt
23	<b>Tiêu chuẩn 4.5:</b> CTĐT thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện CTĐT nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	<b>2</b>	Đạt

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở GDNN</b>
24	<b>Tiêu chuẩn 4.6:</b> CTĐT thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của CTĐT.	2	Đạt
25	<b>Tiêu chuẩn 4.7:</b> CTĐT đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	Đạt
26	<b>Tiêu chuẩn 4.8:</b> CTĐT đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	Đạt
27	<b>Tiêu chuẩn 4.9:</b> Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của CTĐT.	2	Đạt
28	<b>Tiêu chuẩn 4.10:</b> 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	Đạt
29	<b>Tiêu chuẩn 4.11:</b> Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong CTĐT; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	Đạt
30	<b>Tiêu chuẩn 4.12:</b> Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	Đạt
	<b>Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>	<b>16</b>	<b>16</b>
31	<b>Tiêu chuẩn 5.1:</b> Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	Đạt
32	<b>Tiêu chuẩn 5.2:</b> Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của CTĐT.	2	Đạt
33	<b>Tiêu chuẩn 5.3:</b> Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	Đạt
34	<b>Tiêu chuẩn 5.4:</b> Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.		
35	<b>Tiêu chuẩn 5.5:</b> Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	Đạt
36	<b>Tiêu chuẩn 5.6:</b> Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	Đạt
37	<b>Tiêu chuẩn 5.7:</b> Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	Đạt
38	<b>Tiêu chuẩn 5.8:</b> Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	Đạt
	<b>Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học</b>	8	8
39	<b>Tiêu chuẩn 6.1:</b> Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về CTĐT; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	Đạt
40	<b>Tiêu chuẩn 6.2:</b> Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	Đạt
41	<b>Tiêu chuẩn 6.3:</b> Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	Đạt



<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở GDNN</b>
42	<b>Tiêu chuẩn 6.4:</b> Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	<b>2</b>	Đạt
	<b>Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng</b>	<b>16</b>	<b>16</b>
43	<b>Tiêu chuẩn 7.1:</b> Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	<b>2</b>	Đạt
44	<b>Tiêu chuẩn 7.2:</b> Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	<b>2</b>	Đạt
45	<b>Tiêu chuẩn 7.3:</b> Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	<b>2</b>	Đạt
46	<b>Tiêu chuẩn 7.4:</b> Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	<b>2</b>	Đạt
47	<b>Tiêu chuẩn 7.5:</b> Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT theo quy định.	<b>2</b>	Đạt
48	<b>Tiêu chuẩn 7.6:</b> Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng CTĐT trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	<b>2</b>	Đạt
49	<b>Tiêu chuẩn 7.7:</b> Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	<b>0</b>	Không Đạt
50	<b>Tiêu chuẩn 7.8:</b> Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm	<b>2</b>	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	việc tại đơn vị sử dụng lao động.		

## 2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

### 2.2.1. Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính

#### Mở đầu

- Mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT ngành CNKTCĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM đã công bố theo từng giai đoạn phát triển và xu thế hội nhập quốc tế. Các nội dung của CTĐT đáp ứng được yêu cầu của xã hội, đặc biệt là các nhà sử dụng lao động. Để đáp ứng được mục tiêu của CTĐT, nhà trường đã có các văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa Cơ khí để thực hiện và hoàn thành. Ngoài ra, nhà trường có nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của CTĐT và có đủ nguồn lực hợp pháp để thực hiện CTĐT.

- Chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, quy định, phân bổ được thời gian đào tạo, số môn học, các tín chỉ...

- Được thành lập vào năm 2005, trải qua 18 năm phát triển, đến thời điểm hiện tại, ngành CNKTCĐT là một trong những ngành trọng điểm của nhà trường. Trong suốt quá trình phát triển, mục tiêu, nhiệm vụ Nhà trường được xác định một cách rõ ràng, cụ thể phù hợp với thực tế phát triển của xã hội được công bố rộng rãi trên website và các tờ rơi giới thiệu về Khoa, về Trường.

#### \* Những điểm mạnh

- Mục tiêu chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT rõ ràng, cụ thể bao quát được toàn bộ các kỹ năng từ cơ bản đến nâng cao. Hàng năm, Nhà trường đều xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể trong các lĩnh vực hoạt động. Định kỳ, mục tiêu, nhiệm vụ được rà soát, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế từng giai đoạn. Mục tiêu của chương trình đào tạo năm 2019-2020, 2020-2021 giúp sinh viên đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng và thái độ ngành nghề, giúp Sinh viên có được tay nghề vững sau khi ra trường, đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động có tay nghề cao. Chương trình đào tạo năm 2021-2022 có sự điều chỉnh để người học đạt được các mục tiêu kiến thức, có các kỹ năng và mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm phù hợp với xu thế phát triển mới.

- Chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT luôn có mục tiêu phù hợp mục tiêu của Nhà trường và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh đúng quy định. Theo từng năm Nhà trường có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho Khoa CK và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào

tạo; Khoa CK luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

- Hàng năm, Khoa CK tiến hành thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo theo kế hoạch được phân công và báo cáo kết quả thực hiện tự đánh giá cho nhà Trường, từ đó rà soát bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với nền công nghệ mới cũng như đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp.

- Chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT được Nhà trường đảm bảo kinh phí bằng nguồn thu hợp pháp để thực hiện đào tạo đảm bảo chất lượng, do Nhà trường hàng năm đã nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học.

#### **\* Những tồn tại**

- Trong những năm qua Khoa cơ khí đã xác định rõ tầm quan trọng của việc liên kết giữa Khoa cơ khí và Doanh nghiệp trong việc xây dựng chương trình đào tạo và thực hiện công tác đào tạo, nhưng sự liên kết với doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn như: Số lượng doanh nghiệp tham gia còn hạn chế, kế hoạch đào tạo không ổn định, nơi thực tập xa ảnh hưởng đến sinh hoạt của người học...

- Chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT mặc dù được rà soát, bổ sung hàng năm nhưng do sự phát triển của công nghệ mới thay đổi một cách nhanh chóng, thiết bị đào tạo của nhà Trường chưa cung cấp kịp thời những thay đổi của công nghệ mới, đội ngũ giảng viên được cập nhật kiến thức mới còn hạn chế. Vì vậy đã ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo.

#### **\* Kế hoạch nâng cao chất lượng**

- Trong những năm tới, Khoa CK sẽ đẩy mạnh công tác liên kết với doanh nghiệp bằng các thỏa thuận, hợp đồng cụ thể trong xây dựng chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, tham gia đào tạo của doanh nghiệp. Nâng số lượng doanh nghiệp được liên kết.

- Đề nâng cao tính thực tiễn, cập nhật công nghệ của giảng viên, Khoa thực hiện tốt kế hoạch đi thực tế doanh nghiệp của giảng viên.

- Thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng nâng cao phương pháp dạy học, và kiến thức chuyên môn cho giảng viên.

- Trong những năm qua giảng viên của Khoa được cử đi học tập ở nước ngoài, nhưng số lượng còn hạn chế, trong những năm tới, Khoa có kế hoạch tiếp tục cử các giảng viên trẻ bồi dưỡng học tập ở các nước tiên tiến.

- Nhà trường đẩy mạnh công tác mua sắm trang thiết bị để đáp ứng khoa học công nghệ hiện nay. Đồng thời liên kết với các doanh nghiệp bằng các hợp đồng sử dụng thiết bị của doanh nghiệp trong việc đào tạo. Không ngừng cải tiến quản lý, kiểm tra đánh giá về mọi mặt hoạt động của Khoa nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền để thu hút học sinh sinh viên.

- Hàng năm tiếp tục tổ chức, kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chung và mục tiêu cụ thể của từng chiến lược để có biện pháp điều chỉnh kế hoạch một cách có hệ thống, có lý luận chặt chẽ, đảm bảo mọi thành viên trong Trường và Khoa đều hiểu để nhận thức đúng và hành động đúng.

### **Điểm đánh giá tiêu chí 1**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 1</b>	<b>6</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2

**Tiêu chuẩn 1:** Mục tiêu của CTĐT phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

“Việc xác định rõ mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý của trường được xác định tại Đề án thành lập trường CĐ Công Thương Tp.HCM và được các cấp có thẩm quyền thông qua Quyết định thành lập trường”. (**1.1.01 - Quyết định số 5945/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 27 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp II trên cơ sở Trường Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Nhẹ Thủ Đức; 1.1.02 - Quyết định số 418/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 01 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp II thành Trường Cao đẳng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh; 1.1.03 - Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM**), nhận thấy mục tiêu của trường được xác định cụ thể:

“Trường Cao đẳng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh (HITC) là địa chỉ tin cậy trong đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và kinh tế; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu xã hội; là cơ sở nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất, kinh doanh đa lĩnh vực; có năng lực hội nhập khu vực và quốc tế, giúp người học trở thành những công dân có học thức, tự tin lập thân, lập nghiệp, làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Đến năm 2025 trở thành Trường chất lượng cao, cơ bản hoàn thành chuyển đổi số. Chất lượng đào tạo không ngừng được nâng cao, quy mô đào tạo được duy trì hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao và đa dạng của xã hội.

- Đến năm 2030, Trường đủ điều kiện trở thành trường đại học đào tạo đa ngành theo hướng ứng dụng, tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4, được xã hội tin nhiệm cao về chất lượng đào tạo với phương châm “học tập gắn liền với thực tiễn cuộc sống”, góp phần vào sự nghiệp phát triển của đất nước.....”.

Nhận thấy, Chương trình ngành CNKTCĐT được xây dựng đào tạo ra những cử nhân cơ điện tử có kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực cơ khí - tự động hóa, có khả năng thích ứng cao với các vị trí công việc khác nhau liên quan đến cơ khí và điều khiển. Cử nhân tốt nghiệp ngành CNKTCĐT có khả năng hệ thống hóa, tính toán và phân tích các truyền động cơ khí, thủy khí và điện trong các thiết bị, dây chuyền sản xuất tự động; đồng thời có kỹ năng đọc, vẽ và thiết kế được các loại bản vẽ; lắp đặt, đấu nối và lập trình được các thiết bị điều khiển trong hệ thống tự động hóa.

*(1.1.08 - Quyết định số 355/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2019; 1.1.09 - Quyết định 140a/QĐ-CDCT ngày 18/4/2022 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2021).*

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT rõ ràng, cụ thể, phù hợp với mục tiêu của trường và nhu cầu của thị trường lao động. Chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT bao quát toàn bộ các kỹ năng từ cơ bản đến nâng cao giúp cho HSSV có được tay nghề vững sau khi ra trường, đáp ứng được nhu cầu người lao động có tay nghề cao. Có thể thấy, theo các báo cáo phân tích thị trường lao động và dự báo nhu cầu nhân lực năm tới của thị trường lao động TP.HCM qua các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 đều cho thấy mức tuyển dụng nhân sự trong ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử luôn nằm ở những nhóm ngành cao nhất *(1.1.04 - Báo cáo số 411/BC-TTDBNL ngày 22/22/2018 & Báo cáo số 545/BC-TTDBNL ngày 05/12/2019 & Báo cáo số 796/BC-TTDBNL ngày 30/12/2020 & Báo cáo số 609/BC-TTDBNL ngày 07/12/2021 của Trung tâm dự báo nhu cầu nhân lực và thông tin thị trường lao động TP.HCM của Sở lao động thương binh và xã hội Tp.HCM).*

Tổng hợp các thông báo tuyển dụng trong 3 năm 2021, 2022, 2023 của các Doanh nghiệp gửi đến trường, mỗi năm nhà trường nhận được trung bình 50 thông báo tuyển dụng các ngành nghề khác nhau liên quan đến các nghề trường đang đào tạo từ các doanh nghiệp và đơn vị sử dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực lân cận. Trong đó, số lượng lao động liên quan đến nghề Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử là chủ yếu *(1.1.13 - Thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp hàng năm; 1.1.14 - Hình ảnh yêu cầu tuyển dụng người lao động được đào tạo từ chuyên ngành Cơ điện tử của các doanh nghiệp).*

Trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến 2020 và tầm nhìn 2025 của Chính phủ, đến năm 2020 nêu rõ:” ... Mục tiêu cụ thể về kinh tế: khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng từ 58,16% - 60,07%, khu vực công nghiệp -

xây dựng chiếm tỷ trọng từ 39,19 - 41,07% và nông nghiệp chiếm tỷ trọng từ 0,74% - 0,78%. Đến năm 2025: khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng từ 58,29% - 61,10%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng từ 38,29% - 41,05% và khu vực nông nghiệp chiếm tỷ trọng từ 0,61% - 0,66%....” (**1.1.15 - Quy hoạch phát triển dạy nghề thành phố Hồ Chí Minh đến 2025; 1.1.16 - Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến 2020 và tầm nhìn 2025**).

Ngoài ra, trong Quy hoạch phát triển dạy nghề thành phố Hồ Chí Minh đến 2025 cũng nêu “... quy mô đào tạo bình quân là 274.550 người/năm (bao gồm cả trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và bồi dưỡng thường xuyên) chủ yếu các lĩnh vực: Kinh doanh - Thương mại, Dịch vụ - Phục vụ, Vận tải - Kho bãi, Dệt may - Giày da, Cơ khí - Tự động hóa, Dịch vụ thông tin tư vấn - Chăm sóc khách hàng, Kinh doanh tài sản - Bất động sản, Kế toán - Kiểm toán, Dịch vụ Du lịch - Nhà hàng - Khách sạn, Điện tử - Công nghệ thông tin, Tài chính - Tín dụng - Ngân hàng,...”.

Trong các năm qua, Nhà trường đã thực hiện tuyển sinh và đào tạo các ngành nghề đúng các khu vực, lĩnh vực theo các quy hoạch trên; cụ thể hoá qua các ngành nghề, quy mô, địa điểm theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp phép, trong đó có ngành CNKTCĐT (**1.1.17 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 195/2017/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 28/06/2017 của Tổng cục Dạy nghề**).

Từ những phân tích trên, nhận thấy: Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề CNKTCĐT phù hợp với mục tiêu trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo của trường; phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề CNKTCĐT đã được trường công bố công khai trên Website của Trường tại địa chỉ: <https://hitu.edu.vn/>; thông tin tuyển sinh dạy nghề của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; các bảng Panô, áp phích giới thiệu trước cổng trường và trong khu vực Trường (**1.1.11 - Địa chỉ website của Trường: [www.hitu.edu.vn](http://www.hitu.edu.vn); 1.1.12 - Các ấn phẩm, tờ rơi, chứng nhận phát sóng, bài báo giới thiệu về Trường hàng năm**).

Về nội dung rà soát điều chỉnh mục tiêu chương trình đào tạo, được thể hiện cụ thể qua các minh chứng (**1.1.05 - Kế hoạch số 454a/KH-CDCT ngày 17/04/2019 về Kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo Cao đẳng theo Hệ thống giáo dục nghề nghiệp; 1.1.06 - Quyết định số 156 /QĐ-CDCT ngày 07/5/2019 thành lập Tổ biên soạn chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT năm 2019; 1.1.07 - Quyết định số 312/QĐ-CDCT ngày 26/06/2019; số 391a/QĐ-CDCT ngày 03/09/2021 thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT; 1.1.08 - Quyết định số 355/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2019; 1.1.09 - Quyết định 140a/QĐ-CDCT ngày 18/4/2022 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2021**).

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 2:** Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách CTĐT và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện CTĐT; khoa/đơn vị phụ trách CTĐT hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến CTĐT.

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nội dung các văn bản của nhà trường có quy định về cơ cấu tổ chức, bộ máy của trường (***1.1.03 - Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; 1.2.01 – Quyết định số 656/QĐ-CDCT ngày 1/11/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; 1.2.02 - Quyết định số 043/QĐ-CD KTKT CNII ngày 10/03/2001 về việc thành lập Khoa Cơ khí thuộc Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM***), sự phối hợp công tác giữa các đơn vị thuộc trường; tổ chức bộ máy và chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị, trong đó có Khoa Cơ khí. Cụ thể là:

“....

#### ***Điều 15. Khoa trực thuộc Trường***

##### ***1. Cơ cấu tổ chức***

- a) Lãnh đạo Khoa: Trưởng Khoa, các phó Trưởng Khoa.
- b) Bộ môn: Trưởng bộ môn, các giảng viên.
- c) Hội đồng Khoa.

##### ***2. Trưởng Khoa***

a) Trưởng Khoa do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo quy định của Trường.

b) Trưởng Khoa phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ trở lên và ngành đào tạo phải có trong ngành, nghề đào tạo của Khoa, đủ tiêu chuẩn giảng dạy trình độ cao đẳng;
- Đã qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp;
- Đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Công Thương (nếu có);
- Có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học ít nhất 02 năm;
- Có đủ sức khỏe; bảo đảm độ tuổi để tham gia ít nhất một nhiệm kỳ Trưởng Khoa.

Trường hợp Trường chưa bổ nhiệm được Trưởng Khoa thì phụ trách Khoa phải có trình độ thạc sĩ trở lên, ngành được đào tạo phải có trong ngành, nghề đào tạo của Trường; đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Công Thương (nếu có) và được hưởng phụ cấp trách nhiệm của Trường theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

c) Trưởng Khoa có nhiệm kỳ 05 năm; Trưởng Khoa được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ và quản lý 01 (một) Khoa không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tiếp. Việc tiếp tục bổ nhiệm lại hoặc luân chuyển, điều động phải phù hợp với năng lực chuyên môn, năng lực quản lý và tình hình thực tế của nhà trường

### 3. Phó Trưởng Khoa

a) Phó Trưởng Khoa do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo quy định của Trường.

b) Khoa có tối đa 02 phó Trưởng Khoa.

c) Phó Trưởng Khoa giúp Trưởng Khoa trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của Khoa theo sự phân công của Trưởng Khoa.

d) Phó Trưởng Khoa phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ trở lên và ngành đào tạo phải có trong ngành nghề đào tạo của Khoa, đủ tiêu chuẩn giảng dạy trình độ cao đẳng;
- Đã qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp;
- Đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Công Thương (nếu có);
- Có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học ít nhất 02 năm;
- Có đủ sức khỏe; bảo đảm độ tuổi để tham gia ít nhất một nhiệm kỳ Phó Trưởng Khoa.

e) Phó Trưởng Khoa có nhiệm kỳ 05 năm; phó Trưởng Khoa được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ.

### 4. Trưởng Bộ môn

a) Trưởng Bộ môn do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức tổ quy định của Trường.

b) Trưởng Bộ môn giúp Trưởng Khoa trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của Bộ môn theo sự phân công của Trưởng Khoa.

c) Trưởng Bộ môn phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ trở lên và ngành đào tạo phải có trong ngành nghề đào tạo của Bộ môn, đủ tiêu chuẩn giảng dạy trình độ cao đẳng,
- Có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học ít nhất 02 năm;
- Có đủ sức khỏe; bảo đảm độ tuổi để tham gia ít nhất một nhiệm kỳ Trưởng Bộ môn.



Trường hợp Trường chưa bổ nhiệm được Trưởng Bộ môn thì phụ trách Bộ môn phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn để bổ nhiệm Trưởng Bộ môn và được hưởng phụ cấp trách nhiệm của Trường theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

d) Trưởng Bộ môn có nhiệm kỳ 05 năm, Trưởng Bộ môn được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ.....”

## **Điều 26. Khoa**

### **1. Chức năng**

Khoa là đơn vị trực thuộc Trường có chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng về công tác thực hiện giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế và quản lý học sinh, viên.

### **2. Nhiệm vụ**

a) Đề xuất chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp với năng lực của Khoa, tham gia công tác tuyển sinh nhằm đảm bảo chỉ tiêu, quy mô và nâng cao chất lượng tuyển sinh.

b) Thực hiện xây dựng chương trình đào tạo của từng ngành, nghề theo từng trình độ đào tạo thuộc Khoa mình quản lý hoặc do Hiệu trưởng giao; biên soạn chương trình môn học, mô-đun; rà soát, cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn tài liệu giảng dạy, giáo trình đào tạo, tài liệu tham khảo; nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên, bảo đảm chuẩn đầu ra của học sinh, sinh viên theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.

c) Thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học; tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình đào tạo.

d) Lập kế hoạch và tổ chức hội thảo khoa học cấp Khoa. Thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ sở đào tạo liên quan đến ngành nghề đào tạo và huy động doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo của Khoa.

e) Thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho giảng viên, nhân viên, học sinh, sinh viên. Đề xuất kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên, nhân viên. Thực hiện các hoạt động truyền thông và đối ngoại, phát triển mạng lưới cựu học sinh, sinh viên và quan hệ doanh nghiệp, nâng cao hình ảnh và vị thế của Khoa và của Trường, khai thác hiệu quả các nguồn lực phục vụ đào tạo và nghiên cứu.

g) Quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; đề xuất, xây dựng các kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị đào tạo của Khoa.

h) Quản lý giảng viên, nhân viên và người học thuộc Khoa. Thực hiện đánh giá giảng viên, nhân viên trong Khoa và tham gia đánh giá viên chức quản lý.

### ***Điều 27. Bộ môn trực thuộc Khoa***

Bộ môn trực thuộc Khoa chức năng tham mưu và giúp Trường Khoa thực hiện nhiệm vụ của Khoa theo quy định tại Điều 26 và theo sự phân công của Trường Khoa ....”.

Qua các báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Khoa Cơ khí và nhận thấy Khoa Cơ khí đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo tại các minh chứng (**1.2.03 - Kế hoạch công tác năm Khoa CK năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 1.2.04 - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của Khoa CK năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 1.2.05 - Báo cáo tổng kết hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của Trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 1.2.06 - Các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua của tập thể Khoa CK từ năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 1.2.07 - Phiếu đánh giá, xếp loại hàng năm của CBNV và GV hoàn thành nhiệm vụ; 1.2.08 - Các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua của cá nhân Khoa CK năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**). Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Khoa CK quản lý đào tạo nghề CNKTCĐT; căn cứ nội dung, số liệu trong các minh chứng, các thành tích chủ yếu của Khoa CK 3 năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 như sau:

\* Thành tích 3 năm:

#### **Năm học 2020 -2021:**

+ Có **01** cá nhân được khen thưởng trong năm học 2020-2021 (Theo Quyết định số 579/QĐ-CĐCT ngày 06 tháng 10 năm 2021).

+ Có **01** cá nhân Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 19 cá nhân Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2021 (Theo Quyết định số 579/QĐ-CĐCT ngày 06 tháng 10 năm 2021).

+ Tập thể Lao động tiên tiến trong năm học 2020-2021 (Theo Quyết định số 579/QĐ-CĐCT ngày 06 tháng 10 năm 2021).

#### **Năm học 2021-2022:**

+ Có **03** cá nhân được khen thưởng trong năm học 2020- 2021(Theo Quyết định số 518/QĐ-CĐCT ngày 29 tháng 8 năm 2022).

+ Có **03** cá nhân Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và **19** cá nhân Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2022 (Theo Quyết định số 518/QĐ-CĐCT ngày 29 tháng 8 năm 2022).

+ Tập thể Lao động tiên tiến trong năm học 2021-2022 (Theo Quyết định số 518/QĐ - CĐCT ngày 29 tháng 08 năm 2022).

### **Năm học 2022-2023:**

+ Có **03** cá nhân được khen thưởng trong năm học 2022- 2023 (Theo Quyết định số 595/QĐ-CĐCT ngày 16 tháng 8 năm 2023).

+ Có **03** cá nhân Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và **18** cá nhân Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2023 (Theo Quyết định số 595/QĐ-CĐCT ngày 16 tháng 8 năm 2023).

+ Tập thể Lao động tiên tiến trong năm học 2022-2023 (Theo Quyết định số 595/QĐ - CĐCT ngày 16 tháng 08 năm 2023).

\* Công tác nghiên cứu khoa học: Trong 3 năm 2021, 2022, 2023 các nhà giáo Khoa Cơ khí đã hoàn thành:

- Viết báo đăng trên tạp chí trong nước: 2 bài.
- Hướng dẫn sinh viên trong các hoạt động đào tạo – nghiên cứu khoa học: 1 bài.
- Hướng dẫn sinh viên tham gia các dự án khởi nghiệp: 2 giảng viên.
- Biên soạn giáo trình nội bộ: 4 giảng viên.
- Hướng dẫn sinh viên thi tay nghề cấp thành phố: 1 giảng viên.
- Giảng viên tham gia dạy giỏi cấp Trường: 2 giảng viên.
- Tham gia hội thi thiết bị dạy nghề phục vụ giảng dạy: 3 giảng viên.

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 3:** Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của CTĐT và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện CTĐT.

### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Định mức kinh tế kỹ thuật nghề CNKTCĐT của trường được xây dựng theo Thông tư số 14/2017/TT-BLĐTBXH; Thông tư số 07/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH để làm căn cứ xây dựng định mức chi tối thiểu cho một người học (***1.3.01 - Định mức kinh tế kỹ thuật ngành CNKTCĐT năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023***); từ đó Trường xây dựng và ban hành định mức chi tối thiểu cho một người học (***1.3.02 - Định mức chi tối thiểu cho một sinh viên năm 2021, 2022, 2023***). Trường khi xác định định mức chi tối thiểu cho một người học hàng năm có xác định rõ từng nội dung cụ thể theo khoản, mục; nội dung khoản thu phản ánh được số liệu năm trước chuyển sang, nội dung khoản chi phản ánh rõ các chỉ tiêu sử dụng kinh phí cơ bản là: tiền lương, chi phí thường xuyên, trang thiết bị, dụng cụ thực hành nghề, mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ, nguyên vật liệu. (***1.3.03 - Bảng tổng hợp thu chi ngành CNKTCĐT các năm 2020, 2021, 2022***). Nguồn tài chính hàng năm tại Trường đều

được sử dụng đúng mục đích, rõ ràng, công khai và được cơ quan chủ quản (Bộ Công Thương) thẩm tra phê duyệt theo từng năm (**1.3.04 - Báo cáo tài chính năm 2020, 2021, 2022; 1.3.05 - Biên bản xét duyệt quyết toán và thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách các năm 2020, 2021, 2022**).

Qua nghiên cứu báo cáo tài chính của trường, và tổng hợp được các số liệu thu, chi đối với các lớp đào tạo nghề CNKTCĐT trình độ Cao đẳng trong 3 năm học 2020, 2021, 2022 như sau:

Định mức chi tối thiểu theo tính toán là:

Năm 2020: 6.221.518 đồng/ SV;

Năm 2021: 7.229.563 đồng/ SV;

Năm 2022: 7.229.563 đồng/SV;

Thu, chi thực tế của nghề CNKTCĐT, trình độ Cao đẳng là:

Năm 2020: Tổng thu: 2.062.500.000 đồng; Tổng chi: 1.041.150.868 đồng;

Trong đó mức chi cho mỗi HSSV là: 6.995.542 đồng;

Năm 2021: Tổng thu: 1.762.490.000 đồng; Tổng chi: 1.592.578.580 đồng;

Trong đó mức chi cho mỗi HSSV là: 6.995.542 đồng.

Năm 2022: Tổng thu: 1.514.995.000 đồng; Tổng chi: 994.390.528 đồng;

Trong đó mức chi cho mỗi HSSV là: 7.768.676 đồng.

Như vậy, trong 3 năm 2020, 2021 và 2022, tổng số thu của nghề CNKTCĐT, trình độ Cao đẳng của Trường luôn lớn hơn tổng số chi và mức chi cho mỗi HSSV đều lớn hơn định mức chi tối thiểu. Trường đảm bảo mức chi thực tế cao hơn định mức chi mức tối thiểu cho một người học và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo nghề CNKTCĐT, trình độ Cao đẳng.

Về nội dung mức kinh phí trường chi thực tế cho nghề CNKTCĐT đào tạo ở trình độ Cao đẳng, các biên bản thanh kiểm tra hoạt động đào tạo, báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học của trường, của Khoa CNKTCĐT (**1.3.06 - Kế hoạch thanh tra đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 1.3.07 - Biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo năm 2020, 2021, 2022; 1.3.08 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**).

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 2 điểm***

#### **2.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo**

##### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:**

##### ***Mở đầu***

- Để đảm bảo chất lượng trong quá trình dạy và học, kế hoạch đào tạo ngành CNKTCĐT được xây dựng và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn sản xuất. Kế hoạch tuyển sinh được xây dựng dựa trên nhu cầu của thị trường lao động và triển khai đúng theo quy định. Với chất lượng đào tạo và công tác

truyền thông hợp lý, kết quả tuyển sinh hàng năm đều đạt 100% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

- Nhà trường đã có chủ trương và thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo dạy nghề dài hạn tập trung, ngắn hạn; phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của các môn học ngành CNKTCĐT.

- Công tác dạy và học ngành CNKTCĐT được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, việc tuyển sinh đúng thủ tục, đúng quy chế, đa dạng hoá hình thức tổ chức, chương trình đào tạo theo yêu cầu đào tạo gắn với việc làm, theo nhu cầu của người học, người sử dụng lao động và xã hội. Bên cạnh đó, Khoa CK luôn kết nối, phối hợp với các đơn vị sử dụng lao động để tạo cơ hội cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động.

*\* Những điểm mạnh*

- Công tác tuyển sinh được thực hiện theo quy định của Bộ LĐ-TB&XH, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

- Trường có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định, Khoa CK có phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học;

- Khoa CK phối hợp tốt với doanh nghiệp trong việc tổ chức, hướng dẫn, đánh giá cho người học thực tập tại các doanh nghiệp phù hợp với nghề CNKTCĐT trong quá trình học;

- Nhà trường tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định, có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

- Trong công tác đào tạo ngành CK, nhà trường đã chú trọng thực hiện đa dạng hóa các hình thức tổ chức đào tạo, với hình thức dạy học dài hạn tập trung, ngắn hạn, đào tạo theo địa chỉ, thiết lập mối liên hệ chặt chẽ với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đáp ứng yêu cầu của người học, người sử dụng lao động.

- Hàng năm, nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, kết quả tuyển sinh ngành CNKTCĐT có 2 năm là 2020 và 2023 vượt chỉ tiêu, riêng 2 năm 2021 và 2022 do bị ảnh hưởng bởi dịch Covid nên chỉ đạt trên 85% chỉ tiêu tuyển sinh theo kế hoạch. Kết quả tuyển sinh ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng của Khoa CK năm 2020 là 75 Sinh viên, năm 2021 là 70 Sinh viên, năm 2022 là 63 sinh viên, năm 2023 là 77 sinh viên.

- Các giảng viên trong khoa đều thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc

lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

- Trong công tác đào tạo ngành CNKTCĐT, nhà trường đã thiết lập được môi liên hệ chặt chẽ với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhằm tạo điều kiện cho 100% sinh viên trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành đào tạo.

*\* Những tồn tại*

- Trường cũng như khoa luôn đối diện với các thách thức trong tuyển sinh cao đẳng nghề do tâm lý người học vẫn thích lựa chọn đào tạo đại học.

- Việc ứng dụng ngoại ngữ như tiếng Anh trong giảng dạy các môn chuyên ngành vẫn còn nhiều hạn chế.

*\* Kế hoạch nâng cao chất lượng*

- Thường xuyên nâng cao chất lượng chuyên môn cho đội ngũ giảng viên thông qua các buổi dự giờ, đánh giá chất lượng giảng dạy, tổ chức rút kinh nghiệm và đưa ra các kiến nghị nhằm cải thiện phương pháp giảng dạy, giúp người học tăng tính tích cực, năng động trong học tập và làm việc sau này. Ngoài ra, Khoa còn tổ chức các buổi hội thảo về chuyên môn, về đổi mới phương pháp giảng dạy cho giảng viên nhằm trau dồi, cập nhật các thông tin về chuyên môn giảng dạy và nâng cao các kỹ năng sử dụng các công cụ giảng dạy hiện đại. Đảm bảo 90% giảng viên áp dụng phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hoá người học một cách hiệu quả.

- Mở rộng hơn quan hệ giao lưu với các trường bạn và hợp tác quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ, giáo viên nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

- Thực hiện tốt việc gắn kết đào tạo giữa doanh nghiệp và Nhà trường để đảm bảo thời lượng đào tạo tại doanh nghiệp theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

## **Điểm đánh giá tiêu chí 2**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 2</b>	<b>12</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	0

**Tiêu chuẩn 1:** Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT – Trình độ Cao đẳng của Nhà trường có trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp với quy mô tuyển sinh/năm là 70 chỉ tiêu (**1.1.17 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 195/2017/GCNĐKHĐ-TCDN ngày 28/06/2017 của Tổng cục Dạy nghề**).

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT - BLĐT BXH, ngày 02/3/2017, Thông tư số 07/2019/TT - BLĐT BXH ngày 07/3/2019, Thông tư 05/2021/TT-BLĐT BXH ngày 07/7/2021 Nhà trường đã xây dựng, ban hành quy chế tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022 (**2.1.01 - Quyết định số 70/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy 2020 Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 27/2/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 265/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy 2021 Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 27/2/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 265/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy 2022 Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 27/2/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; 2.1.02 - Quyết định số 536a/QĐ-CDCT ngày 27/2/2022 Ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM**).

Trường căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh được cấp phép đào tạo và xây dựng Đề án tuyển sinh cao đẳng năm 2020, 2021, 2022, 2023 (**2.1.03 – Đề án tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023**): Năm 2020 đề án số 244/ĐATS - CDCT ngày 10/12/2019; năm 2021 đề án số 19/ĐATS-CDCT ngày 14/01/2021 và năm 2022 đề án số 292/ĐATS - CDCT ngày 12/12/2021; năm 2023 đề án số 119/ĐATS-CDCT ngày 10/05/2022. Trong đó xác định rõ phương án, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu cụ thể từng ngành, nghề (ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng có chỉ tiêu tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022, 2023 là 70 chỉ tiêu).

Căn cứ Đề án tuyển sinh từng năm, phòng Quản lý Đào tạo xây dựng, trình duyệt các kế hoạch tuyển sinh (**2.1.05 - Kế hoạch tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023**); thông báo tuyển sinh (**2.1.04 - Thông báo tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023**); thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS), Ban thư ký HĐTS, Ban tư vấn tuyển sinh, Ban truyền thông tuyển sinh (**2.1.06 - Các quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm**



2021, 2022, 2023; **2.1.07** - Các quyết định thành lập Ban thư ký hội đồng tuyển sinh, Ban tư vấn tuyển sinh, Ban truyền thông tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023) và triển khai thực hiện (**2.1.08** - Biên bản họp xét tuyển của Hội đồng tuyển sinh 2021, 2022, 2023; **2.1.09** - Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển năm 2021, 2022, 2023): Quyết định số 269a/QĐ-CDCT ngày 25/8/2021; Quyết định số 537a/QĐ-CDCT ngày 30/9/2022; Quyết định số 843/QĐ-CDCT ngày 1/11/2023).

Căn cứ vào số lượng thí sinh trúng tuyển nhập học, Nhà trường biên chế các lớp ngành CNKTCĐT trình độ Cao đẳng (**2.1.10** - Quyết định biên chế các lớp và quyết định thi sinh đã trúng tuyển năm 2021, 2022, 2023):

Quyết định số 269a/QĐ-CDCT ngày 25/8/2021: 70 sinh viên;

Quyết định số 537a/QĐ-CDCT ngày 30/9/2022: 63 sinh viên;

Quyết định số 843/QĐ-CDCT ngày 1/11/2023: 77 sinh viên

Hồ sơ nhập học có các giấy tờ quy định: Học bạ; Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (Bằng tốt nghiệp THPT); Giấy khai sinh; Sơ yếu lý lịch, Giấy chứng nhận ưu tiên (**2.1.14** - Hồ sơ thi sinh trúng tuyển nhập học CNKTCĐT năm 2021, 2022, 2023).

Kết quả tuyển sinh hàng năm: Trường có báo cáo gửi Bộ Công Thương, Sở LĐTB&XH TP.HCM theo quy định (**2.1.11** - Báo cáo công tác tuyển sinh, tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023; **2.1.15** - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật trong việc quản lý, điều hành công tác tuyển sinh, quản lý đào tạo năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023); công khai trên website Trường <https://hitu.edu.vn/906-TRACUUTHONGTINDANGKY> (**2.1.12** - Ảnh chụp tra cứu kết quả tuyển sinh năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).

Công tác tuyển sinh của Trường thực hiện theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Trường xây dựng đề án tuyển sinh hàng năm, tuyển sinh công khai, kết quả xét tuyển khách quan và không có khiếu nại. Về chuẩn đầu ra của ngành CNKTCĐT được công bố trên trang website của Trường [www.hitu.edu.vn](http://www.hitu.edu.vn) (**1.1.11** – Địa chỉ website của Trường: [www.hitu.edu.vn](http://www.hitu.edu.vn)) và tại các buổi sinh hoạt đầu khóa, sổ tay sinh viên (**2.1.16** – Sổ tay HSSV).

Thống kê kết quả tuyển sinh của Trường:

Năm	Chỉ tiêu theo GCN GDNN	Kết quả tuyển sinh đã thực hiện báo cáo	Tỷ lệ Kết quả tuyển sinh/ Chỉ tiêu theo GCN GDNN (%)	Ghi chú
2020	70	75	107.1%	
2021	70	70	100%	
2022	70	63	90%	



2023	70	77	110%	
------	----	----	------	--

Trong các năm 2020, 2021, 2023 Trường tuyển sinh ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng đều đủ và vượt chỉ tiêu được cấp phép. Riêng năm 2022 vì ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nên chỉ tuyển sinh của ngành chỉ đạt 90% so với chỉ tiêu.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 2:** Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT – Trình độ Cao đẳng (***1.1.08 - Quyết định số 355/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2019; 1.1.09 - Quyết định 140a/QĐ-CDCT ngày 18/4/2022 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2021***) của Nhà trường có trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (***1.1.17 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 195/2017/GCNĐKHH-TCDN ngày 28/06/2017 của Tổng cục Dạy nghề***).

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT - BLĐT BXH ngày 13/3/2017 và Thông tư số 04/2022/TT-BLĐT BXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, Nhà trường đã xây dựng ban hành Quy chế đào tạo của trường (***2.2.01 - Quyết định số 508/QĐ-CDCT ngày 5/9/2019 ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; 2.2.02 - Quyết định số 654a/QĐ-CDCT ngày 15/5/2022 ban hành Quy định tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ***).

Căn cứ vào chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT, phòng Quản lý Đào tạo phối hợp với Khoa Cơ khí thực hiện lập kế hoạch đào tạo (***2.2.03 - Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023***): Kế hoạch đào tạo thể hiện toàn bộ thời gian giảng dạy, học tập của chương trình đào tạo; xác định thời điểm bắt đầu và kết thúc của mỗi học kỳ, năm học, khóa học; thời gian, thời lượng đào tạo các môn học, mô đun, tín chỉ của chương trình đào tạo; thời gian đào tạo lý thuyết, thực hành, thực tập doanh nghiệp; kế hoạch và tổ chức các hoạt động bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; thời gian thi hết môn học, mô đun, thời gian nghỉ hè, lễ tết, khai giảng, bế giảng; thời gian học tập ngoại khóa..., căn cứ vào kế hoạch đào tạo phòng, khoa xây dựng tiến độ đào tạo (***2.2.04 - Tiến độ đào tạo năm***

học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023); thời khóa biểu (2.2.05 - Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên Khoa Cơ khí năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023) và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Khi có kế hoạch đào tạo (KHĐT), thời khóa biểu học kỳ, giảng viên lập kế hoạch giảng dạy (2.2.06 - Kế hoạch giảng dạy của giảng viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023); soạn giáo án (2.2.07 - Giáo án giảng dạy của giảng viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023); lên lớp thực hiện ghi chép vào sổ lên lớp, sổ tay giảng viên (2.2.08 - Sổ lên lớp của giảng viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.2.09 - Sổ tay của giảng viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023); Các hồ sơ sổ sách của giảng viên được khoa ký phê duyệt, kiểm tra trong từng học kỳ của năm học.

Mẫu biểu hồ sơ của trường, giảng viên theo quy định của Thông tư số 23/2018/TT- BLĐT BXH ngày 06/12/2018.

Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học thường xuyên như kiểm tra giáo viên dạy theo thời khóa biểu, giờ ra vào lớp, kiểm tra định kỳ, đột xuất (2.2.11 - Kế hoạch dự giờ, Phiếu dự giờ năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023), thực hiện kiểm tra giám sát có ghi nhận biên bản (2.2.10 - Tập biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023): lớp không có giảng viên, giảng viên vào muộn, thay đổi phòng học... và báo cáo theo quy định (1.3.08 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.2.12 - Báo cáo kết quả dự giờ, đánh giá giảng viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.2.13 - Báo cáo tổng kết hàng năm: Khoa Cơ khí, phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL, phòng CTHS-Sinh viên). Trong năm học 2020 - 2021, tất cả giảng viên Khoa Cơ khí đã thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy của Nhà trường, đúng nội dung chương trình môn học; giảng viên khi lên lớp đều chuẩn bị đầy đủ hồ sơ giảng dạy cũng như việc tổ chức kiểm tra, đánh giá điểm quá trình đúng quy định; Hoàn thành tốt công tác giảng dạy trong năm học đúng tiến độ theo kế hoạch đào tạo.

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 3:** Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Khoa Cơ khí được giao nhiệm vụ thực hiện đào tạo ngành CNKTCĐT - Trình độ Cao đẳng (1.2.02 - Quyết định số 043/QĐ-CD KTKT CNII ngày 10/03/2001 về

*việc thành lập Khoa Cơ khí thuộc Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; 1.1.03 - Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/2/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM).*

Chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT - Trình độ Cao đẳng được ban hành lần đầu năm 2017 khi chuyển đổi cơ quan quản lý sang Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Trường thực hiện rà soát điều chỉnh năm 2019 và năm 2021 (*1.1.08 - Quyết định số 355/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2019; 1.1.09 - Quyết định 140a/QĐ-CDCT ngày 18/4/2022 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2021*).

Trường, Khoa đã căn cứ vào chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT và các quy định liên quan xây dựng kế hoạch, tiến độ đào tạo nghề CNKTCĐT theo từng khóa học, năm học (*2.2.03 - Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.2.04 - Tiến độ đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.2.05 - Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên Khoa Cơ khí năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*).

Giảng viên của khoa giảng dạy ngành CNKTCĐT trình độ Cao đẳng đã thực hiện giảng dạy theo phân công (*2.2.06 - Kế hoạch giảng dạy của giảng viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*); áp dụng phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học thể hiện qua hồ sơ giảng dạy của giáo viên (*2.2.07 - Giáo án giảng dạy của giảng viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.2.08 - Sổ lên lớp của giảng viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.2.09 - Sổ tay của giảng viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*); ứng dụng công nghệ thông tin trong bài giảng (Máy chiếu, video, phần mềm...); áp dụng các phương pháp dạy học tích cực như làm việc nhóm, nêu vấn đề, bài tập tình huống...

Năm 2021 TP. Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng nặng trong dịch bệnh Covid -19, các trường phải học online để đảm bảo tiến độ năm học. Thực hiện chủ trương chung, Nhà trường triển khai dạy học trực tuyến cho các ngành nghề Trường đang đào tạo (*2.3.01 – Thông báo số 87/TB - CDCT ngày 07/5/2021 V/v dạy học online, phòng chống dịch Covid -19*): 100% giảng viên ngành, nghề của Trường và nói riêng giảng viên ngành CNKTCĐT đã biên soạn bài giảng điện tử để phục vụ giảng dạy trực tuyến.

Thông kê các môn học mô đun của chương trình có phần mềm mô phỏng, thiết bị ảo ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học:

<b>Chương trình</b>	<b>Số MH/MĐ chuyên ngành</b>	<b>Số MH/MĐ ứng dụng CNTT</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
Chương trình CNKTCĐT – năm 2019	28	25	89.2%
Chương trình CNKTCĐT năm 2021	33	30	90.9%

Trong đó có các Môn học, mô đun chuyên ngành ứng dụng công nghệ thông tin như:

<b>TT</b>	<b>Môn học, mô đun chuyên ngành</b>	<b>Có sử dụng</b>	
		<b>Phần mềm mô phỏng</b>	<b>Các phần mềm hỗ trợ bài giảng</b>
1	Cơ học ứng dụng		MD Solid, Powerpoint, Zalo, Kahoot!
2	Vẽ kỹ thuật 1		Powerpoint, Inventor, Autocad 2D, Zalo
3	Vẽ kỹ thuật 2		Powerpoint, Inventor, Autocad 2D, Zalo
4	Dung sai – kỹ thuật đo		Powerpoint, Autocad 2D, Zalo, Kahoot!
5	Điều khiển số trong công nghiệp	Proteus	Powerpoint, Zalo
6	Nguyên lý – chi tiết máy		Powerpoint, Linkage, Zalo, Kahoot!
7	AutoCAD 2D	AutoCAD	Powerpoint, Zalo
8	Trang bị điện trong máy cắt kim loại		AutoCAD
9	Công nghệ khí nén – thủy lực	Festo	Powerpoint, Zalo
10	Công nghệ khí nén – thủy lực nâng cao	Festo	Powerpoint, Zalo
11	Vật liệu học		Powerpoint, Zalo, Kahoot!
12	Solidworks	Solidworks	Powerpoint, Zalo
13	Điều khiển tự động	Matlab	Powerpoint, Zalo

TT	Môn học, mô đun chuyên ngành	Có sử dụng	
		Phần mềm mô phỏng	Các phần mềm hỗ trợ bài giảng
	(cơ khí)		
14	Vi điều khiển	CodeVisionAVR C	Powerpoint, Zalo
15	PLC	TIA Portal V16	Powerpoint, Zalo
16	Hệ thống cơ điện tử	TIA Portal V16	Powerpoint, Zalo
17	Công nghệ CNC	SSCNC	Powerpoint, Zalo
18	Thực tập CNC	SSCNC	Powerpoint, Zalo
19	Công nghệ CAD/CAM	Creo	Powerpoint, Zalo
20	Đồ án hệ thống cơ điện tử	Soliworks, TIA Portal V16	Powerpoint, Zalo
21	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	TIA Portal V16	Powerpoint, Zalo
22	Thực tập hệ thống cơ điện tử	WPLSoft 2.51, Cade Simu	Powerpoint, Zalo
23	Matlab	Matlab	Powerpoint, Zalo
24	Kỹ thuật Robot	Easy Robot	Powerpoint, Zalo
25	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	Visual Studio	Powerpoint, Zalo
26	Tự động hóa quá trình sản xuất		Powerpoint, Solidworks, Zalo
27	An toàn và môi trường công nghiệp		Powerpoint, Zalo, Kahoot!
28	Công nghệ bảo trì thiết bị cơ khí		Powerpoint, Inventor, Zalo
29	Lập trình nhúng	KeilC Arm	Powerpoint, Inventor, Zalo
30	Thiết kế tủ điều khiển	AutoCAD	Powerpoint, Inventor, Zalo

TT	Môn học, mô đun chuyên ngành	Có sử dụng	
		Phần mềm mô phỏng	Các phần mềm hỗ trợ bài giảng
31	Đồ án tốt nghiệp	Soliworks, TIA Portal V16	Powerpoint, Inventor, Zalo

Trường có Phần mềm quản lý đào tạo: Phần mềm hệ thống quản lý đào tạo (edusoft.net), được thực hiện theo hợp đồng số 004/HĐ/2009 ngày 22/01/2019 do công ty Anh Quân thiết kế và cung cấp.

Phần mềm được sử dụng có hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý thời khóa biểu dạy và học; giảng viên, Sinh viên có tài khoản vào truy cập và tra cứu được các thông tin về: tuyển sinh; thời khóa biểu; lịch thi, kiểm tra; tra cứu điểm hết môn, học phần; điểm đánh giá rèn luyện; kết quả công nhận tốt nghiệp ...*(2.3.02- Hợp đồng gói thầu: phần mềm quản lý đào tạo của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM với Công ty TNHH Công nghệ Anh Quân; 2.3.03 - Các ảnh chụp: website kết nối phần mềm Edusoft; truy cập và tra cứu được các thông tin về: tuyển sinh; thời khóa biểu; lịch thi, kiểm tra; tra cứu điểm hết môn, học phần; điểm đánh giá rèn luyện; kết quả công nhận tốt nghiệp).*

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 4:** Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành đào tạo.

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nghiên cứu các minh chứng về phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; nhận thấy có các công ty như Công ty TNHH TM DV Thế Hải; Công ty TNHH kỹ thuật Cơ điện lạnh Bình Minh; Công ty TNHH MTV Yumoto Việt Nam; Công ty GES Việt Nam; Công ty Cơ khí Trọng Nhất đã nhận sinh viên khoa Cơ khí thực tập doanh nghiệp, tài trợ học phí, học bổng, tham gia học phần doanh nghiệp, nhận SV tốt nghiệp vào làm việc *(2.4.02 - Biên bản ghi nhớ hợp tác với doanh nghiệp về việc cho sinh viên thực hành, thực tập tại các doanh nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).*

Chú trọng phát huy tính tích cực, tự giác, rèn luyện ý thức học tập, tiêu chí gắn liền các hoạt động đào tạo với thực tiễn của người học, Khoa Cơ khí phối hợp và liên kết chặt chẽ với các công ty, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất để tổ chức cho Sinh viên đi thực tập, thực tế sản xuất tại Doanh nghiệp *(2.4.09 - Kế hoạch cho Học sinh sinh viên*

*khoa Cơ khí đi tham quan thực tế tại các doanh nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).*

Mục đích yêu cầu: củng cố và nâng cao kiến thức thông qua tham quan doanh nghiệp (Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp); tiếp cận được cơ cấu tổ chức, quy trình sản xuất sản phẩm tại doanh nghiệp như Công ty TNHH cơ khí Thế Hải, công ty Minh Nguyên, Cty ALTA Plastic, công ty NIDEC khu công nghệ cao, Cty Crown Sài Gòn; Cty TNHH DV SX KT Trường An, công ty Global Equipment Services & Manufacturing Vietnam Company Limited (**2.4.10 - Hình ảnh Giảng viên và Học sinh sinh viên đi thực tế tại các đơn vị doanh nghiệp; 2.4.11 - Báo cáo tham quan thực tế tại doanh nghiệp của Giảng viên và Học sinh sinh viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**); Khoa đã tổ chức cho sinh viên đi thực tế tại các doanh nghiệp, tạo được mối quan hệ gắn kết với các doanh nghiệp như công ty Minh Nguyên, Cty ALTA Plastic, công ty NIDEC khu công nghệ cao, Cty Crown Sài Gòn; ký hợp đồng ghi nhớ và hợp đồng đào tạo với công ty TNHH Phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng – STC... (**2.2.13 - Báo cáo tổng kết hàng năm: Khoa Cơ khí, phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL, phòng CTHS-Sinh viên**).

Môn học Thực tập tốt nghiệp được khoa Cơ khí thực hiện hàng năm (**2.4.01 – Kế hoạch cho học sinh sinh viên đi thực tập tại các đơn vị năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**); Kế hoạch có đủ các thông tin về sinh viên được cử đi thực tập, đơn vị sinh viên thực tập; thời gian thực tập của sinh viên (**2.4.03 - Các Quyết định về việc cử sinh viên đi thực hành, thực tập tại doanh nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**) và có giảng viên hướng dẫn kèm theo (**2.4.04 - Danh sách giảng viên hướng dẫn thực tập tốt nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**); sinh viên thực tập theo đề cương (**2.4.05 - Đề cương thực hành, thực tập tại doanh nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**): theo nhóm đề tài và thực tế tại công ty doanh nghiệp các sinh viên thực tập tốt nghiệp. Kết thúc thời gian thực tập sinh viên viết báo cáo thực tập và được đánh giá môn học (**2.4.06 - Báo cáo kết quả thực tập của sinh viên, báo cáo của giảng viên về việc thực tập của nhóm sinh viên tại đơn vị năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.07 - Bảng tổng hợp kết quả thực tập, kết quả tốt nghiệp của học sinh sinh viên năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 - bảng tổng hợp có đầy đủ thông tin: ngành, lớp, tên sinh viên, ngày sinh, tên doanh nghiệp thực tập, kết quả thực tập, số quyết định công nhận tốt nghiệp, xếp loại tốt nghiệp**).

Trường đào tạo theo phương thức tín chỉ, sinh viên học đủ các tín chỉ quy định (Trong đó có mô đun Thực tập tốt nghiệp) thì nộp đơn xin xét tốt nghiệp. Trong 3 năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, có 174 sinh viên ngành CNKTCĐT tốt nghiệp đều có đi thực tập tại doanh nghiệp trước khi tốt nghiệp, đạt tỉ lệ 100% (**2.4.08 - Các Quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp và các Quyết định công nhận tốt nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**).



### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 5:** Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ TT 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017, TT 04/2022 - BLĐTĐBXH ngày 30/3/2022 Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, Trường đã ban hành Quyết định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp:

Quyết định số 508/QĐ-CDCT ngày 5/9/2019 ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM: 4 chương, 27 điều. Quyết định số 654a/QĐ-CDCT ngày 15/5/2022 ban hành Quy định tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ: 4 chương, 28 điều. *(2.2.01 - Quyết định số 508/QĐ-CDCT ngày 5/9/2019 ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; 2.2.02 - Quyết định số 654a/QĐ-CDCT ngày 15/5/2022 ban hành Quy định tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ).*

Căn cứ thông tư 17/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/6/2017 Trường xây dựng và ban hành Quy chế học sinh sinh viên, trong đó có quy định nội dung về đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh sinh viên *(2.5.01 – Quyết định số 520/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 V/v ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Công thương thành phố Hồ Chí Minh; 2.5.16 - Bản cứng và mẫu phiếu tự đánh giá rèn luyện năm học [2020-2021], [2021-2022] trực tuyến, 2022-2023).*

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao Động – Thương Binh và Xã Hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, Trường đã ban hành quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp *(2.5.17 - Quyết định số 521/QĐ-CDCT ngày 09/9/2019 ban hành Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM).*

Văn bằng, chứng chỉ Trường sử dụng cấp cho khoá sinh viên tuyển sinh từ năm 2017 thực hiện đúng theo hướng dẫn Thông tư 10/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/03/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, huỷ bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng của Bộ LĐTBXH. Hiệu trưởng có ban hành quyết định phê duyệt mẫu phôi bằng và báo cáo mẫu phôi bằng



tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng với Tổng cục GDNN, Sở LĐTĐ TP.HCM, Công an TP.HCM (**2.5.18 - Quyết định số 507/QĐ-CDCT ngày 5/9/2019 về việc ban hành Quy chế in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; 2.5.19 - Quyết định số 374a/QĐ-CDCT về việc phê duyệt mẫu phôi bằng trung cấp, cao đẳng ban hành ngày 14/8/2019 của Hiệu trưởng Trường**).

Thực hiện quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, Trường quy định Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học (**2.5.02 - Quyết định số 705/QĐ-CDCT ngày 10/11/2021 ban hành Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM**); Quy trình có lược đồ xác định trách nhiệm cụ thể các đơn vị: phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL, các khoa theo quy định trình tự: Lập các quyết định của kỳ thi; Công tác chuẩn bị; Xếp lịch thi; Điều chỉnh lịch thi; Thông báo lịch thi chính thức; Thành lập Ban coi thi, Ban chấm thi; Thông báo lịch coi thi, Chuẩn bị hồ sơ phòng thi; Đề thi; Coi thi; Chấm thi, công bố kết quả.

Tổ chức thi, kiểm tra kết thúc môn có kế hoạch (**2.5.03 - Kế hoạch tổ chức thi, kiểm tra kết thúc môn năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**), thành lập Hội đồng thi kết thúc môn, Ban coi thi, Ban chấm thi và trình Hiệu trưởng duyệt ban hành (**2.5.04 - Quyết định thành lập Hội đồng thi kết thúc môn năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.5.05 - Quyết định thành lập Ban coi thi, Ban chấm thi kết thúc môn năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**).

Tổ chức coi thi, chấm thi kết thúc môn các đơn vị có thực hiện đúng theo quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; môn thi tự luận theo hai hình thức thi viết và thi trắc nghiệm; có phân công hai giảng viên coi thi, chấm thi (**2.5.07 - Danh sách người học dự thi có chữ ký của người học và cán bộ coi thi năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**); bài thi trắc nghiệm được lưu trữ trên máy tính; bài thi tự luận khi chấm có cắt phách, Trung tâm KT&ĐBCL có lưu trữ đầy đủ (**2.5.08 - Bài thi lưu kết thúc môn (bản cứng, bản mềm) năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.5.09 - Phiếu chấm bài thi lưu kết thúc môn năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**). Riêng các mô đun thực hành trong CTĐT chi tiết có quy định: đánh giá điểm thực hành mô đun là điểm trung bình cộng điểm giảng viên đánh giá trong quá trình Sinh viên học thực hành. Điểm các môn học, mô đun có công khai trên website Trường, sinh viên tra cứu được kết quả bằng tài khoản cá nhân (**2.5.10 - Bảng điểm Sinh viên các môn trong HK năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.5.11 - Ảnh tra cứu điểm trên website Trường**).

Học kỳ, năm học Nhà trường tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ theo lịch; giáo viên giảng dạy môn học thực hiện theo quy định cụ thể trong chương trình môn học, kết quả điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được giáo viên bộ môn ghi chép đầy đủ tại Sổ tay giáo viên (**1.3.06 - Kế hoạch thanh tra đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.2.10 - Tập biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**).

Trường tổ chức xét công nhận tốt nghiệp từ 1 đến 2 đợt trong năm cho sinh viên đã tích lũy đủ tín chỉ các môn học, mô đun theo quy định của chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT; kết quả công nhận tốt nghiệp, không công nhận kết quả tốt nghiệp được công khai cho sinh viên biết (**2.4.08 - Các quyết định thành lập Hội đồng thi và xét tốt nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.5.12 - Bảng tổng hợp Danh sách Sinh viên các khóa xét điều kiện công nhận TN, công nhận kết quả học tập năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.5.13 - Các biên bản họp Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp, công nhận kết quả học tập năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; Bảng thống kê về kết quả tốt nghiệp các khóa năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.5.14 - Quyết định công nhận tốt nghiệp 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**).

Bộ phận quản lý văn bằng (Phòng QLĐT) có trách nhiệm thực hiện in văn bằng tốt nghiệp đúng mẫu quy định và cấp phát cho Sinh viên sau khi có quyết định công nhận tốt nghiệp; tổ chức cấp văn bằng tốt nghiệp bản chính cho Sinh viên, có cấp bản sao bằng TN từ sổ gốc; nội dung thông tin Sinh viên, kết quả tốt nghiệp, chữ ký người nhận có đầy đủ trong sổ cấp bằng tốt nghiệp theo quy định (**2.5.21 - Sổ cấp bằng TN các trình độ (bản chính); Sổ cấp bằng TN (bản sao)**).

Trung tâm KT&ĐBCL có kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện công tác khảo thí, xét và công nhận tốt nghiệp (**2.5.06 - Biên bản họp kết luận thanh kiểm tra, giám sát công tác tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm**). Hàng năm, Khoa Cơ khí, phòng QLĐT có báo cáo tổng kết nhận xét đánh giá về công tác khảo thí, cấp phát văn bằng tốt nghiệp: Nhận xét, đánh giá: Ưu điểm, hạn chế cần khắc phục như âm thanh khi thi vấn đáp môn tiếng Anh, còn nhiều trường hợp giáo viên không nhắc nhở sinh viên khi xem bài nhau... (**2.5.15 - Báo cáo tổng kết phòng QLĐT, Khoa Cơ khí năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**); Trường báo cáo đánh giá công tác tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, cấp phát văn bằng tốt nghiệp: các phòng khoa thực hiện nghiêm túc đúng quy định (**1.2.05 – Báo cáo tổng kết hàng năm của Trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**); báo cáo Sở LĐT BXH TP.HCM đúng thời hạn 15 ngày kể từ ngày hủy phôi bằng, báo cáo công tác cấp văn bằng, chứng chỉ cho Sở LĐT BXH TP.HCM đúng quy định (**2.5.22 - Báo cáo Sở LĐT BXH công tác cấp văn bằng/chứng chỉ hàng năm và báo cáo các trường hợp sai hỏng; 2.5.23 - Biên bản kiểm tra và hủy phôi văn bằng, chứng chỉ bị sai hỏng**).

Hàng năm, Trung tâm KT&ĐBCL kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện công tác đánh giá rèn luyện của Sinh viên, cấp văn bằng, chứng chỉ; tổ chức họp để đánh giá, rút kinh nghiệm cụ thể (**2.5.06 – Biên bản kết luận thanh kiểm tra, giám sát công tác tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm**).

Trường đã thực hiện các thủ tục in bằng và tổ chức cấp, phát bằng cho người học đã tốt nghiệp theo quy định. Thông tin người học được lưu trong sổ quản lý học

sinh và sổ cấp Bằng tốt nghiệp do phòng Đào tạo quản lý và lưu trữ. Các văn bản và hồ sơ cấp phát văn bằng, chứng chỉ được quản lý chặt chẽ, đúng quy định, được định kỳ kiểm tra rà soát của đơn vị chuyên môn. Báo cáo công tác quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ, cho thấy đến nay chưa có khiếu nại, thắc mắc về việc cấp phát văn bằng chứng chỉ của Trường (**2.5.20 - Quy định mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp; In, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bằng tốt nghiệp trung cấp; 2.5.21 - Sổ cấp phát văn bằng**).

- Quản lý hồ sơ người học: Hồ sơ học sinh được trường thực hiện theo Quy chế tuyển sinh. Hồ sơ học sinh đã lưu trữ đầy đủ theo quy định tại phòng Công tác - Học sinh sinh viên: Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời; bản sao hợp lệ học bạ; bản sao hợp lệ giấy khai sinh; giấy báo trúng tuyển; Giấy chứng nhận ưu tiên theo quy định (**2.1.13 - Giấy báo nhập học năm học 2020-2021, 2021-2022; 2.1.14 - Hồ sơ thí sinh trúng tuyển nhập học ngành CNKTCĐT năm 2020, 2021, 2022**); Nhập thông tin lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo.

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 6:** Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Với các minh chứng (**2.2.03 - Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.2.04 - Tiến độ đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**); **2.2.05 - Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên Khoa QTKD năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**) và các kế hoạch kiểm tra (**2.2.11 - Kế hoạch dự giờ, Phiếu dự giờ năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 1.3.06 - Kế hoạch thanh tra đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**); Nội dung thanh kiểm tra các hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của HS- SV trên lớp/xưởng thực hành; Thanh tra, kiểm tra thi kết thúc môn học: Việc xét điều kiện dự thi kết thúc học phần; Tổ chức thi kết thúc học phần; Công tác chấm điểm, vào điểm kiểm tra; Kiểm tra hồ sơ sổ sách của giảng viên: Kiểm tra hoạt động dự giờ, thao giảng ở khoa Thường xuyên, đột xuất.

Quá trình kiểm tra, giám sát có biên bản ghi nhận sai sót về thực hiện thời khóa biểu, giờ lên lớp của giảng viên; báo cáo hàng năm của Trung tâm Khảo thí và ĐBCL đánh giá mặt mạnh, mặt hạn chế quá trình thực hiện TKB của Giảng viên được ghi nhận (**2.2.10 - Tập biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**).

Ban chỉ đạo Tổ kiểm tra, giám sát nội bộ do Trường thành lập hàng năm có báo cáo Hiệu trưởng kết quả cụ thể về công tác quản lý đào tạo thực hiện theo quy định, tổ chức công tác tổ chức thi, kiểm tra nghiêm túc (**2.1.16 - Báo cáo kết luận kiểm tra,**

*giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật trong việc quản lý, điều hành công tác tuyển sinh, quản lý đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*); Qua báo cáo có đề xuất phòng QLĐT nghiên cứu điều chỉnh; đề nghị Giảng viên phải khắc phục sai sót, thực hiện nghiêm túc hơn, đồng thời kiến nghị Ban thường trực Hội đồng Thi đua-Khen thưởng xem xét và đánh giá kết quả các trường hợp giảng viên có sai phạm; Trung tâm Khảo thí và ĐBCL kiểm tra, giám sát công tác quản lý các phòng thực hành, dạy và học thực hành của CTĐT ngành CNKTCĐT, đề xuất Trường hoàn chỉnh hơn các phòng thực hành, đầu tư thêm thiết bị mới. Các đề xuất khắc phục sau kiểm tra được giảng viên, phòng, khoa thực hiện nghiêm túc và kết quả thể hiện tại kết quả xét thi đua, khen thưởng (**2.2.13 - Báo cáo tổng kết Khoa Cơ khí, phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL, phòng CTHS-Sinh viên; 1.2.06 - Các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua của tập thể Khoa cơ khí từ năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**).

Khoa Cơ khí thực hiện kiểm tra đột xuất, định kỳ và dự giờ giảng của giảng viên ở đơn vị để giám sát và đánh giá sự phù hợp của nội dung bài giảng, phương pháp giảng dạy với kế hoạch đào tạo và khả năng người học (**2.2.11 - Kế hoạch dự giờ, Phiếu dự giờ năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.2.12 - Báo cáo kết quả dự giờ, đánh giá giảng viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**); Điểm thi từng học kỳ của sinh viên được nhập và lưu trữ đầy đủ, bảo đảm khách quan, dễ dàng trong việc kiểm tra, đối chiếu: bản chính tại Phòng Quản lý đào tạo, bản sao tại các Khoa, bản scan trong máy tính, và điểm nhập trong phần mềm Edusoft được thực hiện theo đúng quy định (**1.3.08 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.2.13 - Báo cáo tổng kết Khoa Cơ khí, phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL, phòng CTHS-Sinh viên**).

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 7:** Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động (**1.1.03 - Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM**). Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường quy định công tác tổ chức đào tạo liên thông giao nhiệm vụ cho Phòng Đào tạo thường xuyên đảm nhận. Tại Điều 29: Tham mưu giúp Hiệu trưởng xây dựng phương hướng, mục tiêu, quy mô phát triển, cơ cấu ngành nghề, phương thức liên kết đào tạo và quản lý đào tạo hệ không chính quy, hệ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, đại học, cao học.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ Cao đẳng có ngành CNKTCĐT (**1.1.17 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 195/2017/GCNĐKHĐ-TCDN ngày 28/06/2017 của Tổng cục Dạy nghề**).

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao Động – Thương Binh và Xã Hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, Trường đã ban hành quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp; quy định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập các môn học của sinh viên đang học liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng hệ chính quy ngành CNKTCĐT (**2.5.17 - Quyết định số 521/QĐ-CDCT ngày 9/9/2019 ban hành Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục ngành nghiệp của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM**): Quy định có 10 Điều; Trong đó Điều 6 quy định Thời gian đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng 1 năm đến 1,5 năm; Điều 7 Chương trình đào tạo liên thông và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập.

Đối tượng tuyển sinh cao đẳng liên thông ngành CNKTCĐT có học sinh tốt nghiệp trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp, sinh viên cao đẳng ngành nghề khối kinh tế; Nhà trường đã ban hành quyết định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập các môn học của học sinh từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng, sinh viên học liên thông hệ chính quy ngành CNKTCĐT (**2.7.01 - QĐ số 1171/QĐ-CDCT ngày 31/12/2020 về việc công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập các môn học của sinh viên đang học liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng hệ chính quy ngành CNKTCĐT khoá 2020-2022**).

Nhà trường triển khai công tác tuyển sinh cao đẳng liên thông các ngành trong đó có ngành CNKTCĐT, đối tượng tuyển sinh người học đã tốt nghiệp trung cấp; thành lập Hội đồng tuyển sinh cao đẳng liên thông từ trình độ trung cấp (**2.7.03 - Quyết định tuyển sinh đào tạo cao đẳng liên thông 2020**); thông báo tuyển sinh trên trang web của trường; (**2.7.04 - Thông báo tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022**; **2.7.05 - Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh cao đẳng liên thông từ trình độ trung cấp năm 2020, 2021, 2022**).

Nhu cầu học liên thông từ trung cấp lên cao đẳng ngành CNKTCĐT hầu như rất ít; Khoa Cơ khí nhận số lượng hồ sơ ứng tuyển hệ liên thông không đủ để mở lớp trong những năm học 2020-2021, 2021-2022. (**2.7.06 - Biên bản xác nhận điểm trúng tuyển kỳ xét tuyển**; **2.7.07 - Báo cáo tình hình đào tạo liên thông 2019, 2020; 2021, 2022**; **2.7.08 - Báo cáo của phòng Đào tạo thường xuyên các năm**).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 0 điểm**

### **2.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên**

#### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:**



## Mở đầu

Để thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, đội ngũ cán bộ, giảng viên ngành CNKTCĐT không ngừng được nâng cao trình độ và chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo theo quy định của Trường cao đẳng và tiến tới đáp ứng các tiêu chuẩn trường chất lượng cao đến năm 2025.

### \* Những điểm mạnh

Cán bộ quản lý, nhà giáo giảng dạy nghề CNKTCĐT đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, học tập nâng cao trình độ; 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định;

100% cán bộ quản lý, nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Các cán bộ quản lý ngành CNKTCĐT có ý thức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt. Nhà trường có số lượng nhân viên có nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mà nhà trường đề ra theo quy định về biên chế và hoạt động cụ thể của từng bộ phận trong trường, đáp ứng hầu hết các nhiệm vụ của nhà trường.

### \* Những tồn tại

- Số lượng cán bộ, giảng viên được cử đi học tập nâng cao trình độ ở nước ngoài không nhiều.

- Số lượng cán bộ, giảng viên có chứng chỉ Tiếng Anh B<sub>1</sub> Châu Âu và chứng chỉ tin học quốc tế IC3 đang dần hoàn thiện.

### \* Kế hoạch nâng cao chất lượng

- Tăng cường công tác đào tạo giảng viên trẻ, ưu tiên đào tạo nâng cao trong nước và nước ngoài.

- Hỗ trợ hơn nữa cho CB – GV nâng cao trình độ nghiệp vụ, sư phạm, tin học và ngoại ngữ bằng các chính sách phù hợp với một trường công lập.

## Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<b>Tiêu chí 3</b>	<b>14</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	0
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2

Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

**Tiêu chuẩn 1:** 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Qua hồ sơ nhà giáo giảng dạy nghề CNKTCĐT trình độ cao đẳng của Trường được lưu tại phòng TCHC (**3.1.01 - Danh sách trích ngang giảng viên Khoa Cơ khí; 3.1.02 - Hồ sơ giảng viên Khoa Cơ khí; 3.1.03 - Danh sách và hồ sơ giảng viên dạy các môn học chung**), cho thấy số lượng và nhà giáo tham gia giảng dạy nghề Cơ điện tử từ năm 2020 đến năm 2023 là:

**- Đối với nhà giáo dạy môn chung:**

TT	TÊN MỤC	NĂM 2020 - 2021	NĂM 2021 - 2022	NĂM 2022 - 2023
		26 nhà giáo	26 nhà giáo	26 nhà giáo
1	Trình độ chuyên môn cao nhất	* 18 Thạc sĩ * 08 Đại học	* 18 Thạc sĩ * 08 Đại học	* 18 Thạc sĩ * 08 Đại học
2	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	* 20 CC SP bậc 2. * 03 NVSP dành cho GV ĐH, CĐ. * 01 CC SP kỹ thuật bậc 2 * 1 CC BD NVSP cho nhà giáo trình độ CĐ * 01 CCGD ĐH * 01 TN ĐHSP kỹ thuật	* 20 CC SP bậc 2. * 03 NVSP dành cho GV ĐH, CĐ. * 01 TNCD GV dạy nghề gia công áp lực * 01 CC SP kỹ thuật bậc 2 * 1 CC lý luận dạy học bậc ĐH * 1 CC BD NVSP cho nhà giáo trình độ CĐ * 01 CCGD ĐH * 01 TN ĐHSP kỹ thuật	* 20 CC sư phạm dạy bậc 2. * 03 NVSP dành cho GV ĐH, CĐ. * 17 CC NVSP dạy nghề trình độ CĐ, TC * 1 CC BD NVSP cho nhà giáo trình độ CĐ * 01 CCGD ĐH * 01 TN ĐHSP kỹ thuật * 1 CC lý luận dạy học bậc ĐH
3	Kỹ năng nghề	* 08 CCKNN QG bậc 3- nghề CGKL	* 08 CCKNN QG bậc 3- nghề CGKL	* 08 CCKNN QG bậc 3- nghề CGKL

TT	TÊN MỤC	NĂM 2020 - 2021	NĂM 2021 - 2022	NĂM 2022 - 2023
		26 nhà giáo	26 nhà giáo	26 nhà giáo
		trên máy CNC * 05 CCKNN QG bậc 3- Nghề Hàn * 04 CC BD sư phạm nghề CGKL tại Đức * 01 CN nguội bậc 4/7	trên máy CNC * 05 CCKNN QG bậc 3- Nghề Hàn * 04 CC BD sư phạm nghề CGKL tại Đức * 01 CN nguội bậc 4/7	trên máy CNC * 05 CCKNN QG bậc 3- Nghề Hàn * 04 CC BD sư phạm nghề CGKL tại Đức * 01 CN nguội bậc 4/7
4	Trình độ tin học	* 26 UDCNTTCB	* 17 UDCNTTCB * 04 Thạc sĩ * 05 ĐH	* 26 UDCNTTCB
5	Trình độ ngoại ngữ	* 1 A; * 16 B; * 3 B1; * 02C; * 01CC sau ĐH	* 1 A; * 15 B; * 3 B1; * 02C; * 01CC sau ĐH * 01 TOEIC 435	* 1 A; * 15 B; * 3 B1; * 02C; * 01CC sau ĐH * 01 TOEIC 435

Qua bảng thống kê trên, nhận thấy 100% nhà giáo dạy các môn chung đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông.

**- Đối với nhà giáo dạy chuyên môn nghề:**

TT	TÊN MỤC	NĂM 2020 - 2021	NĂM 2021 - 2022	NĂM 2022 - 2023
		06 nhà giáo	06 nhà giáo	06 nhà giáo
1	Trình độ chuyên môn cao nhất	* 01 Tiến sĩ * 03 Thạc sĩ * 02 Đại học	* 01 Tiến sĩ * 04 Thạc sĩ * 01 Đại học	* 01 Tiến sĩ * 04 Thạc sĩ * 01 Đại học
2	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	* 03 CC SP bậc 2 * 01 CC SP dạy nghề trình độ TC, CĐ * 01 Giấy chứng	* 03 CC SP bậc 2 * 01 CC SP dạy nghề trình độ TC, CĐ * 01 Giấy chứng	* 03 CC SP bậc 2 * 04 CC NV SP dạy nghề trình độ TC, CĐ * 01 CC SP dạy



		nhận PPGD ĐH *02 CC NVSP cho GV ĐH, CĐ	nhận PPGD ĐH *02 CC NVSP cho GV ĐH, CĐ	ngành trình độ TC, CĐ * 01 Giấy chứng nhận PPGD ĐH *02 CC NVSP cho GV ĐH, CĐ
3	Kỹ năng nghề	* 02 CCKNN QG bậc 3- nghề CGKL trên máy CNC * 01 CCKNN QG bậc 3- Nghề Hàn	* 02 CCKNN QG bậc 3- nghề CGKL trên máy CNC * 01 CCKNN QG bậc 3- Nghề Hàn	* 02 CCKNN QG bậc 3- nghề CGKL trên máy CNC * 01 CCKNN QG bậc 3- Nghề Hàn
4	Trình độ tin học	* 06 UDCNTTCB	* 04 UDCNTTCB *01 Đại học *01 Tiến sĩ	* 06 UDCNTTCB
5	Trình độ ngoại ngữ	* 02 Anh văn trình độ B *01 Anh văn trình độ B1 *01 Anh văn trình độ C *01 TOEIC 435	* 01 Anh văn trình độ A *02 Anh văn trình độ B *01 Anh văn trình độ B1 *01 Anh văn trình độ C *01 TOEIC 435	* 01 Anh văn trình độ A *02 Anh văn trình độ B *01 Anh văn trình độ B1 *01 Anh văn trình độ C *01 TOEIC 435

Như vậy 100% nhà giáo dạy chuyên môn Nghề Cơ điện tử đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TTBLĐTBXH Quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

Hàng năm, Nhà trường thực hiện công tác báo cáo về đánh giá chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh. Kiểm tra kết quả trong báo cáo hàng năm thì 100% nhà giáo dạy Nghề Cơ điện tử đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ (**3.1.04 - Báo cáo kết quả đánh giá trình độ giảng viên Khoa Cơ Khí theo Thông tư 08 năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**), nhận thấy:

Năm học 2020-2021: có 21/21 nhà giáo đạt chuẩn loại A, không có nhà giáo không đạt chuẩn (03 nhà giáo dạy chuyên môn, 14 nhà giáo dạy môn chung).

Năm học 2021-2022: có 21/21 nhà giáo đạt chuẩn loại A, không có nhà giáo không đạt chuẩn (03 nhà giáo dạy chuyên môn, 14 nhà giáo dạy môn chung).

Năm học 2022-2023: có 21/21 nhà giáo đạt chuẩn loại A, không có nhà giáo không đạt chuẩn (03 nhà giáo dạy chuyên môn, 14 nhà giáo dạy môn chung).

Với những phân tích và minh chứng như trên, chứng tỏ: 100% nhà giáo đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ LĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 2:** Hàng năm 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao

### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Qua hồ sơ nhà giáo và danh sách trích ngang nhà giáo đang giảng dạy chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT (**3.1.01 - Danh sách trích ngang giảng viên Khoa Cơ Khí; 3.1.02 - Hồ sơ giảng viên Khoa Cơ Khí**) nhận thấy có đủ 100% hồ sơ quản lý nhà giáo dạy Nghề Cơ điện tử (Bao gồm Nhà giáo giảng dạy môn chung, nhà giáo giảng dạy môn chuyên môn và nhà giáo thỉnh giảng), phòng TC-HC thực hiện việc kiểm tra và lưu giữ hồ sơ cá nhân. Danh sách trích ngang nhà giáo đang giảng dạy chương trình đào tạo Nghề Cơ điện tử có đầy thông tin họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; ngoại ngữ; tin học; lý luận chính trị.

Căn cứ Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH quy định về chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Năm 2019 Trường đã ban hành Quyết định số 504/QĐ-CĐCT ngày 05/9/2019 Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường CĐ Công Thương TP.HCM quy định có 4 chương và 8 điều, quy định cụ thể về thời gian làm việc, thời gian nghỉ hàng năm, định mức giờ giảng, chế độ dạy thêm giờ, chế độ giảm giờ, quy đổi các hoạt động khác ra giờ chuẩn... (**3.2.01 - Quyết định số 504/QĐ-CĐCT ngày 05/9/2019 Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường CĐ Công Thương TP.HCM**).

Qua kiểm tra hồ sơ giảng dạy: Nhà giáo giảng dạy (Bao gồm Nhà giáo giảng dạy môn chung, nhà giáo giảng dạy môn chuyên môn và nhà giáo thỉnh giảng) tuân thủ các quy định khi lên lớp như: Giáo án đã được khoa hoặc tổ bộ môn thông qua, giáo trình hoặc đề cương chi tiết bài giảng, thiết bị đã được chuẩn bị, sổ lên lớp, ... tất cả nhà giáo đều thực hiện giảng dạy đúng theo thời khóa biểu (**2.2.06 - Kế hoạch giảng viên - kế hoạch giảng dạy Khoa Cơ Khí năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.2.08 - Sổ lên lớp của giảng viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.2.11 - Kế hoạch dự giờ, Phiếu dự giờ năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023;**

*2.2.12 - Báo cáo kết quả dự giờ, đánh giá giảng viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.5.15 - Báo cáo tổng kết phòng QLĐT, Khoa Cơ Khí các năm học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.2.07 - Giáo án giảng dạy của giảng viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.2.05 - Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên Khoa Cơ Khí năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).*

Ngoài việc giảng dạy nhà giáo tham gia đầy đủ việc thực tập tại doanh nghiệp; Nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ; Tham gia hội thi, hội giảng... (*3.2.02 - Các quyết định cử đi học tập nâng cao trình độ hàng năm của giảng viên ngành Cơ điện tử; 3.2.03 - Danh sách giảng viên Khoa Cơ Khí nâng cao nghiệp vụ chuyên môn; 3.2.04 - Danh sách và hồ sơ các đề tài NCKH của giảng viên ngành CNKTCĐT năm 2020, 2021, 2022; 3.2.05 - Các bài báo khoa học của Khoa Cơ Khí; 3.2.06 - Danh sách Giảng viên viết bài NCKH, tham gia hội thi “Giáo viên giỏi” cấp trường, Giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn, Danh sách Giảng viên tham gia thiết kế thiết bị, mô hình mô phỏng phục vụ giảng dạy năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).*

Hàng năm, Trường có hướng dẫn về việc đánh giá, xếp loại viên chức người lao động. Trong hướng dẫn nói rõ về: Nguyên tắc xếp loại, công tác chuẩn bị, tổ chức họp, hướng dẫn sử dụng minh chứng và các biểu mẫu kèm theo.

Nội dung hướng dẫn bám theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

Qua kết quả phân loại thi đua của nhà giáo giảng dạy Nghề Cơ điện tử trong 3 năm qua cho thấy:

Năm học 2020- 2021: 02/32 nhà giáo xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 28/32 nhà giáo xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ; 02/21 nhà giáo xếp loại Hoàn thành nhiệm vụ.

Năm học 2021- 2022: 04/32 nhà giáo xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 28/32 nhà giáo xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ;

Năm học 2022- 2023: 03/21 nhà giáo xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 28/32 nhà giáo xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ; 01/32 nhà giáo xếp loại Hoàn thành nhiệm vụ.

Đối với tập thể Khoa Cơ Khí năm 2020 – 2021 và năm 2021 - 2022 Tập thể lao động tiên tiến, năm 2022 – 2023: Tập thể lao động tiên tiến

Trong 3 năm qua, nhà giáo giảng dạy nghề Cơ điện tử không có trường hợp nào vi phạm các nội quy, quy định của cơ quan đơn vị (**3.2.07 – Hồ sơ đánh giá và phân loại nhà giáo ngành CNKTCĐT dạy năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 3.2.08 - Báo cáo kết quả cụ thể đánh giá; phân loại nhà giáo của Trường năm 2020, 2021, 2022**).

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 3:** Đảm bảo tất cả các mô đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Cơ điện tử ban hành năm 2019 có tổng số 42 môn học, mô đun, trong đó có 06 môn học chung (06 môn chung tách ra có 17 môn học), 36 môn học mô đun cơ sở ngành và chuyên môn; Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề CNKTCĐT ban hành năm 2021 có tổng số 42 môn học, mô đun, trong đó có 06 môn học chung (tách ra có 17 môn học), 36 môn học mô đun cơ sở ngành và chuyên môn; (**3.3.01 - Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành CNKTCĐT sử dụng từ năm học 2019-2020; 1.1.08 - Quyết định số 355/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2019; 1.1.09 - Quyết định 140a/QĐ-CDCT ngày 18/4/2022 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2021**).

Trường ban hành Quyết định số 504/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường CĐ Công Thương TP.HCM; Quy định có 4 chương, 8 điều. Tại Điều 2 quy định giờ chuẩn, thời gian giảng dạy, quy mô lớp học; tại Điều 5 Định mức giờ giảng. Cụ thể: định mức 380 giờ chuẩn/năm; học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, nghiên cứu khoa học 8 tuần/năm, thực tập tại DN 4 tuần/năm (**3.2.01 - Quyết định số 504/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường CĐ Công Thương TP.HCM**).

Kế hoạch phân bổ môn học/mô đun trong kế hoạch giáo viên (**2.2.06 - Kế hoạch giảng viên - kế hoạch giảng dạy Khoa Cơ Khí năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**) so sánh với danh sách trích ngang nhà giáo đang giảng dạy nghề CNKTCĐT trình độ cao đẳng trong đó có đầy đủ thông tin họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng nghề; ngoại ngữ; tin học; lý luận chính trị (**3.1.01 - Danh sách trích ngang giảng viên Khoa Cơ Khí; 3.1.03 - Danh sách và hồ sơ giảng viên dạy các môn học chung; 3.3.03 - Danh sách giảng viên thỉnh giảng tại Khoa Cơ Khí năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.2.03 - Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.2.04 - Tiến độ đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-**

*2023; 2.2.05 - Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên Khoa Cơ Khí năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).*

Bảng thanh toán giờ giảng cho nhà giáo từ các năm; nhận thấy không có nhà giáo có khối lượng giờ dạy vượt quá giờ quy định (*3.3.04 - Bảng thanh toán vượt giờ của giảng viên Khoa Cơ Khí năm 2020, 2021, 2022*).

Số lượng SV quy đổi của nghề CNKTCĐT trình độ cao đẳng của các năm, cụ thể như sau:

+ Năm học 2020-2021: có 70 SV, quy đổi thành 147 SV.

+ Năm học 2021-2022: có 70 SV, quy đổi thành 142 SV.

+ Năm học 2022-2023: có 63 SV, quy đổi thành 136 SV.

Số lượng giáo viên của nghề CNKTCĐT trình độ cao đẳng của các năm, cụ thể như sau:

+ Năm học 2020-2021: có 32 GV trong đó có 6 GV chuyên môn.

+ Năm học 2021-2022: có 32 GV trong đó có 6 GV chuyên môn.

+ Năm học 2022-2023: có 32 GV trong đó có 6 GV chuyên môn

Như vậy tỉ lệ quy đổi giáo viên chuyên môn /người học của Trường theo từng năm là:

+ Năm học 2020-2021: 1/24,5 GV/SV;

+ Năm học 2021-2022: 1/23,6 GV/SV.

+ Năm học 2022-2023: 1/22,6 GV/SV

*(3.1.01 - Danh sách trích ngang giảng viên ngành CNKTCĐT năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 3.3.05 – Danh sách Sinh viên các lớp ngành CNKTCĐT năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 3.3.06 - Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).*

So với quy định về số tỷ lệ Giáo viên/HSSV quy định tại Nghị định 140/2018/NĐ-/CP ngày 08/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ thì tỉ lệ nhà giáo/HSSV hằng năm của Trường không đạt yêu cầu so với quy định.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.3, tiêu chí 3: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 4:** Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường có quy định về việc nghiên cứu khoa học được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường (*3.4.01 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020, 2021, 2022, 2023*). Cụ thể tại điều 13 mục 8 quy định về công tác nghiên cứu khoa học và viết bài khoa học, các hạng mục chi cho công tác nghiên cứu khoa học cụ thể như sau:

### **Đề tài nghiên cứu:**

- Cấp nhà nước: 300 giờ chuẩn/ đề tài.
- Dự án sản xuất thực nghiệm: 250 giờ chuẩn/ dự án.
- Cấp tỉnh, thành phố: 200 giờ chuẩn/ đề tài.
- Cấp Trường: 70 giờ chuẩn/ đề tài.

### **Viết bài báo khoa học đăng trên các báo, tạp chí quốc tế:**

- Bài viết đăng trên tạp chí quốc tế chuyên ngành có chỉ số SCI: 500 giờ chuẩn/bài,
- Bài viết đăng trên tạp chí quốc tế chuyên ngành có chỉ số SCIE: 160 giờ chuẩn/bài.
- Bài viết đăng trên tạp chí quốc tế chuyên ngành có chỉ số ISSN: 120 giờ chuẩn/bài.
- Bài viết đăng trên sách quốc tế có chỉ số ISI: 600 giờ chuẩn/bài.
- Bài viết đăng trên sách quốc tế có chỉ số ISSN: 400 giờ chuẩn/bài
- Bài viết đăng trên các báo, tạp chí trong nước: được tính điểm của hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước: 0,25 điểm được tính 25 giờ chuẩn, 0,5 điểm được tính 50 giờ chuẩn, 0,75 điểm được tính 5 giờ chuẩn, 1 điểm được tính 100 giờ chuẩn.

### **Giáo viên dạy giỏi**

- Cấp trường: Giải nhất 40 giờ chuẩn; Giải nhì 30 giờ chuẩn; Giải ba 20 giờ chuẩn; Giải khuyến khích 10 giờ chuẩn.
- Cấp tỉnh, thành phố: Giải nhất 70 giờ chuẩn; Giải nhì 60 giờ chuẩn; Giải ba 50 giờ chuẩn; Giải khuyến khích 40 giờ chuẩn.
- Cấp toàn quốc Giải nhất 100 giờ chuẩn; Giải nhì 90 giờ chuẩn; Giải ba 80 giờ chuẩn; Giải khuyến khích 70 giờ chuẩn.

.....

Năm 2020 – 2021, Khoa có 32 GV chuyên môn và 02 nhân viên; Năm 2021 – 2022, Khoa có 32 GV chuyên môn và 02 nhân viên; Năm 2022-2023, Khoa có 32 GV và 02 nhân viên. (**3.1.01** - *Danh sách trích ngang giảng viên ngành Công nghệ CNKTCĐT năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*).

Thống kê các đề tài nghiên cứu khoa học, các hội giảng, hội thi thiết bị tự làm các cấp các năm như sau:

Năm học 2020 - 2021: Khoa Cơ Khí có 5 /32 GV chuyên môn (15.6%) tham gia nghiên cứu khoa học, hội giảng, thiết bị tự làm... Cụ thể như sau:

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Hoạt động</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Phan Thị Trúc Thảo	Dạy học số - thiết kế và phát triển bài giảng điện tử môn tiếng Anh	Bài viết cho tạp chí khoa học quản lý

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Hoạt động</b>	<b>Ghi chú</b>
		chuyên ngành kỹ thuật	giáo dục
2	Trần Danh Vũ	Nghiên cứu công nghệ luyện thép mác 30CrMnSi từ sắt xốp bằng lò điện cảm ứng	Bài viết cho tạp chí cơ khí việt nam
3	Nguyễn Hoàng Vũ	Nghiên cứu thiết kế và chế tạo thiết bị sấy củ dọt liệu theo nguyên lý sấy bơm nhiệt kết hợp hồng ngoại.	Thành viên đề tài cấp bộ.
4	Bùi Mạnh Tuấn	Research on redesign and manufacturing of an automatic roll cutting machine	April 2021 Journal of advanced engineering and computation.
5	Nguyễn Tấn Thắng	Research on redesign and manufacturing of an automatic roll cutting machine	April 2021 Journal of advanced engineering and computation.

Năm học 2021 - 2022: Khoa Cơ Khí có3/32 GV chuyên môn (9,3%) tham gia nghiên cứu khoa học, hội giảng, thiết bị tự làm... Cụ thể như sau:

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Hoạt động</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Nguyễn Hoàng Vũ	Nghiên cứu thiết kế và chế tạo thiết bị sấy củ dọt liệu theo nguyên lý sấy bơm nhiệt kết hợp hồng ngoại.	Thành viên đề tài cấp bộ.
2	Bùi Mạnh Tuấn	An investigation of Different Control Schemes of an H-bridge Converter for a Wheeled Mobile Robot.	Bài báo tạp chí Internation conference on Advanced Engineering
3	Bùi Mạnh Tuấn	Design and Implementation of a Tree Climbing Robot	Bài báo tạp chí Internation conference on Advanced Engineering



Năm học 2022 - 2023: Khoa Cơ Khí có 2/32 GV chuyên môn (6,5%) tham gia nghiên cứu khoa học, hội giảng, thiết bị tự làm... Cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Hoạt động	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thúy Thanh	Tham gia hội giảng nhà giáo dục nghề nghiệp cấp trường 2023	Đạt giải ba
2	Nguyễn Chánh Tín	Hướng dẫn sinh viên thi kỹ năng nghề Tp. Hồ Chí Minh năm 2023	Đạt giải ba

*(3.2.04 - Danh sách và hồ sơ các đề tài NCKH của giảng viên ngành CNKTCĐT năm 2020, 2021, 2022; 3.2.05 - Các bài báo khoa học của Khoa Cơ Khí; 3.2.06 - Danh sách Giảng viên viết bài NCKH, tham gia hội thi “Giáo viên giỏi” cấp trường, Giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn, DS Giảng viên tham gia thiết kế thiết bị, mô hình mô phỏng phục vụ giảng dạy năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).*

Qua đó cho thấy, tỉ lệ GV cơ hữu tham gia giảng dạy các môn chuyên ngành nghề tham gia nghiên cứu khoa học hàng năm đạt 6% đến 15% số lượng nhà giáo cơ hữu giảng dạy các môn chuyên môn nghề CNKTCĐT.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: Không đạt***

**Tiêu chuẩn 5:** Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho các nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Việc tổ chức cho nhà giáo tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ; quy định thi đua, khen thưởng; chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên hàng năm của trường *(3.4.01 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020, 2021, 2022; 1.1.03 - Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM).*

Hàng năm, Trường có kế hoạch cử các giảng viên tham gia các chương trình học tập nâng cao trình độ, tổ chức các chương trình tham quan học tập. Điển hình năm 2020 Trường có Quyết định cử 02 Giảng viên Khoa Cơ Khí tham dự chuyến thăm và làm việc, học tập nghiên cứu tại Hàn Quốc *(3.2.02 - Các quyết định cử đi học tập nâng cao trình độ hàng năm của giảng viên ngành CNKTCĐT; 3.2.03 - Danh sách giảng viên Khoa Cơ Khí nâng cao nghiệp vụ chuyên môn).*



Số giáo viên cơ hữu tham gia giảng dạy nghề CNKTCĐT tham gia học tập nâng cao trình độ hàng năm, cụ thể như sau:

➤ **Năm 2020:**

TT	Họ và tên	Nội dung học tập
1	Võ Thành Kiệt	Thạc sĩ CNKTCK, Trường ĐH CN TP. HCM

➤ **Năm 2021**

TT	Họ và tên	Nội dung học tập
1	Võ Thành Kiệt	Thạc sĩ CNKTCK, Trường ĐH CN TP. HCM

➤ **Năm 2022**

TT	Họ và tên	Nội dung học tập
1	Phạm Xuân Vũ	Lập trình PLC Schneider tại Trường CĐ xây dựng TP. HCM
2	Lưu Mạnh Sơn	Lập trình PLC Schneider tại Trường CĐ xây dựng TP. HCM

➤ **Năm 2023:**

T T	Họ và tên	Nội dung học tập
1	Võ Thành Kiệt	Nghiên cứu sinh ngành Kỹ thuật điện - khoa học máy tính, Trường ĐH Kỹ thuật Ostrava

Sau mỗi đợt học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy, các giáo viên đều có báo cáo và bản pho to văn bằng chứng chỉ sau khi tốt nghiệp nộp cho Khoa để khoa tổng hợp sinh hoạt chuyên môn tại đơn vị nhằm chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất thực tế của doanh nghiệp giúp giảng viên có kinh nghiệm, kiến thức thực tiễn áp dụng trong công tác giảng dạy (**3.5.01 - Báo cáo kết quả học tập của giảng viên ngành CNKTCĐT sau khi tham gia học tập, bồi dưỡng năm 2020, 2021, 2022**).

Hàng năm, trường đều tổ chức lấy ý kiến đánh giá của nhà giáo về việc đào tạo bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu công việc và phát triển nghề nghiệp. Kết quả khảo sát cụ thể:

Nội dung Khảo sát: Thầy cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ:

+ Năm 2020 - 2021: khảo sát 24/24 nhà giáo và Cán bộ quản lý khoa

TT	Nội dung ý kiến tham khảo	Số VC có ý kiến				Tỉ lệ phần trăm (%)			
		1	2	3	4	1	2	3	4
1	Nhà trường chú trọng đến chính sách công tác đào tạo, bồi dưỡng	0	2	12	10	0.0	8.3	50.0	41.7
2	Thầy cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)	0	2	11	11	0.0	8.3	45.8	45.8
3	Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị.	0	4	8	12	0.0	16.7	33.3	50.0

+ Năm 2021 - 2022: khảo sát 24/24 nhà giáo và Cán bộ quản lý khoa

TT	Nội dung ý kiến tham khảo	Số VC có ý kiến				Tỉ lệ phần trăm (%)			
		1	2	3	4	1	2	3	4
1	Nhà trường chú trọng đến chính sách công tác đào tạo, bồi dưỡng	2	2	13	7	8.3	8.3	54.2	29.2
2	Thầy cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)	1	0	18	5	4.2	0.0	75.0	20.8
3	Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị.	2	2	10	10	8.3	8.3	41.7	41.7

+ Năm 2022 - 2023: khảo sát 23/23 nhà giáo và Cán bộ quản lý khoa

TT	Nội dung ý kiến tham khảo	Số VC có ý kiến				Tỉ lệ phần trăm (%)			
		1	2	3	4	1	2	3	4
1	Nhà trường chú trọng đến chính sách công tác đào tạo, bồi dưỡng	1	2	14	6	4.3	8.7	60.9	26.1
2	Thầy cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)	0	3	13	7	0.0	13.1	56.5	30.4

3	Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị.	0	1	14	8	0.0	4.3	60.9	34.8
---	--	---	---	----	---	-----	-----	------	------

**Ghi chú:**

1	2	3	4
Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý

(**3.5.02** - Kế hoạch Tổ chức lấy ý kiến đối tượng liên quan đến HĐ dạy và học, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; **3.5.03** - Báo cáo kết quả khảo sát Giảng viên, CBQL để thu thập thông tin về dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).

Kết quả khảo sát cho thấy hàng năm có trên 80% đánh giá ở mức 3,4.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 2 điểm**

**Tiêu chuẩn 6:** 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Việc bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất đối với nhà giáo là nhiệm vụ bắt buộc đối với nhà giáo được quy định trong quy định chế độ làm việc của giảng viên, giáo viên giảng dạy bậc cao đẳng và trung cấp ban hành hằng năm và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ. Trong Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên giảng dạy bậc cao đẳng và trung cấp đã quy định về thời gian thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn là 4 tuần (160 giờ) (**1.1.03** - Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; **3.4.01** - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, 2022, 2023).

Cụ thể, qua các minh chứng, nhận thấy:

- Năm học 2020 – 2021 Khoa Cơ Khí có 32 giảng viên cơ hữu và 01 giáo viên làm công tác giáo vụ.

- Năm học 2021 – 2022 Khoa Cơ Khí có 32 giảng viên cơ hữu và 01 giáo viên làm công tác giáo vụ.

- Năm học 2022 – 2023 Khoa Cơ Khí có 32 giảng viên cơ hữu và 01 giáo viên làm công tác giáo vụ

**(3.1.01 - Danh sách trích ngang giảng viên ngành CNKTCĐT năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).**

Qua minh chứng kế hoạch thực tế tại doanh nghiệp hàng năm của Khoa Cơ Khí; Trong kế hoạch ghi rõ tên Giảng viên, tên công ty mà Giảng viên đến thực tế, địa chỉ của công ty, nhiệm vụ thực hiện khi đến thực tế tại công ty **(3.6.01 – Kế hoạch thực tế tại doanh nghiệp của Giảng viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).**

➤ **Năm học 2020 – 2021:** có 17/32 giảng viên hoàn thành, đạt tỉ lệ 53%

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHOA CƠ KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Tp HCM, ngày 05 tháng 09 năm 2020

**KẾ HOẠCH THỰC TẾ TẠI DOANH NGHIỆP CỦA GIẢNG VIÊN**

Năm học 2020-2021

Kính gửi: BAN GIÁM HIỆU

Thực hiện kế hoạch năm học 2020-2021, Khoa Cơ khí có kế hoạch cho giảng viên của Khoa đi thực tế tại doanh nghiệp với danh sách, công ty và địa điểm thực tập, chi tiết như sau:

STT	Họ và tên	TÊN DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ	NHIỆM VỤ
1	Lê Thanh Vũ	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chính Xác Tuyệt Vinh	Số 1 Đại Lộ 3, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TP.HCM	Tìm hiểu quy trình sản xuất công đoạn sợi con
2	Thân Văn Thế	Công ty Cổ Phần Phước Lộc	48 Tầng Nhon Phú, KP3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức	Tiến độ thực hiện chương trình bảo trì .
3	Tô Thị Mỹ Hồng	Công Ty TNHH CƠ KHÍ TÀI ĐỨC	450 Nguyễn Xiển, P Long Thạnh Mỹ, Quận 9, TPHCM	Tìm hiểu máy cắt dây và máy bản điện. Tìm hiểu an toàn lao động
4	Trần Trung Kiên	Công ty Cổ Phần Phước Lộc	48 Tầng Nhon Phú, KP3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức	Lưu đồ xử lý sự cố trong ca, giữa ca và phân xưởng sửa chữa
5	Trần Thị Ngọc Liên	Công ty Cổ Phần Phước Lộc	48 Tầng Nhon Phú, KP3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức	Các phương pháp gia công cắt gọt. Tổng quan về các máy gia công cắt gọt. Tìm hiểu máy bào

6	Lưu Mạnh Sơn	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chính Xác Tuyệt Vinh	Số 1 Đại Lộ 3, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TP.HCM	Các dây chuyền sản xuất của công ty. Các sản phẩm sản xuất của công ty
7	Nguyễn Thanh Tâm	Công ty Cơ khí chính xác Đức Thịnh	187/7 đường điện Biên Phủ, P. Đa Kao, Q1, TP Hồ Chí Minh.	Nguyên lý, cấu tạo các dụng cụ đo.
8	Nguyễn Chánh Tín	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chính Xác Tuyệt Vinh	Số 1 Đại Lộ 3, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TP.HCM	Tìm hiểu máy cắt. Tìm hiểu an toàn lao động
9	Trần Quang Thái	Công ty Cổ Phần Phước Lộc	48 Tầng Nhon Phú, KP3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức	Nguyên lý, cấu tạo các dụng cụ đo.
10	Nguyễn Thị Thúy Thanh	Công Ty TNHH CƠ KHÍ TÀI ĐỨC	450 Nguyễn Xiển, P Long Thạnh Mỹ, Quận 9, TPHCM	Các dây chuyền sản xuất của công ty. Các sản phẩm sản xuất của công ty
11	Ngô Văn Thạnh	Công ty Cổ Phần Phước Lộc	48 Đường Tăng Nhơn Phú, P Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TPHCM	Các phương pháp gia công cắt gọt. Tổng quan về các máy gia công cắt gọt. Tìm hiểu máy bào
12	Nguyễn Tấn Thích	Công ty Cổ Phần Phước Lộc	48 Đường Tăng Nhơn Phú, P Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TPHCM	Các sản phẩm sản xuất của công ty, Các phương pháp gia công cắt gọt mới
13	Nguyễn Ngọc Trọng	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chính Xác Tuyệt Vinh	Số 1 Đại Lộ 3, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TP.HCM	Các phương pháp gia công cắt gọt. Tổng quan về các máy gia công cắt gọt. Tìm hiểu máy bào

14	Huỳnh Hà Nghiêm Trang	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chính Xác Tuyệt Vinh	Số 1 Đại Lộ 3, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TP.HCM	Các dây chuyền sản xuất của công ty. Các sản phẩm sản xuất của công ty
15	Chương Thiết Tú	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chính Xác Tuyệt Vinh	Số 1 Đại Lộ 3, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TP.HCM	Tổng quan về công ty. Cơ sở vật chất của công ty.
16	Trần Danh Vũ	Công ty Cổ Phần Phước Lộc	48 Tầng Nhon Phú, KP3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức	Lưu đồ thông tin giữa các trường ca bảo trì và quản đốc bảo trì khu vực. Sơ đồ bôi trơn bảo trì sửa chữa. Sơ đồ thực hiện công việc bôi trơn theo kế hoạch bảo trì
17	Phạm Xuân Vũ	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chính Xác Tuyệt Vinh	Số 1 Đại Lộ 3, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TP.HCM	Thiết kế và điều chỉnh phổ rung cấp phối tự động

BAN GIÁM HIỆU



TRƯỞNG KHOA



LÊ THANH VŨ

➤ Năm học 2021 – 2022: có 17/32 giảng viên hoàn thành, đạt tỉ lệ 53%

STT	Họ và tên	TÊN DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ	NHIỆM VỤ
1	Lê Thanh Vũ	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chính Xác Tuyệt Vinh	Số 1 Đại Lộ 3, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TP.HCM	Tìm hiểu quy trình sản xuất công đoạn sợi con
2	Thân Văn Thế	Công ty Cổ Phần Phước Lộc	48 Tầng Nhon Phú, KP3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức	Tiến độ thực hiện chương trình bảo trì .
3	Tô Thị Mỹ Hồng	Công Ty TNHH CƠ KHÍ TÀI ĐỨC	450 Nguyễn Xiển, P Long Thạnh Mỹ, Quận 9, TPHCM	Tìm hiểu máy cắt dây và máy bắn điện. Tìm hiểu an toàn lao động
4	Trần Trung Kiên	Công ty Cổ Phần Phước Lộc	48 Tầng Nhon Phú, KP3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức	Lưu đồ xử lý sự cố trong ca, giữa ca và phân xưởng sửa chữa
5	Trần Thị Ngọc Liên	Công ty Cổ Phần Phước Lộc	48 Tầng Nhon Phú, KP3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức	Các phương pháp gia công cắt gọt. Tổng quan về các máy gia công cắt gọt. Tìm hiểu máy bào
6	Lưu Mạnh Sơn	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chính Xác Tuyệt Vinh	Số 1 Đại Lộ 3, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TP.HCM	Các dây chuyền sản xuất của công ty. Các sản phẩm sản xuất của công ty

7	Nguyễn Thanh Tâm	Công ty Cơ khí chính xác Đức Thịnh	187/7 đường điện Biên Phú, P. Đa Kao, Q1, TP Hồ Chí Minh.	Nguyên lý, cấu tạo các dụng cụ đo.
8	Nguyễn Chánh Tín	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chính Xác Tuyệt Vinh	Số 1 Đại Lộ 3, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TP.HCM	Tìm hiểu máy cắt. Tìm hiểu an toàn lao động
9	Trần Quang Thái	Công ty Cổ Phần Phước Lộc	48 Tầng Nhon Phú, KP3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức	Nguyên lý, cấu tạo các dụng cụ đo.
10	Nguyễn Thị Thúy Thanh	Công Ty TNHH CƠ KHÍ TÀI ĐỨC	450 Nguyễn Xiển, P Long Thạnh Mỹ, Quận 9, TPHCM	Các dây chuyền sản xuất của công ty. Các sản phẩm sản xuất của công ty
11	Ngô Văn Thạnh	Công ty Cổ Phần Phước Lộc	48 Tầng Nhon Phú, KP3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức	Các phương pháp gia công cắt gọt. Tổng quan về các máy gia công cắt gọt. Tìm hiểu máy bào
12	Nguyễn Tấn Thích	Công ty Cổ Phần Phước Lộc	48 Tầng Nhon Phú, KP3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức	Các sản phẩm sản xuất của công ty, Các phương pháp gia công cắt gọt mới
13	Nguyễn Ngọc Trọng	Công Ty TNHH CƠ KHÍ TÀI ĐỨC	450 Nguyễn Xiển, P Long Thạnh Mỹ, Quận 9, TPHCM	Các phương pháp gia công cắt gọt. Tổng quan về các máy gia công cắt gọt. Tìm hiểu máy bào
14	Huỳnh Hà Nghiêm Trang	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chính Xác Tuyệt Vinh	Số 1 Đại Lộ 3, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TP.HCM	Các dây chuyền sản xuất của công ty. Các sản phẩm sản xuất của công ty



15	Chương Thiết Tú	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chính Xác Tuyệt Vinh	Số 1 Đại Lộ 3, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TP.HCM	Tìm hiểu máy cắt dây và máy bắn điện. Tìm hiểu an toàn lao động
16	Trần Danh Vũ	Công ty Cổ Phần Phước Lộc	48 Tầng Nhơn Phú, KP3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức	Lưu đồ thông tin giữa các trường ca bảo trì và quản đốc bảo trì khu vực. Sơ đồ bôi trơn bảo trì sửa chữa. Sơ đồ thực hiện công việc bôi trơn theo kế hoạch bảo trì
17	Phạm Xuân Vũ	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chính Xác Tuyệt Vinh	Số 1 Đại Lộ 3, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TP.HCM	Thiết kế và điều chỉnh phễu rung cấp phối tự động

BAN GIÁM HIỆU



TRƯỞNG KHOA



LÊ THANH VŨ

➤ **Năm học 2022- 2023:** có 17/32 giảng viên hoàn thành, đạt tỉ lệ 53%

STT	Họ và tên	TÊN DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ	NHIỆM VỤ
1	Lê Thanh Vũ	Công Ty CP Dệt TEXHONG Nhơn Trạch	KCN Nhơn Trạch 5, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Tìm hiểu quy trình sản xuất công đoạn sợi con
2	Thân Văn Thế	Công ty Cổ Phần Phước Lộc	48 Tầng Nhơn Phú, KP3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức	Tiến độ thực hiện chương trình bảo trì .
3	Tô Thị Mỹ Hồng	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chính Xác Tuyệt Vinh	Số 1 Đại Lộ 3, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TP.HCM	Tìm hiểu máy cắt dây và máy bắn điện. Tìm hiểu an toàn lao động
4	Trần Trung Kiên	Công ty Cổ Phần Phước Lộc	48 Tầng Nhơn Phú, KP3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức	Lưu đồ xử lý sự cố trong ca, giữa ca và phân xưởng sửa chữa
5	Trần Thị Ngọc Liên	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chính Xác Tuyệt Vinh	Số 1 Đại Lộ 3, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TP.HCM	Các phương pháp gia công cắt gọt. Tổng quan về các máy gia công cắt gọt. Tìm hiểu máy bào
6	Nguyễn Tiên Sinh	Công ty Cơ khí chính xác Đức Thịnh	187/7 đường điện Biên Phủ, P. Đa Kao, Q1, TP Hồ Chí Minh.	Bảo dưỡng dụng cụ đo

7	Lưu Mạnh Sơn	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chính Xác Tuyệt Vinh	Số 1 Đại Lộ 3, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TP.HCM	Các dây chuyền sản xuất của công ty. Các sản phẩm sản xuất của công ty
8	Nguyễn Thanh Tâm	Công ty Cơ khí chính xác Đức Thịnh	187/7 đường điện Biên Phủ, P. Đa Kao, Q1, TP Hồ Chí Minh.	Nguyên lý, cấu tạo các dụng cụ đo.
9	Nguyễn Chánh Tín	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chính Xác Tuyệt Vinh	Số 1 Đại Lộ 3, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TP.HCM	Tìm hiểu máy cắt. Tìm hiểu an toàn lao động
10	Trần Quang Thái	Công ty Cơ khí chính xác Đức Thịnh	187/7 đường điện Biên Phủ, P. Đa Kao, Q1, TP Hồ Chí Minh.	Nguyên lý, cấu tạo các dụng cụ đo.
11	Nguyễn Thị Thúy Thanh	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chính Xác Tuyệt Vinh	Số 1 Đại Lộ 3, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TP.HCM	Các dây chuyền sản xuất của công ty. Các sản phẩm sản xuất của công ty
12	Ngô Văn Thạnh	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chính Xác Tuyệt Vinh	Số 1 Đại Lộ 3, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TP.HCM	Các phương pháp gia công cắt gọt. Tổng quan về các máy gia công cắt gọt. Tìm hiểu máy bào
13	Phan Thị Trúc Thảo	CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC ĐỨC THỊNH	187/7 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1	Theo dõi chất lượng và giám sát tiến độ gia công, đánh giá chất lượng sản phẩm
14	Nguyễn Tấn Thích	CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC ĐỨC THỊNH	187/7 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1	Các sản phẩm sản xuất của công ty, Các phương pháp gia công cắt gọt mới
15	Nguyễn Ngọc Trọng	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chính Xác Tuyệt Vinh	Số 1 Đại Lộ 3, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TP.HCM	Các phương pháp gia công cắt gọt. Tổng quan về các máy gia công cắt gọt. Tìm hiểu máy bào

16	Huỳnh Hà Nghiêam Trang	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chính Xác Tuyệt Vinh	Số 1 Đại Lộ 3, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TP.HCM	Các dây chuyền sản xuất của công ty. Các sản phẩm sản xuất của công ty
17	Chương Thiêt Tú	Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Chính Xác Tuyệt Vinh	Số 1 Đại Lộ 3, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TP.HCM	Tìm hiểu máy cắt dây và máy bắn điện. Tìm hiểu an toàn lao động
18	Trần Danh Vũ	Công ty Cổ Phần Phước Lộc	48 Tầng Nhơn Phú, KP3, Phường Tầng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức	Lưu đồ thông tin giữa các trường ca bảo trì và quản đốc bảo trì khu vực. Sơ đồ bôi trơn bảo trì sửa chữa. Sơ đồ thực hiện công việc bôi trơn theo kế hoạch bảo trì
19	Phạm Xuân Vũ	Công ty TNHH Quyết Thắng	19/5 Huỳnh Văn Nghệ, Kp1- phường Bửu Long- Tp Biên Hòa – Đồng Nai.	Thiết kế và điều chỉnh phễu rung cấp phối tự động
20	Võ Thành Kiệt	Công ty TNHH DV TM KỸ THUẬT TUẤN ĐẠT	66/2 Hậu Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, Tp, HCM	Lập trình vận hành điều khiển máy

BAN GIÁM HIỆU



TRƯỞNG KHOA



LÊ THANH VŨ

Căn cứ vào kế hoạch đi thực tế doanh nghiệp của khoa, Trường ban hành quyết định cử giảng viên đi thực tế ở doanh nghiệp (**3.2.02 - Quyết định, danh sách cử giảng viên ngành CNKTCĐT bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp năm 2020 - 2021, 2021 – 2022, 2022-2023**).



Trước khi đi thực tập tại doanh nghiệp, tất cả các giảng viên đều có đề cương và kế hoạch thực tập theo từng thời điểm khác nhau do Trưởng khoa giao (**3.6.02 - Đề cương thực tập tại doanh nghiệp của giảng viên**).

Sau khi kết thúc quá trình thực tập tại doanh nghiệp theo kế hoạch, các giảng viên đều có làm báo cáo kết quả thực tập, có sự nhận xét của doanh nghiệp và nộp về cho Khoa (**3.6.03 - Báo cáo thực tập tại doanh nghiệp của giảng viên**).

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 7:** 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Đến thời điểm hiện tại, Khoa Cơ Khí có Trưởng khoa, 01 Phó khoa, 01 tổ trưởng bộ môn và 01 nhân viên thực hiện công tác giáo vụ của Khoa Cơ Khí. Công việc giáo vụ khoa được thực hiện theo bảng mô tả công việc của giáo vụ Khoa Cơ Khí và thực hiện những công việc khác khi trưởng khoa phân công (**3.1.02 – Hồ sơ cán bộ quản lý và nhân viên Khoa Cơ Khí; 3.7.01 - Bảng mô tả công việc của giáo vụ khoa**).

#### **Đối với Cán bộ quản lý:**

Trưởng, Phó khoa Cơ Khí, tổ trưởng bộ môn đều là nhà giáo giảng dạy chuyên môn được phân công kiêm nhiệm công tác quản lý. Nhiệm vụ của Trưởng khoa và Phó khoa và tổ trưởng bộ môn được quy định rõ ở điều 27 của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM (**1.1.03 - Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 1/2/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM**).

- **Trưởng Khoa:** Thầy Lê Thanh Vũ, sinh năm 1964, có kinh nghiệm giảng dạy trên 15 năm;

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Cơ Khí;

+ Trình độ tin học: Chứng chỉ tin học ứng dụng căn bản;

+ Trình độ ngoại ngữ: B;

+ Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp lý luận chính trị -Hành chính;

+ Nghiệp vụ sư phạm: NVSP cho giảng viên đại học, cao đẳng;

+ Giáo dục quốc phòng: Hoàn thành chương trình Bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng và An ninh đối tượng 3.

- **Phó Trưởng khoa:**

- \* Năm 2019 – 2020, năm 2020 – 2021 và năm 2021 2022: thầy Nguyễn Hoàng Vũ, sinh năm 1963, có kinh nghiệm trên 15 năm
  - + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Cơ Khí;
  - + Trình độ tin học: Chứng chỉ tin học ứng dụng căn bản;
  - + Trình độ ngoại ngữ: B;
  - + Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp lý luận chính trị - Hành chính;
  - + Nghiệp vụ sư phạm: NVSP cho giảng viên đại học, cao đẳng;
  - + Giảng viên chính hạng II;
  - + Giáo dục quốc phòng: Hoàn thành chương trình Bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng và An ninh đối tượng 3.

***(3.1.02 – Hồ sơ cán bộ quản lý và nhân viên Khoa Cơ Khí).***

Cán bộ quản lý thuộc khoa Cơ Khí đều bổ nhiệm đảm bảo theo đúng quy trình, quy định về công tác bổ nhiệm viên chức quản lý (***3.7.02 - Quy định về thực hiện Quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức và người lao động tại trường***), Lãnh đạo khoa đáp ứng quy định tại điều 21 Thông tư 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 và được thay thế bằng Thông tư 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 về việc ban hành điều lệ Trường Cao đẳng.

Hàng năm được đánh giá xếp loại. Kiểm tra kết quả đánh giá cho thấy 100% cán bộ quản lý của khoa Cơ Khí đạt chuẩn loại A theo quy định tại Thông tư 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ LĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (***3.1.04 - Báo cáo kết quả đánh giá trình độ giảng viên theo Thông tư 08 năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023***).

***Đối với đội ngũ nhân viên:*** Có 01 nhân viên được giao nhiệm vụ theo dõi và thực hiện công tác giáo vụ của khoa Cơ Khí: Nhân viên có trình độ cử nhân ngành CNKTCĐT, Chứng chỉ A Anh văn, Chứng chỉ tin học ứng dụng căn bản, NVSP dành cho GV CD, ĐH đáp ứng yêu cầu công tác, liên tục trong 3 năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ (***3.2.07 - Hồ sơ đánh giá và phân loại nhà giáo ngành CNKTCĐT năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023***).

Đối chiếu với quy định thì cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 3.8:** Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

CBQL Khoa Cơ Khí gồm 01 Trưởng khoa, 01 Phó Trưởng khoa, 02 tổ trưởng bộ môn và 01 nhân viên được giao nhiệm vụ theo dõi và thực hiện công tác giáo vụ của khoa Cơ Khí (**3.1.02 – Hồ sơ cán bộ quản lý và nhân viên Khoa Cơ Khí; 3.7.01 - Bảng mô tả công việc của giáo vụ khoa**).

Căn cứ vào quy chế làm việc, quy định chức năng nhiệm vụ của khoa đã được Nhà trường ban hành (**1.1.03 - Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM**). Cán bộ quản lý khoa chịu trách nhiệm quản lý, điều hành giảng viên trong khoa hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Kết quả xếp loại tập thể Khoa Cơ Khí liên tục trong 03 năm qua, cụ thể như sau: năm 2020 – 2021 và năm 2021 - 2022 đạt danh hiệu tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, năm 2022 – 2023 đạt danh hiệu đạt danh hiệu tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ..... (**1.2.06 - Các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua tập thể và cá nhân của Khoa Cơ Khí từ năm học 2019 đến 2021**).

Đối với cá nhân các CBQL ngoài việc quản lý còn tham gia giảng dạy, thực tập doanh nghiệp và tích cực tham gia NCKH, học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ (**3.2.02 - Quyết định, danh sách cử giảng viên ngành CNKTCĐT bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp năm 2020, 2021, 2022, 2023; 3.6.03 - Báo cáo thực tập tại doanh nghiệp của giảng viên; 3.2.04 - Danh sách và hồ sơ các đề tài NCKH của giảng viên ngành CNKTCĐT năm 2020, 2021, 2022**).

Trong 03 năm qua từ 2020-2022, các cá nhân và tập thể Khoa Cơ Khí luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến trở lên, các cá nhân thuộc khoa hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt danh hiệu lao động tiên tiến trở lên, không có cá nhân nào không hoàn thành nhiệm vụ.

**Đối với cán bộ quản lý:** Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2021-2022, Trưởng Khoa, Phó khoa và tổ trưởng bộ môn được xếp loại từ Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (**3.2.07 - Hồ sơ đánh giá và phân loại nhà giáo Khoa Cơ Khí năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**).

**Đối với đội ngũ nhân viên:** Có 01 nhân viên được giao nhiệm vụ theo dõi và thực hiện công tác giáo vụ của khoa Cơ Khí: Nhân viên có trình độ Đại học ngành CNKTCĐT, Chứng chỉ A Anh văn, NVSP dành cho GV CĐ, ĐH đáp ứng yêu cầu công tác, liên tục trong 3 năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ (**3.2.07 - Hồ sơ đánh giá và phân loại nhà giáo Khoa Cơ Khí năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 3.8.01 - Báo cáo tổng kết hàng năm Khoa Cơ Khí năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 3.2.08 - Báo cáo kết quả cụ thể đánh giá; phân loại nhà giáo của Trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 2 điểm**

## 2.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

### Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

#### Mở đầu

Chương trình đào tạo được xây dựng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành CNKTCĐT cũng như nhu cầu thực tế trong sản xuất của các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn kết nhà trường với doanh nghiệp, với thị trường lao động.

Hàng năm, chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT của trường được rà soát, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với nền công nghệ mới cũng như đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp. Mỗi chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT có đủ môn học theo mẫu định dạng chung và được xác định rõ phương pháp và các yêu cầu về kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

#### \* Những điểm mạnh

Trường có đủ chương trình cho ngành CNKTCĐT theo từng cấp trình độ. Chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT được xây dựng theo hướng liên thông hợp lý, hàng năm được rà soát, điều chỉnh và cập nhật kiến thức mới dưới sự góp ý của các giảng viên, chuyên gia và các doanh nghiệp.

Chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT của trường có mục tiêu được xác định rõ ràng, quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng; phương pháp, hình thức đào tạo cho từng trình độ đối với mỗi mô-đun, môn học.

Giảng viên ngành CNKTCĐT có đủ giáo trình giảng dạy và được hiệu chỉnh, biên soạn mới hàng năm.

#### \* Những tồn tại:

Tuy đã có đầy đủ tài liệu, giáo trình cho tất cả các môn học nhưng một số môn học vẫn còn chưa được viết mới, cập nhật giáo trình. Khoa đang phối hợp với Trường triển khai bổ sung, cập nhật các giáo trình này

#### \* Kế hoạch nâng cao chất lượng

Lập kế hoạch biên soạn giáo trình ngành CNKTCĐT được phát hành rộng rãi, cho các độc giả góp ý, để giáo trình trở thành một tài liệu tham khảo cho tất cả sinh viên, giảng viên trên cả nước.

Lập kế hoạch định kỳ khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp và các tổ chức khác để bổ sung điều chỉnh chương trình, giáo trình.

#### Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	24
Tiêu chuẩn 1	2

Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2

**Tiêu chuẩn 1:** Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Khi xây dựng, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, Nhà trường căn cứ: Công văn 106/TCDN-DNCQ ngày 19/01/2017 về việc hướng dẫn xây dựng, chuyển đổi chương trình đào tạo theo Luật GDNN; Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư 12/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; thông tư 41/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2018 và các thông tư quy định về các môn học chung 10/2018/TT-BLĐTĐBXH, 11/2018/TT-BLĐTĐBXH, 12/2018/TT-BLĐTĐBXH, 13/2018/TT-BLĐTĐBXH, 24/2018/TT-BLĐTĐBXH, 03/2019/TT-BLĐTĐBXH.

Trường có Quyết định ban hành quy định, quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo số 509/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 (***4.1.01 - Quyết định số 509/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành quy định, quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT trình độ cao đẳng trường CDCT***). Chương trình đào tạo nghề CNKTCĐT trình độ Cao đẳng của Trường được tổ chức xây dựng, biên soạn, thẩm định đúng qui định. Từ việc triển khai kế hoạch, thành lập Ban chủ nhiệm, Hội đồng thẩm định, nghiệm thu, cho đến khi ban hành chương trình đào tạo được Trường tổ chức chặt chẽ, đảm bảo theo qui định của Bộ LĐĐTĐBXH, cụ thể:

*(5/2019; QĐ số 156/QĐ-CDCT ngày 07/05/2019 về việc thành lập tổ biên soạn CTĐT Cao đẳng ngành CNKTCĐT).*

- Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình:

+ Năm 2019: Quyết định số 312/QĐ-CDCT ngày 26/06/2019 gồm 12 thành viên, trong đó có 5 thành viên ngoài trường: gồm 02 thành viên đại diện cho doanh nghiệp; 02 thành viên là giáo viên ngoài trường; 01 thành viên là Đại diện cơ quan QLNN về GDNN (Sở LĐ-TB&XH Tp.HCM).

+ Năm 2021: Quyết định số 391a/QĐ-CDCT ngày 03/09/2021 gồm 12 thành viên, trong đó có 5 thành viên ngoài trường: gồm 02 thành viên đại diện cho doanh nghiệp; 02 thành viên là giáo viên ngoài trường; 01 thành viên là Đại diện cơ quan QLNN về GDNN (Sở LĐ-TB&XH Tp.HCM).

*(1.1.07 - Quyết định số 312/QĐ-CDCT ngày 26/06/2019; số 391a/QĐ-CDCT ngày 03/09/2021 thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT).*

- Quyết định ban hành chương trình:

+ Năm 2019: Quyết định số 355/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019.

+ Năm 2021: Quyết định số 140a/QĐ-CDCT ngày 18/04/2022.

*(1.1.08 - Quyết định số 355/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2019; 1.1.09 - Quyết định 140a/QĐ-CDCT ngày 18/4/2022 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2021).*

Việc đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo nghề CNKTCĐT được Trường triển khai thực hiện kịp thời. Cụ thể: Năm 2019, Trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh chương trình năm 2017 khi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình các môn học chung và Thông tư số 41/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nghề CNKTCĐT; những ý kiến đóng góp từ các bên liên quan như doanh nghiệp, sinh viên tốt nghiệp và trên cơ sở ý kiến bổ sung khi giáo viên tham quan thực tế tại doanh nghiệp để tổng hợp đánh giá và cập nhật chương trình. Năm 2021, Trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh chương trình năm 2019,

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 2:** Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ vào Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017, Trường ra quyết định thành lập Tổ biên soạn, rà soát, điều chỉnh và hội đồng thẩm định



chương trình đào tạo nghề CNKTCĐT có sự tham gia của cán bộ, giáo viên, đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia, cơ quan quản lý GDNN (**1.1.06 – QĐ số 156/QĐ-CDCT ngày 07/5/2019; QĐ số 391a/QĐ-CDCT ngày 03/09/2021 về việc thành lập tổ biên soạn CTĐT Cao đẳng ngành CNKTCĐT; 1.1.07 - Quyết định số 312/QĐ-CDCT ngày 26/06/2019; số 391a/QĐ-CDCT ngày 03/09/2021 thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT**). Hai thành viên của đơn vị sử dụng lao động tham gia xây dựng, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo nghề CNKTCĐT năm 2019, (**4.2.02 – Biên bản thẩm định chương trình đào tạo, chương trình môn học 2019**).

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 3:** Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chương trình đào tạo nghề CNKTCĐT của Trường thể hiện đầy đủ về các khối lượng kiến thức như kiến thức các môn học chung, kiến thức các môn học/mô đun cơ sở, kiến thức các môn học/ mô đun chuyên môn ngành cần đạt được của người học khi tốt nghiệp. Chương trình đào tạo có đầy đủ các yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp theo quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 và thông tư 41/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018. Cụ thể:

+ Năm 2019

- Số lượng môn học: 48 môn
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 105 Tín chỉ (không tính môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất)
- Khối lượng các môn học chung: 24 tín chỉ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 81 tín chỉ
- Khối lượng lý thuyết: 784 giờ; thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1676 giờ; kiểm tra 105 giờ.
- + Năm 2021: Số lượng môn học: 48 môn
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 105 Tín chỉ (không tính môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất)
- Khối lượng các môn học chung: 24 tín chỉ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 81 tín chỉ

- Khối lượng lý thuyết: 784 giờ; thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1676 giờ; kiểm tra 105 giờ.

Yêu cầu về năng lực như: kiến thức về chính trị, pháp luật, kiến thức và kỹ năng chuyên môn cũng như về năng lực tự chủ và trách nhiệm hoặc vị trí việc làm; năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo,... **(1.1.08 - Quyết định số 355/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2019; 1.1.09 - Quyết định 140a/QĐ-CDCT ngày 18/4/2022 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2021).**

Khi biên soạn, rà soát, điều chỉnh chương trình Tổ biên soạn, rà soát, điều chỉnh chương trình đã tổ chức thu thập ý kiến góp ý của các đối tượng có liên quan: CBQL, Giáo viên, Doanh nghiệp, cựu SV để đánh giá mức độ phù hợp của chương trình đào tạo **(3.5.02 – Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 4.3.01 - Đường link khảo sát các đối tượng có liên quan về hoạt động dạy và học Ngành CNKTCĐT năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 4.3.02 - Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên ngành CNKTCĐT sau tốt nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 4.3.03 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp về sinh viên tốt nghiệp ngành CNKTCĐT năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 4.3.04 - Báo cáo kết quả thu thập ý kiến CBQL khoa CNKTCĐT về Chương trình, Giáo trình đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).**

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 4:** Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

+ Trong chương trình đào tạo nghề CNKTCĐT được ban hành có tiến trình đào tạo thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy: thời gian học lý thuyết, thực hành, kiểm tra; có trình tự thực hiện môn học/mô đun học trước, sau hay song hành để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp, cụ thể:

\* Các mô đun/môn học học trước, sau:

+ Môn Anh văn cơ bản học trước môn Anh văn chuyên ngành;

+ Chương trình các môn học/mô đun được quy định rõ về thời gian thực hiện: giờ lý thuyết, giờ thực hành/bài tập, kiểm tra; phân bổ thời gian chi tiết đến từng chương/bài có xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó và phù hợp với thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH **(1.1.08 - Quyết định số 355/QĐ-CDCT ngày**



*08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2019; 1.1.09 - Quyết định 140a/QĐ-CDCT ngày 18/4/2022 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2021). Cụ thể:*

+ Trong chương trình đào tạo năm 2019: Năm 1 (02 học kỳ), giảng dạy 33 tín chỉ, tương ứng 715 giờ; Năm 2 (02 học kỳ), giảng dạy 35 tín chỉ, tương ứng 785 giờ; Năm 3 (2 học kỳ), giảng dạy 26 tín chỉ, tương ứng giờ 770 giờ.

+ Trong chương trình đào tạo năm 2021: Năm 1 (02 học kỳ), giảng dạy 37 tín chỉ, tương ứng 750 giờ; Năm 2 (02 học kỳ), giảng dạy 40 tín chỉ, tương ứng 915 giờ; Năm 3 (2 học kỳ), giảng dạy 26 tín chỉ, tương ứng 700 giờ.

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 5:** Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Qua các môn học/mô đun trong chương trình đào tạo nghề CNKTCĐT, nhận thấy: Tất cả các môn học/mô đun đều có các yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo (***1.1.08 - Quyết định số 355/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2019; 1.1.09 - Quyết định 140a/QĐ-CDCT ngày 18/4/2022 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2021***). Cụ thể như:

#### **- Mô đun Kỹ năng mềm:**

Mục IV. Điều kiện thực hiện mô đun :

+ Phòng học lý thuyết: Diện tích tối thiểu 48 m<sup>2</sup>/phòng, có đầy đủ chỗ ngồi cho 35 sinh viên, bàn ghế có thể xếp thành nhóm để thảo luận.

+ Các trang thiết bị giảng dạy mô đun: Máy tính, máy chiếu, hệ thống âm thanh.

+ Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu, bài tập.

+ Công cụ, dụng cụ khác: bảng, phấn viết, bàn ghế.

Mục VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

+ Đối với giảng viên:

Hình thức giảng dạy chính của mô đun là lý thuyết kết hợp với thực hành. Trước khi giảng dạy giảng viên cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để đảm bảo chất lượng. Trong quá trình giảng bài cần liên hệ với các mô đun, môn học khác cũng như với thực tế để sinh viên ngoài việc nắm bắt được kiến thức còn có khả năng tự liên hệ được với thực tế nghề nghiệp sau này. Mô tả hoặc làm mẫu các công việc và các bước phải làm trong thực tế. Một số kỹ năng nên

tổ chức đóng vai và hướng dẫn thực hiện. Phải chuẩn bị những trang thiết bị và giáo cụ trực quan cho mỗi bài dạy để đảm bảo người học hiểu đúng và phải thực hành áp dụng hiệu quả các kỹ năng đã được hướng dẫn.

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 6:** Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các môn học của chương trình đào tạo

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chương trình đào tạo nghề CNKTCĐT năm 2019 có 33 môn học/mô đun, năm 2021 có 40 môn học/mô đun. Mỗi chương trình môn học/mô đun đều xác định yêu cầu năng lực đạt được về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, chấp nhận được áp lực công việc, thích nghi với môi trường làm việc thường xuyên có sự thay đổi, linh hoạt trong xử lý tình huống và tự tin trong xử lý công việc, thực hiện được các nghiệp vụ chuyên môn tại các vị trí việc làm ở các Phân xưởng sản xuất,...; có khả năng áp dụng kiến thức và hiểu biết để đưa ra các giải pháp giải quyết vấn đề chuyên môn thông thường và một số vấn đề phức tạp. Chương trình có quy định cụ thể phương pháp đánh giá kết quả học tập, như: kiểm tra đánh giá lý thuyết hay thực hành, hình thức thi trắc nghiệm hay tự luận, đánh giá các bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập.

Tại mục Hướng dẫn tổ chức thi hết các môn học/mô đun nghề CNKTCĐT:”... Hình thức thi kết thúc môn học/mô đun: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên được quy định trong đề cương chi tiết. Thời gian thi kết thúc môn học: Lý thuyết: 90 phút – 120 phút; Thực hành: 120 phút – 150 phút...”

Sau khi sinh viên hoàn thành các môn học trong chương trình đào tạo. Nhà trường sẽ tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp dựa vào các tiêu chí sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số môn học trong chương trình đào tạo quy định từ đầu khóa học;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,00 trở lên;
- Đã đạt các môn học Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất;
- Có chứng chỉ Ngoại ngữ và Tin học theo chuẩn đầu ra quy định.

Các quy định trong chương trình đã đảm bảo tuân thủ đúng quy chế thi kiểm tra của Trường và quy chế thi, kiểm tra qui định theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH, ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ***(1.1.08 - Quyết định số 355/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ***

*thuật cơ điện tử năm 2019; 1.1.09 - Quyết định 140a/QĐ-CDCT ngày 18/4/2022 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2021).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 7:** Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT của Trường được xây dựng, thẩm định đầy đủ theo quy định. Tổ biên soạn chương trình đào tạo của nghề đều là những giáo viên có nhiều kinh nghiệm thực tế công tác tại các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ lớn và có uy tín. Trong quá trình thẩm định chương trình đào tạo trường đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến của nhiều đơn vị sử dụng lao động là chuyên gia có kinh nghiệm trong ngành CNKTCĐT ở khu vực TP.HCM, đóng góp cho các nội dung kiến thức, năng lực nghề nghiệp tương ứng tại vị trí là Trưởng phòng tổ chức nhân sự, Trưởng văn phòng đại diện, Quản đốc, phó quản đốc phân xưởng.... Đại diện doanh nghiệp đã có những góp ý, đánh giá nhận xét thẩm định là đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế của địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ hiện đại đang áp dụng tại Doanh nghiệp (*1.1.07 - Quyết định số 312/QĐ-CDCT ngày 26/06/2019; số 391a/QĐ-CDCT ngày 03/09/2021 thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT; 4.2.02 - Các biên bản, phiếu nhận xét, góp ý, phản biện trong điều chỉnh CTĐT*).

Trong chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng, tỷ lệ số giờ học thực hành chuyên môn nghề nghiệp/tổng số giờ của chương trình khá cao (trên 65%). Thực tế này giúp cho sinh viên tiếp cận với thực tế nhiều hơn, việc đào tạo đảm bảo tính thực tiễn cao hơn và sinh viên ra trường đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động (*1.1.08 - Quyết định số 355/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2019; 1.1.09 - Quyết định 140a/QĐ-CDCT ngày 18/4/2022 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2021*).

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 8:** Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học; chương trình đào tạo của trường xây dựng đào tạo đảm bảo liên thông giữa các trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học. Để đảm bảo cho học sinh của trường có cơ hội học liên thông lên trình độ cao hơn

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Chương trình đào tạo nghề CNKTCĐT của Trường khi ban hành có đủ giáo trình cho các mô-đun/môn học; Cụ thể:

- Chương trình đào tạo năm 2019: có 06 môn học chung, 11 mô-đun/môn học cơ sở, 19 mô-đun/môn học chuyên môn (bao gồm cả các môn tự chọn), 01 mô-đun thực tập tại doanh nghiệp. Tất cả 36/36 mô-đun/môn học trong chương trình đào tạo năm 2019 có đủ giáo trình, riêng 01 mô-đun thực tập tại doanh nghiệp có đề cương hướng dẫn;

- Chương trình đào tạo năm 2021: có 06 môn học chung, 10 mô-đun/môn học cơ sở, 27 mô-đun/môn học chuyên môn (bao gồm cả các môn tự chọn), 01 mô-đun thực tập tại doanh nghiệp. Tất cả 43/43 mô-đun/môn học trong chương trình đào tạo năm 2021 có đủ giáo trình, riêng 01 mô-đun thực tập tại doanh nghiệp có đề cương hướng dẫn.

100% giáo trình được Hội đồng thẩm định giáo trình thông qua, trình Hiệu trưởng ban hành đưa vào sử dụng (***1.1.08 - Quyết định số 355/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2019; 1.1.09 - Quyết định 140a/QĐ-CDCT ngày 18/4/2022 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2021; 4.9.01 – Các Quyết định ban hành kèm theo Danh sách giáo trình sử dụng cho các môn học, mô-đun năm 2019,2021; 4.9.02 - Bản in giáo trình ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng.***)

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 10:** 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Tất cả giáo trình của các mô-đun/môn học của chương trình đào tạo nghề CNKTCĐT trình độ cao đẳng được biên soạn, thẩm định, lựa chọn, ban hành theo đúng quy định tại Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH

ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành giáo trình.  
Cụ thể:

- Trường xây dựng kế hoạch xây dựng, điều chỉnh, bổ sung và biên soạn giáo trình:

+ Năm 2018: Khoa đề xuất Trường lựa chọn các nguồn giáo trình từ một số nhà xuất bản như nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, nhà xuất bản khoa học kỹ thuật, nhà xuất bản Hà Nội phù hợp với chương trình đào tạo để thẩm định và ban hành;

+ Năm 2019: nhà trường điều chỉnh giáo trình của 06 môn học chung căn cứ theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐT BXH, 11/2018/TT-BLĐT BXH, 12/2018/TT-BLĐT BXH, 13/2018/TT-BLĐT BXH, 24/2018/TT-BLĐT BXH, 03/2019/TT-BLĐT BXH của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội; điều chỉnh, cập nhật một số nội dung của một số mô đun, môn học chuyên ngành;

+ Năm 2021: nhà trường tập trung cho công tác biên soạn giáo trình mô đun/môn học sau khi điều chỉnh chương trình.

*(4.9.01 - Quyết định số 329a/QĐ-CDCT ngày 21/11/2018 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành danh sách giáo trình được lựa chọn, sử dụng làm tài liệu chính phục vụ công tác giảng dạy và học tập của khoa CNKTCĐT trường CDCT; 4.10.01 - Kế hoạch xây dựng, điều chỉnh, bổ sung và biên soạn giáo trình năm 2019, 2021).*

Sau khi có kế hoạch, Ngành CNKTCĐT thực hiện đề xuất danh mục giáo trình xây dựng, điều chỉnh, bổ sung và biên soạn theo chương trình đào tạo đã ban hành; tham mưu Quyết định thành lập tổ biên soạn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình và thành lập hội đồng thẩm định *(4.10.02 - Quyết định số 542a/QĐ-CDCT ngày 15/3/2018 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc thành lập Hội đồng khoa học thẩm định giáo trình đào tạo ngành CNKTCĐT; 4.10.03 - Danh sách các thành viên tham gia Hội đồng khoa học thẩm định giáo trình đào tạo).*

Thành phần tham gia hội đồng thẩm định giáo trình các năm qua đều có sự tham gia của đại diện 02 doanh nghiệp *(4.10.04 – Phiếu đánh giá giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2019, 2021; 4.10.05 - Biên bản thẩm định giáo trình năm 2019, 2021).*

Để giáo trình của nghề được đưa vào sử dụng, Nhà trường có ban hành Quyết định:

+ Năm 2019: Trường ra QĐ số 684a/QĐ-CDCT ngày 19/07/2019 ban hành 48 giáo trình các môn học/mô đun chuyên môn nghề, trong đó có 6 giáo trình các môn học chung dùng chung cho các nghề;

+ Năm 2021: Trường ra QĐ số 756a/QĐ-CDCT ngày 22/07/2021 ban hành 48 giáo trình các môn học/mô đun chuyên môn nghề, trong đó có 6 giáo trình các môn học chung dùng chung cho các nghề.

*(4.9.01 - Quyết định ban hành kèm theo Danh sách giáo trình sử dụng cho các môn học, mô đun năm 2019, 2021; 4.9.02 - Bản in giáo trình ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 11:** Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Cấu trúc giáo trình ngành CNKTCĐT của trường thể hiện rõ thông tin chung của giáo trình đào tạo, mã môn học, mô đun; vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò; mục tiêu của giáo trình môn học, mô đun. Nội dung của giáo trình bao gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ, công việc; quy trình và cách thức thực hiện nhiệm vụ, công việc; các hình ảnh minh họa, bài tập, những điểm cần ghi nhớ và các yêu cầu về đánh giá kết quả học tập khi kết thúc chương, bài và kết thúc mô đun, môn học trong chương trình đào tạo. Nội dung của giáo trình mang tính gợi mở, tạo điều kiện kích thích cho người học khả năng tìm tòi, tư duy sáng tạo; phần cuối của giáo trình là những câu hỏi, hệ thống bài tập giúp sinh viên nắm vững hơn những kiến thức đã học. Các giáo trình được Nhà trường lựa chọn có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin để làm giáo án điện tử, để mô phỏng kiến thức giúp học sinh dễ hiểu bài đảm bảo cho giáo viên thể hiện phương pháp dạy học tích cực *(4.10.04-phiếu đánh giá giáo trình của hội đồng thẩm định năm 2019,2021; 4.9.01- Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình sử dụng cho các môn học, mô đun năm 2019,2021; 4.9.02 - Bản in giáo trình ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 12:** Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

***Mô tả, phân tích, nhận định***

Trên cơ sở chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT đã được ban hành; việc biên soạn, thẩm định các giáo trình của trường có sự tham gia của các giảng viên từng làm việc ở những vị trí quan trọng của ngành hoặc trực tiếp giảng dạy; đồng thời có sự tham gia góp ý của doanh nghiệp nên đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Giáo trình được tổ chức biên soạn đúng quy trình, được phản biện từ các giáo viên chuyên môn, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, được nghiệm thu chặt chẽ trước khi đưa vào sử dụng *(4.10.02 - Quyết định số 312a/QĐ-CDCT ngày 20/2/2018 của Hiệu trưởng trường CDCT về*



*việc thành lập Hội đồng khoa học thẩm định giáo trình đào tạo ngành CNKTCĐT; 4.10.03 - Danh sách các thành viên tham gia Hội đồng khoa học thẩm định giáo trình đào tạo; 4.10.04 – Phiếu đánh giá giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2019, 2021; 4.10.05 - Biên bản thẩm định giáo trình năm 2019, 2021; 4.9.01 - Quyết định ban hành kèm theo Danh sách giáo trình sử dụng cho các môn học, mô đun năm 2019, 2021; 4.9.02 - Bản in giáo trình ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 2 điểm***

### **2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện**

#### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:**

##### **Mở đầu**

Khoa Cơ khí là một trong những khoa được thành lập từ những năm đầu thành lập Nhà trường, qua 46 năm xây dựng và phát triển đến nay, khoa đã có đầy đủ cơ sở vật chất đáp ứng được nhu cầu đào tạo tại Khoa cơ khí

Trường có thư viện với các tài liệu truyền thống, tài liệu điện tử, giáo trình được bổ sung, cập nhật hằng năm phục vụ cho công tác dạy và học của ngành Khoa cơ khí

##### **\* Những điểm mạnh**

Trường có đầy đủ hệ thống các phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn để tổ chức đào tạo nghề CNKTCĐT. Các thiết bị phục vụ cho đào tạo được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, theo đúng quy trình, quy định và được sắp xếp, bố trí một cách khoa học. Trường đã ứng dụng công nghệ thông tin và các phần mềm ảo mô phỏng trong giảng dạy nghề CNKTCĐT;

Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet phục vụ việc truy cập thông tin nhanh và hiệu quả; có đủ giáo trình đã được Nhà trường phê duyệt và lựa chọn. Có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với Thư viện điện tử.

Khoa cơ khí có đầy đủ các phòng học lý thuyết được trang bị giàn âm thanh, máy chiếu, bảng phấn để phục vụ cho hoạt động giảng dạy các môn học của ngành. Đảm bảo các yêu cầu về sự phạm, mỹ thuật công nghiệp, an toàn vệ sinh công nghiệp và vệ sinh môi trường. Bên cạnh đó, hệ thống kho lưu giữ, bảo quản của Nhà Trường được thiết kế xây dựng ở những vị trí an toàn thuận tiện, đảm bảo các tiêu chuẩn như có mái che, hệ thống chiếu sáng, thông gió, chống ẩm mốc, phòng chống cháy nổ.

Trường có thư viện với đủ các tài liệu phong phú từ tài liệu truyền thống tới tài liệu điện tử, và giáo trình được bổ sung, cập nhật hằng năm phục vụ cho công tác dạy và học của ngành CNKTCĐT. Hiện nay tổng số bản sách của thư viện là 75.796 bản, tổng số đầu sách là 8.499 đầu sách, ngoài ra số đầu sách của thư viện điện tử là 940 đầu sách.

\* Những tồn tại

Do khoa học công nghệ ngày càng phát triển nên một số thiết bị thực hành chưa đủ về số lượng trên đầu người học.

\* Kế hoạch nâng cao chất lượng

Trang bị thêm các phần mềm đào tạo thực hành cho ngành CNKTCĐT nhằm đáp ứng được nhu cầu thực tiễn.

#### **Điểm đánh giá tiêu chí 5**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 5</b>	<b>16</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

**Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Khoa cơ khí của Trường được bố trí tại dãy nhà B (*5.1.01 - Bảng thống kê diện tích sử dụng các phòng học lý thuyết, thực hành, giảng đường phục vụ đào tạo; 5.1.02 - Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng*).

Trường có hệ thống phòng lý thuyết, phòng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được thiết kế và xây dựng rộng rãi, thoáng mát, đúng công năng đáp ứng nhu cầu đào tạo.

Đối với nghề CNKTCĐT của Trường hiện đang sử dụng 08 phòng học lý thuyết tại Khu B; có 03 phòng thực hành máy tính tại khu D, có 10 phòng thực hành chức năng, và 01 phòng hội thảo được bố trí tại khu D. Tất cả các công trình xây dựng đều được khảo sát và thiết kế đồng bộ. Phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đảm bảo quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành. Thực tế hiện tại cơ sở của nhà trường bố trí phòng học lý thuyết và phòng thực hành máy tính ở các khu riêng, tại các khu hệ thống phòng học, giảng đường, phòng máy, phòng học



chuyên môn hóa đều được ngăn cách, có hệ thống chiếu sáng, thông gió, vệ sinh bảo đảm quy chuẩn xây dựng và các yêu cầu về ngăn cách.

Đối với phòng học lý thuyết: có 08 phòng tại Khu B có tổng diện tích 918,4 m<sup>2</sup>, trong mỗi phòng học có bàn ghế đủ cho 50 chỗ ngồi, máy chiếu, máy tính, hệ thống âm thanh, camera quan sát.... Đối với phòng thực hành máy tính: có 03 phòng tại Khu D có tổng diện tích 348,6 m<sup>2</sup>, trong mỗi phòng được bố trí 40 máy tính (**5.1.02 - Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng; 5.1.01 - Bảng tổng hợp diện tích các phòng học lý thuyết, phòng thực hành; 5.1.03 - Hình ảnh bố trí thiết bị tại các phòng thực hành máy tính; tiêu lệnh PCCC, bình PCCC; 5.1.04 - Các sơ đồ, hình ảnh phòng hội thảo, phòng chuyên đề, phòng tin học, phòng thư viện**).

Qua bảng thống kê diện tích các phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn, nhận thấy:

<b>TT</b>	<b>Loại phòng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Dt (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Phòng thực hành máy tính</b>	<b>03</b>	<b>348.6</b>	
10	D3-15	1	116.2	Khối nhà D
12	D3-17	1	116.2	Khối nhà D
13	D3-18	1	116.2	Khối nhà D
<b>II</b>	<b>Phòng thực hành chuyên ngành</b>	<b>08</b>		
1	Phòng thực hành kỹ thuật cơ sở	1		
2	Phòng thực hành cơ khí	1		
3	Phòng thực hành thiết kế và gia công trên máy CNC	1		
4	Phòng thực hành khí nén – thủy lực	1		
5	Phòng thực hành điện	1		
6	Phòng thực hành điện tử	1		
7	Phòng thực hành hệ thống cơ điện tử	1		
8	Phòng thực hành nguội và lắp đặt cơ khí	1		
<b>III</b>	<b>Phòng hội thảo</b>	<b>1</b>		
1	D1-10	1	128	Khối nhà D
<b>VI</b>	<b>Thư viện</b>	<b>5</b>	<b>289</b>	

1	Phòng đọc điện tử	1	70	Thư viện
2	Phòng đọc cho cán bộ giảng viên	1	35	Thư viện
3	Phòng đọc cho người học	2	64	Thư viện
4	Kho sách	1	120	Thư viện
<b>V</b>	<b>Văn phòng + kho</b>	<b>1</b>	<b>80</b>	<b>Khối nhà Xưởng</b>

Các phòng lý thuyết và phòng thực hành máy tính được thiết kế rộng rãi thoáng mát, với 2 cửa chính rộng 1,8m; hành lang rộng 2,8m đảm bảo cho việc vận chuyển trang thiết bị và thoát hiểm khi cần thiết.

Tại các phòng học, thiết bị, dụng cụ, bàn ghế được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành và tổ chức hướng dẫn thực hành theo lớp, nhóm và từng cá nhân. Các thiết bị chính đều có quy trình vận hành, quy trình này được trình bày ngắn gọn, đầy đủ và treo ngay ngắn ở vị trí dễ quan sát gần mỗi thiết bị (*5.1.05 - Nội quy sử dụng máy, thiết bị; Nội quy phòng học*).

#### **- Hệ thống PCCC:**

Tại các phòng học đều có bảng tiêu lệnh chữa cháy, Nội quy phòng cháy, chữa cháy, bình chữa cháy nhằm đảm bảo an toàn của thực hành. Định kỳ hàng năm hệ thống PCCC của trường được công an PCCC thành phố Thủ Đức kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu (*5.1.06 - Sơ đồ bố trí dụng cụ PCCC, nội quy PCCC; 5.1.07 - Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy*).

#### **- Hệ thống điện – Nước:**

*Nguồn điện* của trường được cung cấp từ mạng lưới điện Tp.HCM qua trạm biến áp có công suất 400KVA. Hệ thống điện nội bộ được thiết kế thi công đảm bảo mỹ quan, an toàn theo tiêu chuẩn xây lắp điện đến các khu vực chức năng. Tại các xưởng và các khu vực hoạt động được thiết kế hợp lý, đảm bảo đủ công suất cho các thiết bị hoạt động, tất cả đều có hệ thống ngắt điện bảo vệ tự động khi có sự cố xảy ra. Hệ thống nước nhà trường được sử dụng từ nguồn nước máy của thành phố Hồ Chí Minh cung cấp đảm bảo nhu cầu sử dụng nước cho sinh viên, cung cấp nước cho từng khu vực, từng tòa nhà trong toàn trường (*5.1.02 - Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng; 5.1.08 - Hợp đồng cung cấp điện, nước của Trường*).

*Hệ thống thoát nước:* Nước thải sinh hoạt từ các phòng học, khối nhà của khoa sử dụng không có các chất độc hại, ô nhiễm nên được theo hệ thống thoát nước chung của trường thoát ra ngoài hệ thống thoát nước của khu vực (*5.1.02 – Hồ sơ hoàn công các công trình, hạng mục*).

Phòng học, phòng thực hành đáp ứng được yêu cầu đào tạo:

Số sinh viên quy đổi trong 3 năm là:

- Năm 2020 – 2021: 70 SV
- Năm 2021 – 2022: 40 SV
- Năm 2022 – 2023; 60 SV

Lấy số liệu SV quy đổi lớn nhất trong 3 năm là 70 SV để tính toán (**3.3.06 - Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm học 2019 – 2020, 2020-2021, 2021 – 2022**).

Phòng học lý thuyết: Tính số lớp lý thuyết:  $70/35 \approx 2$  lớp. Số phòng học lý thuyết cần đáp ứng của Trường sẽ là:  $2 \text{ lớp} \times 0,3$  (30% lý thuyết)  $\approx 1$  phòng. Số lượng phòng học lý thuyết dành cho nghề CNKTCĐT là 8 phòng, do đó đảm bảo về số lượng phòng lý thuyết.

Về diện tích phòng học lý thuyết theo quy định là  $1,5\text{m}^2/\text{chỗ học} \times 35$  học sinh/phòng. Diện tích lớp học sẽ là  $35 \times 1,5 \text{ m}^2 = 52,5 \text{ m}^2$ ; Khu phòng học lý thuyết của nghề CNKTCĐT sử dụng là 8 phòng, diện tích phòng nhỏ nhất là  $104,96 \text{ m}^2$  vì vậy đảm bảo chuẩn về diện tích.

Phòng học thực hành máy tính:

Số lớp học thực hành, chuyên môn hóa là:  $70/18/3 \text{ ca} \approx 2$  lớp.

Số phòng thực hành, chuyên môn hóa cần có:  $2 \text{ lớp} \times 0,7$  (70%)  $\approx 2$  phòng, Trường có 25 phòng thực hành máy tính, nên đảm bảo đủ về số lượng.

Bình quân diện tích chỗ học:  $(70+40+60) : (70\text{SV} : 3\text{ca}) = 17,6 \text{ m}^2 / 1\text{SV}$ , đáp ứng quy định Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 là bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là  $5,5 \text{ m}^2/\text{chỗ học}$ , nên đảm bảo đủ về diện tích.

**(5.1.01 - Bảng tổng hợp diện tích các phòng học lý thuyết, phòng thực hành; 5.1.03 - Hình ảnh bố trí thiết bị tại các phòng thực hành máy tính; tiêu lệnh PCCC, bình PCCC).**

Khu thể thao có diện tích  $2.000 \text{ m}^2$ , gồm: 02 sân bóng đá mi ni có diện tích  $1.250 \text{ m}^2$ , 02 sân cầu lông có diện tích  $250\text{m}^2$ , 04 sân bóng rổ và bóng chuyền có diện tích  $500\text{m}^2$ .

Hàng năm, Khoa cơ khí rà soát, kiểm tra và đánh giá điều kiện, mức độ đáp ứng về cơ sở vật chất của các phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, giảng đường để báo cáo Hiệu trưởng kịp thời có kế hoạch sửa chữa, thay thế các thiết bị hư hoặc đã lỗi thời để phục vụ tốt nhất cho công tác đào tạo (**5.1.09 - Báo cáo của cơ sở đào tạo đánh giá về mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, phòng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các CTĐT hàng năm**).

Đổi chiếu theo qui định tại Quyết định số 3621/QĐ-BKHHCN ngày 28/12/2012 của Bộ Khoa học Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia (Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9210:2012 “Trường Đại học nghề - Tiêu chuẩn thiết kế”; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tư số 38/2018/TT-

BLĐTBXH quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của CTĐT**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Danh mục thiết bị đào tạo hiện có của Trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong chương trình đào tạo nghề CNKTCĐT, nhận thấy:

+ *Về phòng học:* Khoa CNKTCĐT có 8 phòng học lý thuyết và 03 phòng thực hành máy tính, đủ số lượng phòng học so với yêu cầu chương trình đào tạo. Ngoài ra một số môn học chung như tin học, ngoại ngữ thì Khoa sử dụng phòng học chung của toàn trường (5.1.01 - *Bảng tổng hợp diện tích các phòng học lý thuyết, phòng thực hành; 5.1.03 - Hình ảnh bố trí thiết bị tại các phòng thực hành máy tính; tiêu lệnh PCCC, bình PCCC; 5.1.04 - Các sơ đồ, hình ảnh phòng hội thảo, phòng chuyên đề, phòng tin học, phòng thư viện*).

+ *Về thiết bị đào tạo:* Danh mục thiết bị đào tạo hiện có của Trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong chương trình đào tạo nghề CNKTCĐT, nhận thấy thiết bị phục vụ công tác đào tạo của nghề CNKTCĐT đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo (5.2.01 - *Hồ sơ xuất xứ cơ sở vật chất phục vụ đào tạo Khoa CNKTCĐT năm 2020, 2021, 2022; 5.2.02 - Danh mục thiết bị tối thiểu đào tạo ngành CNKTCĐT; 5.2.03 – Danh mục thiết bị hiện có đào tạo ngành CNKTCĐT*).

Thiết bị, dụng cụ có hồ sơ quản lý theo dõi, cập nhật và thực hiện báo cáo hàng năm. Công tác bảo trì, bảo dưỡng được cập nhật vào Sổ theo dõi sử dụng thiết bị tại các phòng học. Hằng năm Khoa phối hợp với nhà trường tiến hành kiểm kê, đánh giá xác định chất lượng còn lại của tài sản (5.2.04 – *Biên bản kiểm kê tài sản cố định năm 2020, 2021, 2022; 5.2.05 - Báo cáo chi tiết tài sản cố định năm 2020, 2021, 2022*).

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Khoa CNKTCĐT có 25 phòng thực hành máy tính, tổng diện tích là 1.471 m<sup>2</sup>, 18 phòng học lý thuyết, tổng diện tích 2.228,4 m<sup>2</sup> (5.1.01 - *Bảng tổng hợp diện tích các phòng học lý thuyết, phòng thực hành*).

Các thiết bị được bố trí theo đúng thiết kế các phòng thực hành máy tính, tất cả các phòng học đều có nội quy phòng học, dụng cụ PCCC (5.1.03 - Hình ảnh bố trí thiết bị tại các phòng thực hành máy tính; tiêu lệnh PCCC, bình PCCC; 5.1.04 - Các sơ đồ, hình ảnh phòng hội thảo, phòng chuyên đề, phòng tin học, phòng thư viện; 5.2.03 – Danh mục thiết bị hiện có đào tạo ngành CNKTCĐT).

Số lượng thiết bị hiện có của Trường, đối chiếu so với danh mục thiết bị yêu cầu trong chương trình đào tạo. Kết quả số lượng thiết bị đủ so với yêu cầu (5.2.01 - Hồ sơ xuất xứ cơ sở vật chất phục vụ đào tạo ngành CNKTCĐT năm 2020, 2021, 2022; 5.2.02 - Danh mục thiết bị tối thiểu đào tạo ngành CNKTCĐT; 5.2.03 – Danh mục thiết bị hiện có đào tạo ngành CNKTCĐT).

Để đáp ứng đủ, kịp thời thiết bị phục vụ đào tạo, Trường đã ban hành quy trình đầu tư mua sắm tài sản, nên các thiết bị của Trường khi mua sắm đều có hồ sơ xuất xứ, lý lịch rõ ràng. Tất cả các máy móc, thiết bị đào tạo đều có hồ sơ xuất xứ, nơi sản xuất, năm sản xuất rõ ràng đảm bảo tính đồng bộ của các trang thiết bị. Các trang thiết bị đều có hồ sơ theo dõi, có nội quy, quy trình sử dụng, bảo quản, bảo trì, bảo dưỡng. Khoa phân công theo dõi và quản lý trang thiết bị tại các phòng thực hành chuyên môn đúng qui trình đảm bảo các trang thiết bị được bảo dưỡng đánh giá thường xuyên, kịp thời (5.3.01 – Quy trình đầu tư mua sắm tài sản).

Ngành CNKTCĐT có tiến hành kiểm kê thiết bị hàng năm, từ đó lập bảng đề xuất các thiết bị hư hỏng cần sửa chữa/thay thế vào đầu mỗi năm học để đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo (5.2.04 – Biên bản kiểm kê tài sản cố định năm 2020, 2021, 2022; 5.2.05 - Báo cáo chi tiết tài sản cố định năm 2020, 2021, 2022).

Việc phân bổ giáo viên vào thời khóa biểu các lớp cho thấy các phòng học đều được sử dụng để tổ chức giảng dạy; Khoa có đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo (2.2.05 - Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Thiết bị, dụng cụ tại các xưởng thực hành được bố trí gọn gàng, hợp lý tạo điều kiện thuận lợi cho SV thực hành, rèn luyện kỹ năng và tổ chức hướng dẫn thực hành theo nhóm và cá nhân; vị trí kết nối máy móc thiết bị với các nguồn điện được chú trọng; các bàn máy tính được bố trí ngăn cách với nhau thuận tiện, khoa học với việc thực hành thao tác cho HSSV và việc giảng dạy cho giáo viên. Các lối đi trong xưởng

đủ rộng thuận tiện trong việc vận hành thiết bị đảm bảo an toàn, dễ dàng cho việc đi lại, cho việc tổ chức bảo hành và bảo dưỡng trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức dạy và học cho cả lớp, cả nhóm hoặc cho từng cá nhân (**5.2.02 - Danh mục thiết bị tối thiểu đào tạo ngành CNKTCĐT; 5.2.01 - Hồ sơ xuất xứ cơ sở vật chất phục vụ đào tạo Khoa CNKTCĐT năm 2020, 2021, 2022; 5.1.03 - Hình ảnh bố trí thiết bị tại các phòng thực hành máy tính; tiêu lệnh PCCC, bình PCCC; 5.1.04 - Các sơ đồ, hình ảnh phòng hội thảo, phòng chuyên đề, phòng tin học, phòng thư viện**).

Tại các phòng học đều có bảng tiêu lệnh chữa cháy, Nội quy phòng cháy chữa cháy, bình chữa cháy nhằm đảm bảo an toàn của thực hành. Định kỳ hàng năm hệ thống PCCC của trường được công an PCCC thành phố Thủ Đức kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu (**5.1.06 - Sơ đồ bố trí dụng cụ PCCC, nội quy PCCC; 5.1.07 - Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy**). Trong các phòng học đều có nội quy quy định việc vận hành và bảo quản các trang thiết bị nhằm đảm bảo hoạt động bình thường và an toàn lao động (**5.1.05 - Nội quy sử dụng máy, thiết bị; Nội qui phòng học**).

Để sử dụng thiết bị an toàn và bảo trì bảo dưỡng đúng quy định, Nhà trường đã ban hành Qui định về quản lý sử dụng cơ sở vật chất của trường và ban hành Quyết định số 316/QĐ-CDCT ngày 02/7/2018 về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công (**5.4.01 - Quyết định số 316<sup>a</sup>/QĐ-CDCT ngày 02/7/2018 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công**). Hệ thống chiếu sáng trong các xưởng thực hành đảm bảo trong suốt quá trình giảng dạy. Hàng năm Trường thực hiện việc kiểm tra an toàn - vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ trong nhà trường (**5.4.02 - Biên bản kiểm tra máy móc, thiết bị phục vụ công tác đào tạo Khoa CNKTCĐT năm 2020, 2021, 2022**).

Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, chi tiết: Tên thiết bị, thông số kỹ thuật, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng (**5.2.03 - Danh mục thiết bị hiện có đào tạo ngành CNKTCĐT; 5.2.01 - Hồ sơ xuất xứ cơ sở vật chất phục vụ đào tạo ngành CNKTCĐT năm 2020, 2021, 2022**), hàng năm thực hiện công tác kiểm kê, nội dung kiểm kê đánh giá về số lượng, đánh giá về chất lượng thực tế, sử dụng thiết bị có đúng mục đích và đề xuất biện pháp xử lý (**5.2.04 - Biên bản kiểm kê tài sản cố định năm 2020, 2021, 2022; 5.2.05 - Báo cáo chi tiết tài sản cố định năm 2020, 2021, 2022**).

Thiết bị được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định: Nhà trường có quy định về việc sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị (**5.4.03 - Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị phục vụ ngành CNKTCĐT**). Công tác bảo trì, bảo dưỡng thực hiện theo định kỳ và đột xuất khi có sự cố (**5.4.04 - Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo hàng năm; 5.4.05 - Báo cáo công tác quản lý, bảo dưỡng các thiết bị cho thực hành và biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng năm 2019, 2020, 2021**).



Cuộc khảo sát nhằm ghi nhận ý kiến phản hồi của **107** sinh viên ngành **Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử (CNKTCĐT)** đang học tại trường về chất lượng, chương trình, giáo trình đào tạo, tuyển sinh của Nhà trường trong năm học 2020 - 2021, làm cơ sở giúp nhà trường thực hiện việc điều chỉnh, cải tiến chất lượng giáo dục.

Rà soát, điều chỉnh chất lượng giáo dục của Nhà trường cho phù hợp với tình hình thực tế. Ngoài ra, công tác khảo sát còn đánh giá các nội dung về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, phục vụ sinh viên, các hoạt động hỗ trợ sinh viên, chất lượng dịch vụ của nhà trường, về mức độ thư viện đáp ứng yêu cầu sử dụng của người học, về hoạt động giảng dạy của Giảng viên, về công tác tư vấn việc làm của nhà trường có đáp ứng yêu cầu cho hoạt động dạy và học, hoạt động quản lý của nhà trường.

Đối tượng khảo sát là **107** sinh viên của ngành **CNKTCĐT** Trường Cao đẳng Công thương thành phố Hồ Chí Minh Cụ thể như sau:

**Năm 2020 -2021**

1. Mục tiêu đào tạo, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Mức đánh giá: 1- Không đồng ý 2- Tạm đồng ý 3 - Đồng ý 4 - Hoàn toàn đồng ý

*Bảng 1. Kết quả khảo sát ý kiến về mục tiêu đào tạo, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo*

TT	Tiêu chí	Số SV có ý kiến				Tỷ lệ phần trăm (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
1	Mục tiêu của chương trình đào tạo rõ ràng, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng đào tạo trình độ Cao đẳng	4	8	60	35	3.7	7.5	56.1	32.7
2	Nội dung chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo và thường xuyên được cập nhật	3	8	55	41	2.8	7.5	51.4	38.3
3	Phòng thực hành/thực tập cho các môn học, mô đun được nhà trường bố trí đầy đủ, thoáng mát, đảm bảo đủ ánh sáng và thông gió	1	9	63	34	0.9	8.4	58.9	31.8
4	Diện tích các phòng/xưởng thực hành đủ rộng, đảm bảo cho hoạt động học tập, rèn luyện.	3	6	58	40	2.8	5.6	54.2	37.4

Qua kết quả khảo sát tại **Bảng 1** cho thấy mục tiêu đào tạo, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo của Trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM được sinh viên ngành CNKTCĐT đánh giá tương đối tốt đạt tỷ lệ “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” trên **88,0%**.

## 2. Chất lượng phục vụ, hỗ trợ của nhà trường

*Bảng 2.1. Kết quả khảo sát ý kiến về các hoạt động hỗ trợ Sinh viên*

TT	Tiêu chí	Số SV có ý kiến				Tỷ lệ phần trăm (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
5	Các khiếu nại (nếu có) của sinh viên luôn được giải quyết nhanh chóng và thỏa đáng	2	11	63	31	1.9	10.3	58.9	29.0
6	Hoạt động tư vấn học tập đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu	3	9	55	40	2.8	8.4	51.4	37.4
7	Các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, định hướng việc làm đáp ứng được nhu cầu việc làm	3	3	65	36	2.8	2.8	60.7	33.6
8	Hình thức, chỉ tiêu tuyển sinh được công khai trên website nhà trường, trên các phương tiện thông tin truyền thông	2	7	51	47	1.9	6.5	47.7	43.9
9	Các chính sách, chế độ đều được Nhà trường áp dụng công khai, thể hiện sự tôn trọng và đối xử bình đẳng	3	6	59	39	2.8	5.6	55.1	36.4

Qua kết quả khảo sát tại **Bảng 2.1** cho thấy các hoạt động hỗ trợ SV ngành CNKTCĐT của Trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM đạt tỷ lệ “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” tương đối cao trên **87,0%**.

### **Năm 2021- 2022**

#### 1. Mục tiêu đào tạo, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Mức đánh giá: 1- Không đồng ý 2- Tạm đồng ý 3 - Đồng ý 4 - Hoàn toàn đồng ý

*Bảng 1. Kết quả khảo sát ý kiến về mục tiêu đào tạo, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo*

TT	Tiêu chí	Số SV có ý kiến				Tỷ lệ phần trăm (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
1	Mục tiêu của chương trình đào tạo rõ ràng, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng đào tạo trình độ Cao đẳng	1	5	52	23	1.2	6.2	64.2	28.4
2	Nội dung chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo và thường xuyên được cập nhật	2	4	49	26	2.5	4.9	60.5	32.1



3	Phòng thực hành/thực tập cho các môn học, mô đun được nhà trường bố trí đầy đủ, thoáng mát, đảm bảo đủ ánh sáng và thông gió	2	4	43	32	2.5	4.9	53.1	39.5
4	Diện tích các phòng/xưởng thực hành đủ rộng, đảm bảo cho hoạt động học tập, rèn luyện.	1	5	43	32	1.2	6.2	53.1	39.5

Qua kết quả khảo sát tại **Bảng 1** cho thấy mục tiêu đào tạo, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo của Trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM được sinh viên ngành CNKTCĐT đánh giá tương đối tốt đạt tỷ lệ “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” trên **92,0%**.

## 2. Chất lượng phục vụ, hỗ trợ của nhà trường

### 2.1. Các hoạt động hỗ trợ Sinh viên

*Bảng 2.1. Kết quả khảo sát ý kiến về các hoạt động hỗ trợ Sinh viên*

TT	Tiêu chí	Số SV có ý kiến				Tỷ lệ phần trăm (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
5	Các khiếu nại (nếu có) của sinh viên luôn được giải quyết nhanh chóng và thỏa đáng	1	8	36	36	1.2	9.9	44.4	44.4
6	Hoạt động tư vấn học tập đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu	1	4	43	33	1.2	4.9	53.1	40.7
7	Các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, định hướng việc làm đáp ứng được nhu cầu việc làm	0	7	43	31	0.0	8.6	53.1	38.3
8	Hình thức, chỉ tiêu tuyển sinh được công khai trên website nhà trường, trên các phương tiện thông tin truyền thông	0	4	46	31	0.0	4.9	56.8	38.3
9	Các chính sách, chế độ đều được Nhà trường áp dụng công khai, thể hiện sự tôn trọng và đối xử bình đẳng	0	4	49	28	0.0	4.9	60.5	34.6

Qua kết quả khảo sát tại **Bảng 2.1** cho thấy các hoạt động hỗ trợ SV ngành CNKTCĐT của Trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM đạt tỷ lệ “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” tương đối cao trên **88,0%**.

## 2.2. Cơ sở vật chất phục vụ Sinh viên

**Bảng 2.2. Kết quả khảo sát ý kiến về cơ sở vật chất phục vụ Sinh viên**

TT	Tiêu chí	Số SV có ý kiến				Tỷ lệ phần trăm (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
10	Sách, tài liệu tham khảo, phòng đọc, tổ chức phục vụ ở Thư viện đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu	0	6	42	33	0.0	7.4	51.9	40.7
11	Căn tin đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, sạch sẽ, rộng rãi, thuận tiện	1	6	41	33	1.2	7.4	50.6	40.7
12	Thiết bị thể dục thể thao và sân vận động của Trường đáp ứng nhu cầu học tập và giải trí	1	6	46	28	1.2	7.4	56.8	34.6

Qua kết quả khảo sát tại **Bảng 2.2** cho thấy cơ sở vật chất phục vụ SV của Trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM đạt tỷ lệ “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” trên **91,0%**.

### Năm 2022 – 2023

#### 1. Mục tiêu đào tạo, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Mức đánh giá: 1- Không đồng ý 2- Tạm đồng ý 3 - Đồng ý 4 - Hoàn toàn đồng ý

**Bảng 1. Kết quả khảo sát ý kiến về mục tiêu đào tạo, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo**

TT	Tiêu chí	Số SV có ý kiến				Tỷ lệ phần trăm (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
1	Mục tiêu của chương trình đào tạo rõ ràng, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng đào tạo trình độ Cao đẳng	5	13	53	20	5.5	14.3	58.2	22.0
2	Nội dung chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo và thường xuyên được cập nhật	3	8	56	24	3.3	8.8	61.5	26.4
3	Phòng thực hành/thực tập cho các môn học, mô đun được nhà trường bố trí đầy đủ, thoáng mát, đảm bảo đủ ánh sáng và thông gió	1	13	52	25	1.1	14.3	57.1	27.5
4	Diện tích các phòng/xưởng thực hành đủ rộng, đảm bảo cho hoạt động học tập, rèn	3	11	46	31	3.3	12.1	50.5	34.1

luyện.									
--------	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Qua kết quả khảo sát tại **Bảng 1** cho thấy mục tiêu đào tạo, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo của Trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM được sinh viên ngành CNKTCĐT đánh giá tương đối tốt đạt tỷ lệ “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” trên **80,0%**.

## 2. Chất lượng phục vụ, hỗ trợ của nhà trường

### 2.1. Các hoạt động hỗ trợ Sinh viên

*Bảng 2.1. Kết quả khảo sát ý kiến về các hoạt động hỗ trợ Sinh viên*

TT	Tiêu chí	Số SV có ý kiến				Tỷ lệ phần trăm (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
5	Các khiếu nại (nếu có) của sinh viên luôn được giải quyết nhanh chóng và thỏa đáng	4	20	46	21	4.4	22.0	50.5	23.1
6	Hoạt động tư vấn học tập đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu	4	12	51	24	4.4	13.2	56.0	26.4
7	Các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, định hướng việc làm đáp ứng được nhu cầu việc làm	5	10	51	25	5.5	11.0	56.0	27.5
8	Hình thức, chỉ tiêu tuyển sinh được công khai trên website nhà trường, trên các phương tiện thông tin truyền thông	2	10	56	23	2.2	11.0	61.5	25.3
9	Các chính sách, chế độ đều được Nhà trường áp dụng công khai, thể hiện sự tôn trọng và đối xử bình đẳng	1	14	50	26	1.1	15.4	54.9	28.6

Qua kết quả khảo sát tại **Bảng 2.1** cho thấy các hoạt động hỗ trợ SV ngành CNKTCĐT của Trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM đạt tỷ lệ “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” tương đối cao trên **73,0%**.

### 2.2. Cơ sở vật chất phục vụ Sinh viên

*Bảng 2.2. Kết quả khảo sát ý kiến về cơ sở vật chất phục vụ Sinh viên*

TT	Tiêu chí	Số SV có ý kiến				Tỷ lệ phần trăm (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
10	Sách, tài liệu tham khảo, phòng đọc, tổ chức phục vụ ở Thư viện đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu	4	11	51	25	4.9	13.6	63.0	30.9
11	Căn tin đảm bảo vệ sinh an	4	16	51	20	4.9	19.8	63.0	24.7

	toàn thực phẩm, sạch sẽ, rộng rãi, thuận tiện								
12	Thiết bị thể dục thể thao và sân vận động của Trường đáp ứng nhu cầu học tập và giải trí	5	17	46	23	6.2	21.0	56.8	28.4

Qua kết quả khảo sát tại **Bảng 2.2** cho thấy cơ sở vật chất phục vụ SV của Trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM đạt tỷ lệ “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” trên **85,0%**.

### 2.3. Chất lượng dịch vụ của Nhà trường

*Bảng 2.3. Kết quả khảo sát ý kiến về chất lượng dịch vụ của Nhà trường*

TT	Tiêu chí	Số SV có ý kiến				Tỷ lệ phần trăm (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
13	Dịch vụ y tế đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe	5	16	44	26	5.5	17.6	48.4	28.6
14	Nhà trường có biện pháp để đảm bảo chế độ chính sách xã hội cho sinh viên (tìm nguồn học bổng, tìm kiếm việc làm, miễn giảm học phí, hỗ trợ nơi ở, hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn ...).	3	13	50	25	3.3	14.3	54.9	27.5
15	Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong trường đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí và rèn luyện sức khỏe	0	17	55	19	0.0	18.7	60.4	20.9
16	Ký túc xá Nhà trường đảm bảo an toàn, vệ sinh, thoáng mát, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của Sinh viên	3	14	48	26	3.3	15.4	52.7	28.6

Qua kết quả khảo sát tại **Bảng 2.3** cho thấy ý kiến về chất lượng dịch vụ của trường đạt tỷ lệ “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” trên **76,0%**.

*(5.4.06 - Kết quả khảo sát các đối tượng có liên quan về thiết bị đào tạo năm học 2020-21, 2021-22, 2022-23).*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 2 điểm**

**Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo**

***Mô tả, phân tích, nhận định***

Bộ Lao động Thương binh và Xã hội chưa ban hành định mức kinh tế kỹ thuật nghề CNKTCĐT. Trường đã căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc ban hành quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; Trường đã xây dựng và ban hành định mức vật tư đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng cho các nghề Trường đào tạo trong đó có nghề CNKTCĐT (**5.5.01 – Quyết định số 881/QĐ-CDCT ngày 26/7/2019 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành quy định định mức kinh tế kỹ thuật về đào tạo các ngành tại trường CDCT**).

Khoa Cơ khí có văn phòng khoa và kho lưu trữ có diện tích 80m<sup>2</sup> để lưu trữ vật tư, nguyên liệu. Đối với 08 phòng thực hành để giảng dạy nghề CNKTCĐT: Các phòng thực hành đều có các giá, tủ để vật tư dụng cụ, các vật tư, dụng cụ, vật liệu được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện trên các giá, tủ và khu vực quy định, đảm bảo nguyên tắc dễ thấy, dễ lấy, dễ sử dụng, các vật tư, dụng cụ, vật liệu chưa sử dụng đều được sắp xếp cất giữ tại kho ngăn nắp gọn gàng, đảm bảo tình trạng kỹ thuật cho việc lưu giữ (**5.1.04 - Các sơ đồ, hình ảnh phòng hội thảo, phòng chuyên đề, phòng tin học, phòng thư viện; 5.1.03 - Hình ảnh bố trí thiết bị tại các phòng thực hành máy tính; tiêu lệnh PCCC, bình PCCC**).

Việc cấp phát, thu nhận trang thiết bị, vật tư được quản lý theo một quy trình chặt chẽ đảm bảo tính công khai, minh bạch, các vật tư được mua sắm theo đúng quy trình. Quy trình có 7 bước, quy định rõ từng đơn vị chịu trách nhiệm và các biểu mẫu áp dụng chung cho toàn trường (**5.5.02 - Quy trình cấp phát, thu nhận trang thiết bị hàng hoá, vật liệu**).

Việc cấp phát vật tư thực hiện theo quy trình của trường: đầu học kỳ mới, căn cứ nội dung chương trình môn học, mô đun và sĩ số sinh viên sẽ học các môn học thực hành, Nhà trường sẽ dự trù kinh phí mua sắm vật tư cho các khoa nghề. Khoa tiến hành đề xuất nhu cầu vật tư thực tập theo nội dung bài thực hành và định mức vật tư cấp phát để phục vụ môn học thực hành (**5.5.03 – Các đề xuất nhu cầu vật tư của các đơn vị năm học 2020 - 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023; 5.5.04 - Kế hoạch cung ứng vật tư theo kế hoạch đào tạo**).

Sau khi nhận vật tư, Khoa sẽ mở Sổ theo dõi cấp phát vật tư thể hiện chi tiết vật tư theo từng học kỳ và được Trưởng bộ môn hoặc giảng viên bộ môn ký nhận (**5.5.05 – Hồ sơ xuất nhập vật tư hàng hóa thiết bị năm học 2020-2021, 2021–2022, 2022-2023; 5.5.06 - Sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo CTĐT năm học 2020-2021, 2021–2022, 2022-2023**).

Vật tư sau khi nhận được Khoa bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện theo từng chủng loại, nhóm vật tư và được lưu giữ ở những nơi khô ráo, thoáng mát tránh ẩm ướt gây hư hỏng trong quá trình bảo quản. Với các vật tư có chỉ dẫn bảo quản trên bao bì thì phải thực hiện đúng theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Sau khi kết thúc học kỳ và kết thúc năm học, khoa tổng hợp vật tư đã được mua sắm và đối chiếu với sổ theo dõi cấp phát vật tư quản lý số lượng sử dụng thực tế. Số lượng vật tư chưa dùng hết sẽ chuyển sang học kỳ sau, lập kế hoạch mua vật tư cho học kỳ tiếp theo **(5.5.07 – Báo cáo định kỳ hoạt động các kho và lưu trữ theo học kỳ, năm học).**

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 2 điểm**

**Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường có Thư viện với diện tích 289m<sup>2</sup> được bố trí cách biệt với khu giảng đường và các xưởng thực hành, đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát cho bạn đọc tham khảo tài liệu, thư viện gồm có:

TT	Loại phòng	ĐVT	Số lượng	Dt (m <sup>2</sup> )
1	Phòng đọc điện tử	m <sup>2</sup>	1	70
2	Phòng đọc cho cán bộ giảng viên	m <sup>2</sup>	1	35
3	Phòng đọc cho người học	m <sup>2</sup>	2	64
4	Kho sách	m <sup>2</sup>	1	120
	<b>Tổng cộng</b>		<b>5</b>	<b>289</b>

**(5.6.01 - Thống kê diện tích sử dụng của Thư viện).**

Qua các minh chứng: các quyết định ban hành chương trình; danh mục giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt, danh sách thống kê giáo trình/tài liệu cho từng mô đun, môn học của CTĐT cho thấy:

- Chương trình đào tạo nghề CNKTCĐT trình độ cao đẳng xây dựng năm 2019 có 48 môn học, mô đun, trong đó có 06 môn học chung (Tách ra có 17 giáo trình); 42 môn học cơ sở và chuyên ngành có 42 giáo trình ; mỗi môn học mô đun có 05 cuốn giáo trình được lưu trữ trên thư viện.

- Chương trình đào tạo nghề CNKTCĐT trình độ cao đẳng xây dựng năm 2019 có 48 môn học, mô đun, trong đó có 06 môn học chung (Tách ra có 17 giáo trình); 42

môn học cơ sở và chuyên ngành có 42 giáo trình ; mỗi môn học mô đun có 05 cuốn giáo trình được lưu trữ trên thư viện

*(1.1.08 - Quyết định số 355/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2019; 1.1.09 - Quyết định 140a/QĐ-CDCT ngày 18/4/2022 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2021)*

Thông kê số lượng đầu sách, giáo trình, tài liệu và số bản in nghề CNKTCĐT hiện có tại Thư viện, cụ thể như sau:

TT	Các loại hình tài liệu	Số đầu sách	Số bản in
1	Chương trình xây dựng năm 2019	72	321
2	Chương trình xây dựng năm 2021	72	321
5	Sách, tạp chí, tài liệu tham khảo	472	472

*(4.9.02 - Bảng kê danh mục chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt: tên giáo trình, năm xuất bản, đơn vị xuất bản, số lượng bản in, bản điện tử đã được phê duyệt; 5.6.03 – Danh mục tài liệu tham khảo ngành CNKTCĐT được số hóa).*

Lấy số sinh viên trình độ cao đẳng nghề CNKTCĐT quy đổi lớn nhất trong 03 năm gần nhất là: 170 sinh viên (năm 2021 - 2022) để tính toán:

Tài liệu tham khảo: Sách, tạp chí, tài liệu tham khảo 472 đầu tài liệu. Vậy với số lượng tài liệu tham khảo là 472 đầu sách. Đáp ứng đủ tài liệu tham khảo tối thiểu 03 đầu sách/người học.

Kiểm tra cơ sở dữ liệu trên phần mềm Quản lý Thư viện cho thấy 100% chương trình môn học môn đun và giáo trình các môn học mô đun, sách, tài liệu tham khảo của nghề CNKTCĐT đã được số hóa *(5.6.02 – Danh mục tài liệu tham khảo ngành CNKTCĐT được số hóa; 5.6.03 - Danh mục giáo trình ngành CNKTCĐT được số hóa).*

Hàng năm, Trường đều có báo cáo tổng kết hoạt động của Thư viện nhằm thống kê lại số lượt bạn đọc, lượt mượn – trả sách và các thông tin tổng hợp để hoàn thiện hơn cho thư viện trong những năm học tiếp theo *(5.6.04 - Báo cáo đánh giá hoạt động của thư viện hàng năm).*

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về Sách, tài liệu tham khảo, phòng đọc ở Thư viện đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu. Kết quả trên 75% người học đánh giá ở mức độ đồng ý và hoàn toàn đồng ý *(5.6.05 - Đường link khảo sát ý kiến Sinh viên và Giảng viên về thư viện; 5.6.06 - Kết quả khảo sát ý kiến Sinh viên và Giảng viên về thư viện).*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 2 điểm**



**Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Thư viện điện tử của Trường được trang bị 01 máy chủ và 10 máy tính để tra cứu tài liệu thư viện, có đường truyền Internet cáp quang tốc độ cao (**5.7.01 - Hợp đồng cung cấp Internet; Tổng Công ty viễn thông Viettel; 5.7.02 - Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện**).

Cơ sở dữ liệu điện tử được lưu trong máy chủ quản lý của thư viện điện tử, Học sinh sinh viên có thể tra cứu theo địa chỉ <http://lib.hitu.edu.vn> mục thư viện (**5.7.03 – Hình ảnh sử dụng trang website thư viện điện tử**).

Thư viện Trường có cơ sở dữ liệu điện tử được lưu trong máy chủ quản lý của thư viện điện tử, Nhà giáo và người học có thể tra cứu tài liệu tại thư viện điện tử thông qua tài khoản của Nhà giáo hoặc của Sinh viên. Tại phòng đọc ở tầng 1 của Thư viện được đầu tư 10 máy tính cấu hình cao, được cài đặt phần mềm quản lý, kết nối internet tốc độ cao đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của cán bộ, nhà giáo và người học. Công tác quản lý thư viện được tin học hóa bằng phần mềm quản lý, thuận tiện cho việc theo dõi mượn trả, có máy photo copy, máy scan tốc độ cao nhằm hỗ trợ bạn đọc có nhu cầu nhân bản tài liệu (**5.7.03 – Hình ảnh sử dụng trang website thư viện điện tử; 5.7.02 - Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện**).

Thư viện mở cửa 8 giờ trong ngày và được mở 5 ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6. Bộ phận thư viện có 01 Trưởng phòng và 7 nhân viên, có 06 thành viên đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành quản lý thư viện, nên đội ngũ nhân viên thư viện đã hướng dẫn trực tiếp sử dụng phần mềm tra cứu tài liệu, tổ chức phục vụ bạn đọc mượn sách về nhà, đọc tại chỗ. Thẻ CBGV, HSSV có thể dùng để mượn sách, tài liệu đọc tại chỗ theo thời gian mở và đóng cửa của thư viện. Ngoài ra, CBGV và HSSV có thể vào thư viện điện tử thông qua tài khoản cá nhân do thư viện trường cấp truy cập trên máy tính để tìm kiếm, tải tài liệu, giáo trình (**5.7.06 - Nội quy thư viện; 5.6.01 – Danh mục tài liệu tham khảo ngành CNKTCĐT được số hóa; 5.6.02 - Danh mục giáo trình ngành CNKTCĐT được số hóa; 5.7.04 - Kế hoạch hoạt động của thư viện hàng năm; 5.7.05 - Sổ mượn sách của thư viện**).

Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho bạn đọc. Thư viện có trang bị máy tính và nối mạng internet, có phần mềm quản lý thư viện đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu, thư viện có đội ngũ nhân viên có nhiều kinh nghiệm, hỗ trợ bạn đọc trong tìm kiếm tài liệu và nhân bản tài liệu khi có nhu cầu.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 2 điểm**

**Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Giáo viên có sử dụng các phần mềm chuyên dụng, phần mềm để hỗ trợ soạn bài giảng điện tử phục vụ cho hoạt động dạy và học các môn học, mô đun chuyên môn. Do đặc thù nghề là các môn học thiên công nghệ kỹ thuật, đồ họa thiết kế cơ khí như CAD, Solidworks, Inventor, Catia, Fluidsim.v.v. Nhà trường sử dụng các nền tảng Youtube để mô phỏng hình ảnh hoạt động của thiết bị. Ngoài ra, hầu hết các bài giảng được thiết kế bằng chương trình powerpoint hoặc các chương trình có ứng dụng CNTT tương tự để tăng hiệu quả bài giảng. Bên cạnh đó, rất nhiều giảng viên ứng dụng các phần mềm Kahoot, Quizizz... để tạo các câu hỏi trắc nghiệm.

- Số mô đun/môn học của nghề CNKTCĐT ban hành năm 2021 là 48 modun(không tính GDQP, GDTC), trong đó:

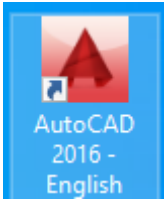

- Các môn học chung là 06 modun
- Số mô đun/môn học chuyên môn ngành: 42 modun chuyên ngành.
- Khối lượng lý thuyết: 744 giờ; thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1615 giờ; kiểm tra 101 giờ.

Các phần mềm Trường đang sử dụng để dạy nghề CNKTCĐT, cụ thể như sau:


- Số mô đun/môn học của nghề CNKTCĐT ban hành năm 2021 là 48, trong đó:

- Các môn học chung là 06 môn học (có 17 giáo trình)
- Số mô đun/môn học cơ sở là: 10 môn học, mô đun
- Số mô đun/môn học chuyên môn ngành: 29 môn học, mô đun.
- Đề cương chuyên đề, khóa luận: 03

Các phần mềm Trường đang sử dụng để dạy nghề CNKTCĐT, cụ thể như sau:

<b>T T</b>	<b>Mục đích</b>	<b>Logo</b>	<b>Phần mềm ứng dụng</b>	<b>Tên môn học</b>
1	Thiết kế chi tiết bản vẽ 2D		Autocad 2D	Autocad 2D
2	Mô phỏng thiết kế, điều khiển hệ thống khí nén		Festo Fluidsim	Công nghệ khí nén thủy lực Công nghệ khí nén thủy lực nâng cao

<b>T T</b>	<b>Mục đích</b>	<b>Logo</b>	<b>Phần mềm ứng dụng</b>	<b>Tên môn học</b>
3	Thiết kế chi tiết, mô phỏng động, tính toán động học máy		Solidworks	Solidworks
4	Tính toán động học, ma trận chuyển tay máy		Matlap	Điều khiển tự động (cơ khí) matlab
5	Code điều khiển ứng dụng cho chip vi điều khiển		CodeVisionAVR C	Vi điều khiển
6	Lập trình điều khiển, kiểm tra mô phỏng điều khiển hệ thống dùng PLC		TIA Portal V16	PLC Hệ thống cơ điện tử Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)
7	Mô phỏng quá trình cắt gọt, gia công CNC		SSCNC	Công nghệ CNC Thực tập CNC
8	Mô phỏng đường chạy dao, quá trình cắt gọt kim loại.		Creo	Công nghệ CAD/CAM
9	Mô phỏng, lập trình điều khiển PLC delta		WPLSoft 2.51, Cade Simu	Thực tập hệ thống cơ điện tử
10	Mô phỏng phân tích động học robot		Easy Robot	Kỹ thuật ROBOT
11	Mô phỏng, giám sát hệ thống		Visual Studio	Đo lường và điều khiển bằng máy tính

<b>T T</b>	<b>Mục đích</b>	<b>Logo</b>	<b>Phần mềm ứng dụng</b>	<b>Tên môn học</b>
12	Mô phỏng, kết nối điều khiển vi điều khiển		KeilC Arm	Lập trình nhúng

*(5.8.01 - Bảng danh mục các môđun/môn học của CTĐT ngành CNKTCĐT có ứng dụng CNTT; 5.8.02 - Hình ảnh giảng dạy một số MĐ/MH bằng phần mềm mô phỏng; 5.8.03 - Sổ nhật ký phòng thực hành).*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 2 điểm**

### **2.2.6. Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học**

#### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:**

##### **Mở đầu**

Nhà trường đã tổ chức các hoạt động nhằm hỗ trợ cho người học thông qua các hoạt động sinh hoạt đầu khoá để cung cấp các thông tin về chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, các chính sách hỗ trợ cho sinh viên, tư vấn nghề nghiệp, hỗ trợ y tế, dịch vụ việc làm, các chính sách quan tâm đến khó khăn cho người học, hỗ trợ ký túc xá, các dịch vụ ăn uống, thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí cho sinh viên.

Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Quản lý sinh viên, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp là bộ phận tham mưu đắc lực có nhiều khả năng và kinh nghiệm khai thác, cập nhật thông tin và thường xuyên cung cấp cho người học các thông tin về ngành nghiệp, thị trường lao động và giới thiệu việc làm cho sinh viên tốt nghiệp ra trường.

##### **\* Những điểm mạnh**

Trường cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, quy chế công tác học sinh, sinh viên, quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp, nội quy, quy chế của Trường cho người học;

Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập;

Hàng năm, Nhà Trường cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp; thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin thông qua các buổi tư vấn nghề nghiệp, qua trang Web, Facebook, Fanpage của Trường, trên các phương tiện truyền thông đại chúng, tờ rơi, sổ tay sinh viên..., qua đó Nhà trường giới thiệu đến người học

những ngành đào tạo, thời gian đào tạo, kế hoạch đào tạo, đồng thời cử các cán bộ có năng lực tư vấn trực tiếp cho người học.

Nhà trường có nhà ăn, căn tin phục vụ ăn uống cho giảng viên và sinh viên đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Khu nội trú được trang bị đầy đủ đèn điện, nước sạch sinh hoạt, nhà vệ sinh, đảm bảo an ninh trật tự và các phương tiện sinh hoạt khác có thể đáp ứng được đầy đủ nhu cầu sinh viên muốn ở nội trú, và thường xuyên được tu bổ, sửa chữa, nâng cấp các thiết bị sử dụng. Để đảm bảo cho sinh viên có môi trường giải trí lành mạnh sau giờ học, ký túc xá có xây dựng sân bóng đá và khu công viên được bố trí các hàng ghế đá và trồng nhiều cây xanh.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho người học được quan tâm đặc biệt, bên cạnh chức năng của bộ phận y tế trong trường, Nhà trường thường xuyên phối hợp với các Bệnh viện Đa khoa khu vực để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người học thường xuyên và trong các trường hợp khẩn cấp.

Hệ thống wifi đã được trang bị ở một số khu vực giảng dạy.

#### **\* Những tồn tại**

Thư viện chưa hoàn thành số hóa tạo lập thư viện điện tử để tiện lợi cho giảng viên và sinh viên học tập và nghiên cứu. Hệ thống mạng wifi chưa đủ mạnh.

Khu nội trú mặc dù đã được xây dựng khang trang rộng rãi, nhưng số lượng phòng vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu của sinh viên.

Các dịch vụ như chăm sóc sức khỏe, khu vui chơi giải trí cho sinh viên chưa được đầu tư hiện đại.

#### **\* Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Xây dựng hoàn thiện và đưa vào khai thác các công trình phục vụ cho sinh viên, nhà dịch vụ theo đề án trường chất lượng cao đến năm 2025.

Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp và kết nối việc làm cho sinh viên, tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp tham gia vào các hoạt động hỗ trợ sinh viên.

#### **Điểm đánh giá tiêu chí 6**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 6</b>	<b>8</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

**Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về CTĐT; quy chế đào tạo; quy chế công tác sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Qua nghiên cứu hồ sơ tuyển sinh. Hằng năm trong quá trình tuyển sinh Nhà trường đã được cung cấp đầy đủ các thông tin về về chương trình đào tạo khóa học của các nghề, đối tượng tuyển, thời gian đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của người học, cơ hội được học nâng cao và tìm kiếm việc làm... các thông tin này được thể hiện qua các tài liệu phục vụ công tác tuyển sinh (**2.1.04 - Đề án tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022; 2.1.05 - Thông báo tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022**). Các thông tin này được cung cấp cho người học qua nhiều kênh: các đoàn làm công tác tuyển sinh tại các địa phương, thông qua cán bộ giáo viên, HSSV của trường, thông qua các hoạt động giao lưu giữa trường và các trường phổ thông, đăng tải trên trang Website của trường và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Ngoài ra hằng năm sau khi nhập học ổn định, Nhà trường tổ chức Kế hoạch sinh hoạt chính trị đầu khóa nhằm giới thiệu đến người học những thông tin chung về Nhà trường và cung cấp cho người học về mục tiêu, chương trình, kế hoạch Đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn cần đạt được của từng nghề dưới hình thức lên lớp phổ biến và cung cấp tài liệu cho HSSV; phổ biến các Quy chế đào tạo, quy chế thi và kiểm tra, đánh giá, điều kiện xét tốt nghiệp, các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học, các nội quy, quy chế của Nhà trường; thông báo hướng dẫn về việc hoàn thiện hồ sơ miễn, giảm học phí, đối tượng được miễn giảm học phí, được hưởng học bổng, trợ cấp xã hội và chế độ nội trú.. và kết thúc đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa, nhà trường có báo cáo kết quả sinh hoạt chính trị đầu khóa hằng năm (**6.1.01 – Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu năm năm 2020, 2021, 2022; 6.1.02 - Các tài liệu cung cấp cho người học khi nhập học và trong quá trình học; 2.2.01 - Quy chế tổ chức đào tạo, quy chế xét thi kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp của trường; 6.1.03 - Ban hành Nội quy Học sinh sinh viên; 6.1.04 - Thông báo về mức thu học phí hằng năm của Trường; 6.1.05 - Các QĐ về việc ban hành quy định cấp học bổng khuyến khích học ngành; Quy định xét, miễn giảm học phí cho Học sinh sinh viên của Trường; 6.1.06 - Quy định chính sách hỗ trợ Học sinh sinh viên Trường CDCT TP.HCM; 6.1.07 - Các văn bản quy định chính sách hỗ trợ Học sinh sinh viên**).

Hằng năm trường có xây dựng kế hoạch lịch sinh hoạt đầu khóa cho HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022 (Trích Lịch sinh hoạt đầu khóa năm 2022) của Nhà trường, gồm các nội dung như sau:

TT	Ngày	Thời gian	Nội dung sinh hoạt	Địa điểm
1	9/10/2022	8h00-9h30	Giáo dục các kỹ năng cho sinh viên	Hội trường lầu 6 khu A

<b>TT</b>	<b>Ngày</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung sinh hoạt</b>	<b>Địa điểm</b>
2	9/10/2022	10h00-11h30	Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ	Hội trường lầu 6 khu A
3	9/10/2022	13h00-14h30	Giáo dục pháp luật, đạo đức lối sống sinh viên	Hội trường lầu 6 khu A
4	9/10/2022	15h00-16h30	Công tác chính trị tư tưởng, công tác HSSV	Hội trường lầu 6 khu A
5	9/10/2022	16h30-17h00	Viết bài thu hoạch	Hội trường lầu 6 khu A

Đồng thời đầu năm sở tay HSSV được Nhà trường phát miễn phí cho mỗi em/quyển. Qua xem xét sở tay HSSV cung cấp các thông tin như sau (**2.1.17 – Sổ tay HSSV**). Tóm tắt nội dung chính sổ tay HSSV liên quan đến chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học. Cụ thể như sau:

- 1/ Phần thứ nhất: Quá trình hình thành và phát triển Trường
- 2/ Phần thứ hai: Thông tin các ngành, nghề đào tạo của Trường
  - Các chương trình đào tạo.
  - Chuẩn đầu ra các nghề trường đang đào tạo.
- 3/ Phần thứ ba: những nội dung liên quan đến học sinh, sinh viên
  - **Quy chế đào tạo, thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp.**
  - Quy chế Công tác học sinh, sinh viên.
  - Quy định Công tác quản lý học sinh, sinh viên ký túc xá.
- 4/ Các chế độ chính sách cho HSSV
  - Chế độ trợ cấp xã hội.
  - Chính sách nội trú.
  - Chính sách miễn, giảm học phí.
  - Học bổng khuyến khích học tập.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***



Nhà trường xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM căn cứ vào các văn bản sau:

- Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014.

- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 quy định một số điều và biện pháp thi hành luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 quy định về điều lệ trường Cao đẳng.

- Nghị quyết số 04/NQ-HĐTCĐCT ngày 06/01/2019 của Hội đồng trường Cao đẳng Công thương TP. Hồ Chí Minh về việc thông qua dự thảo quy chế tổ chức, hoạt động của trường Cao đẳng Công thương TP Hồ Chí Minh.

Trong quy chế quy định cụ thể như sau:

Trường giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động về tư vấn, hỗ trợ đối với người học của trường là bộ phận phụ trách Công tác học sinh, sinh viên trực tiếp giải quyết những vấn đề về tư vấn, hỗ trợ người học về các vướng mắc trong thực hiện các quy định của trường cũng như các chính sách của nhà nước (**1.1.03 - Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM**).

\* **Về chính sách miễn giảm học phí:** Nhà trường thực hiện theo quy định miễn giảm học phí theo quy định đối với các trường hợp như gia đình thương binh liệt sĩ, hộ nghèo, dân tộc thiểu số. Trong quá trình hỗ trợ, có đối tượng được hỗ trợ miễn giảm 100%, 70% và 50% học phí (**6.1.04 - Thông báo về mức thu học phí hằng năm của Trường; 6.1.05 - Các QĐ về việc ban hành quy định cấp học bổng khuyến khích học ngành, Quy định xét, miễn giảm học phí cho Học sinh sinh viên của Trường; 6.1.06 - Quy định chính sách hỗ trợ Học sinh sinh viên Trường CDCT TP.HCM; 6.1.07 - Các văn bản quy định chính sách hỗ trợ Học sinh sinh viên**).

\* **Về thực hiện chính sách học bổng.**

Hàng năm Trường dành từ 8% đến 15% quỹ học phí làm quỹ học bổng cho học sinh với mức học bổng xác định theo quy chế chi tiêu nội bộ (**3.4.01 – Các quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020, 2021, 2022; 6.2.01 - Các QĐ khen thưởng đối với Học sinh sinh viên các năm - Danh sách sinh viên được khen thưởng các năm**).

Trong các năm qua số lượng SV nghề CNKTCĐT được hưởng các chế độ, chính sách của trường cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023
1	Học bổng	7	11	1
2	Giảm học phí	1	1	1

**\* Về chăm sóc y tế cho học sinh:**

Đầu năm, Trường thực hiện chế độ khám sức khỏe cho toàn bộ học sinh, sinh viên mới nhập học của toàn trường, trong đó có tất cả học sinh, sinh viên của khoa Cơ khí. Cụ thể như sau: Năm 2020: Khám sức khỏe cho 3.158 học sinh, sinh viên; Năm 2021: Khám sức khỏe cho 3.451 học sinh, sinh viên; Năm 2022: Khám sức khỏe cho 1.744 học sinh, sinh viên; Năm 2023: Khám sức khỏe cho 3027 học sinh, sinh viên (**6.2.02 - Biểu tổng hợp số liệu học sinh khám sức khỏe đầu khóa các năm 2021, 2022, 2023**).

Trường có bộ phận y tế để khám chữa bệnh cho học sinh, sinh viên, phòng y tế được trang bị 01 giường khám chữa bệnh, có đầy đủ trang thiết bị, vật tư y tế và danh mục thuốc y tế đảm bảo theo thông tư số 33/2021/TT-BYT quy định về công tác y tế trong CSGD đại học và cơ sở GDNN. Hàng năm Trường có liên kết với Trung tâm y tế phường trong vấn đề chăm sóc sức khỏe (**6.2.03 - Hợp đồng khám sức khỏe hàng năm; 6.2.04 - Biên bản kiểm kê tài sản thiết bị, dụng cụ y tế**).

**\* Về tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập:**

Cổ vấn học tập các lớp thực hiện sinh hoạt lớp hàng tuần theo lịch quy định, trong đó ngoài các nội dung như phổ biến, giải thích về thực hiện các Quy chế trong học tập và sinh hoạt còn thực hiện việc tư vấn giúp đỡ học sinh về mọi vấn đề liên quan tới việc học tập, sinh hoạt của sinh viên trong Trường như đăng ký để nhận chế độ chính sách đối với người học; đăng ký thực hiện chính sách, vay vốn tín dụng, ưu đãi; tư vấn các nội dung liên quan đến quá trình học tập, rèn luyện, xét điểm học tập, rèn luyện, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên (**6.2.05 - Thông báo kết luận họp giao ban hàng tuần năm học 2020, 2021, 2022; 6.2.06 - Các biên bản sinh hoạt lớp năm học 2020, 2021, 2022**).

Hàng năm Trường có báo cáo tổng kết các hoạt động của Trường và đưa ra các phương hướng cho năm học tiếp theo (**1.2.05 - Báo cáo tổng kết năm học của Trường**).

Trường có bộ phận chuyên trách: Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp trực tiếp tư vấn về việc làm cho sinh viên qua trang web tại địa chỉ <https://www.hitu.edu.vn>. Qua đó để sinh viên có điều kiện tiếp xúc trực tiếp với trung tâm nhằm tìm kiếm việc làm phù hợp với năng lực, chuyên môn của mỗi người.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 2 điểm**

**Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm, Trường xây dựng kế hoạch, kết nối với các công ty, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng để giới thiệu, tư vấn và giải quyết việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp bằng nhiều hình thức khác nhau như: HSSV tìm hiểu thông tin tuyển dụng được niêm yết các thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp trên website, thông báo trên bảng tin Trường; tư vấn của doanh nghiệp các buổi khai giảng, bế giảng, qua buổi lễ tốt nghiệp. Mặt khác hàng năm, Phòng Công tác HSSV của Trường đều có xây dựng, triển khai kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm cho HSSV và cuối đợt tổ chức ngày hội việc làm, trường có báo cáo tổng kết công tác ngày hội việc làm hàng năm kèm theo hình ảnh ngày hội việc làm (**6.3.01 – Kế hoạch tư vấn giới thiệu việc làm cho Sinh viên năm học 2021, 2022, 2023; 6.3.02 – Danh sách các nhà tuyển dụng tham gia phiên giao dịch việc làm; 6.3.03 - Các thông báo về tuyển dụng lao động của các Doanh nghiệp đăng trên bảng tin nhà trường các năm; 6.3.04 - Các kế hoạch tổ chức khai giảng, bế giảng từ năm 2020-2023; 6.3.05 - Thư mời doanh nghiệp tham dự Lễ tốt nghiệp của HSSV; 6.3.06 - Danh sách các doanh nghiệp tham dự lễ khai giảng, bế giảng từ năm 2019-2022; 6.3.07 – Báo cáo về việc tư vấn và giới thiệu việc làm cho Sinh viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 6.3.08 - Một số hình ảnh về việc tư vấn việc làm và tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp tại trường**).

Ngoài ra, Trung tâm phối hợp với Đoàn Thanh niên Trường và Khoa Cơ khí thường xuyên tiếp nhận các thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp, niêm yết lên các bảng tin được bố trí tại các khu vực của Trường, trên website, facebook, Fanpage Trường, đồng thời tiếp nhận các thông tin đăng ký tìm việc của sinh viên có nhu cầu; giới thiệu sinh viên đến đơn vị cần tuyển dụng để tìm hiểu, tham dự phỏng vấn tuyển chọn (**6.3.09 - Danh sách sinh viên đăng ký tìm việc làm; 6.3.10 - Hình ảnh trên website, facebook, Fanpage; 6.3.03 - Các thông báo về tuyển dụng lao động của các Doanh nghiệp đăng trên bảng tin nhà trường các năm**).

Kết quả đạt được trong 3 năm gần đây, cụ thể như sau:

- Năm 2020 - 2021, tổ chức tư vấn 64 SV nghề CNKTCĐT với sự tham gia của 11 DN.
- Năm 2021 - 2022, tổ chức tư vấn 70 SV nghề CNKTCĐT với sự tham gia của 12 DN.
- Năm 2022 – 2023, tổ chức tư vấn 73 SV nghề CNKTCĐT với sự tham gia của 15 DN.

Qua danh sách các doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng lao động và báo cáo kết quả tuyển dụng qua ngày hội chợ việc làm năm 2020 - 2021, 2021 – 2022, 2022 -

2023; tổng hợp danh sách Doanh nghiệp tuyển dụng nghề CNKTCĐT các năm như sau:

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP THAM GIA TƯ VẤN, TUYỂN DỤNG NGÀY HỘI CHỢ VIỆC LÀM**

**Năm 2020 -2021**

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Địa chỉ</b>
1	Công ty TNHH Cơ điện lạnh Bình Minh Én	529/146A, Huỳnh Văn Bánh, P14, Q. Phú Nhuận, TP. Thủ Đức, TP. HCM
2	Công ty TNHH Nissei Electric Việt Nam	Lô 95-96-97-98, Đường số 4, Khu chế xuất Linh Trung 1, TP. Thủ Đức, TP. HCM
3	Cty CP Thép VAS Tuệ Minh	Lô A.5, Đường D2 KCN KSB (Khu B) Bắc Tân Uyên, Bình Dương
4	Cty TNHH Bao Bì Giấy Tân Sài Gòn	Số 67 Ngô Chí Quốc, P.Tam Bình, Q.Thủ Đức
5	Cty TNHH HTM Precision	Số 10/7A, Đường 17, P.Long Thạnh Mỹ, Q.Thủ Đức
6	Cty TNHH Rochdale Spears	Số 207, Đường DT 747A, Tổ 1, KP.Tân Lương, Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương
7	Cty TNHH S&HV	Đường 20, KCX Tân Thuận, P.Tân Thuận Đông, Q.7
8	Cty TNHH SX & TM Cát Thái	Số 55, Ích Thạnh, P.Trường Thạnh, Q.9
9	Cty TNHH Thiết Bị Lạnh & Cách Nhiệt TST	Số 307/33 Nguyễn Văn Trỗi, P.1, Q.Tân Bình
10	Nhà Máy Thép Pomina 1	KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương
11	Cty CP Tập Đoàn Máy Xây Dựng Việt Nam	Số 31/3, Đường 160, KP.3, P.Tăng Nhơn Phú A, Q.9

**Năm 2021 -2022**

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Địa chỉ</b>
1	Công ty Harring Ton Group	23A/4, Khu phố Hiệp Thắng, P. Bình Thắng, TX. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
2	Nhà máy sữa đậu nành Vinasoy Bình Dương	Công B, Số 15, Đường số 31, KCN VSIP II-A, P. Vĩnh Cửu, TP. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Địa chỉ</b>
3	Công ty TNHH Cơ điện lạnh Bình Minh Ến	529/146A, Huỳnh Văn Bánh, P14, Q. Phú Nhuận, TP. Thủ Đức, TP. HCM
4	Công ty Cổ phần Gremsy	152 Đường số 2, Khu dân cư Vạn Phúc, P. Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. HCM
5	Công ty Sunlight Electrical (VN) Co.LTD	Số 20, Đại Lộ Độc Lập, Vsip, Thuận An, Bình Dương
6	Công ty TNHH MTV Công nghiệp Masan	Lô 6, KCN Tân Đông Hiệp A, Dĩ An, Bình Dương
7	Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa	KCN 3-Hiệp Phước, Nhơn Trạch, Đồng Nai
8	Công ty TNHH Nissei Electric Việt Nam	Lô 95-96-97-98, Đường số 4, Khu chế xuất Linh Trung 1, TP. Thủ Đức, TP. HCM
9	Công ty TNHH II-VI Việt Nam	Số 36, Đường số 4, KCN Vsip 1, Bình Hòa, Tân An, Bình Dương
10	Công ty TNHH Khánh Lê	Số 5, Lã Xuân Oai, P. Trường Thạnh, TP. Thủ Đức, TP.HCM
11	Công ty TNHH Cơ khí Nông Nghiệp Bông Lúa	Số 783, Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Quận Bình Tân
12	Nhà máy sữa đậu nành Vinasoy Bình Dương	Cổng B, Số 15, Đường số 31, KCN VSIP II-A, P. Vĩnh Cửu, TP. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

**Năm 2022 -2023**

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Địa chỉ</b>
1	Công ty TNHH II-VI Việt Nam	Số 36, Đường số 4, KCN Vsip 1, Bình Hòa, Tân An, Bình Dương
2	Công ty CP Ô Tô GMG	Khu B, Đường số 1, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP.HCM
3	Công ty CP Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ	Số 29, Đường Dân Chủ, Khu Công Nghiệp VSIP II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
4	Công ty CP Tập Đoàn Thái Tuấn	1/148 Nguyễn Văn Qúa, P. Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP.HCM

<b>TT</b>	<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Địa chỉ</b>
5	Công ty CPSX TB Điện CN Cát Vạn lợi	Lô F12, Đường số 8, KCN Cơ khí Ô Tô TP.HCM, Xã Hòa Phú, Huyện Củ Chi, TP.HCM
6	Công ty TNHH DV Bảo dưỡng Hàng Không Việt Nam	Phòng 401, tầng 4, Tòa nhà văn phòng SCSC, Số 30, Đường Phan Thúc Duyện, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.HCM
7	Công ty P&G Indochina	Khu Công nghiệp Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương
8	Công ty CP Công nghiệp và Thương mại Lidovit	Lô D5, Đường số 3, KCN Bình Chiểu, P. Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. HCM
9	Cty TNHH Highland Drogen	Số 15, Đường Số 6, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương
10	Cty CP Thiết Bị Công Nghiệp Huỳnh Long	Lô J35, KDC Phú Nhuận, Đường 659, Đỗ Xuân Hợp, P.PLB, Thủ Đức
11	Cty TNHH CentralTech Incorporation Việt Nam	Số 36/4, Quốc Lộ 1, An Phú Đông, Q.12
12	Cty CP Tập Đoàn Kỹ Thuật & Công Nghiệp VN Tại TP.HCM	Lô D6, Đường Số 3, KCN Bình Chiểu, P.Bình Chiểu, Thủ Đức
13	Cty CP Công Nghệ & DV Môi Trường Eco	Số 92 Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q.Bình Thạnh
14	Cty Cơ Khí Duy Khanh	Số 310A, lữ Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q.Tân Phú
15	Cty TNHH Bá Nhân	Số 450 Nguyễn Xiêng, P.Long Thạnh Mỹ, Q.9

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hoạt động văn hoá, văn nghệ thể dục thể thao và các hoạt động phong trào luôn được Nhà trường quan tâm. Trường xác định đây cũng là công cụ hiệu quả để tuyên truyền chính sách pháp luật và giáo dục kỹ năng cho HSSV. Trong quy hoạch tổng thể Nhà trường bố trí các khu hoạt động thể dục thể thao và các khu phục vụ các hoạt động vui chơi giải trí cho người học bao gồm: Trường thường xuyên tu bổ, sửa chữa,

nâng cấp các thiết bị sử dụng nhằm phục vụ hoạt động về thể chất và sinh hoạt văn hóa cho người học. Để đảm bảo cho sinh viên có môi trường giải trí lành mạnh sau giờ học, ở ký túc xá của Trường có 2 sân bóng đá mi ni với diện tích 1.250m<sup>2</sup>, 02 nhà thi đấu cầu lông với diện tích 250 m<sup>2</sup>; 04 sân bóng chuyền và sân bóng rổ với diện tích 500 m<sup>2</sup>. Bên cạnh đó, hội trường với diện tích 704 m<sup>2</sup> gồm có khu vực khán giả, sân khấu, kho dụng cụ, thiết bị, phòng truyền thanh hình ảnh, phòng diễn viên vv... là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa cho sinh viên như chương trình Chào đón Tân sinh viên, Tìm kiếm tài năng sinh viên vv.... (5.1.01 - Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng; 6.4.01 - Kế hoạch chào đón Tân sinh viên NH 2019-20, 2021-22, 2022-23; 6.4.02 - Hình ảnh chương trình chào đón Tân sinh viên NH 2019-20, 2021-22, 2022-23; 6.4.03 - Hình ảnh các khu hoạt động và khuôn viên trường, Hình ảnh hoạt động thể dục thể thao, phong trào Đoàn Hội).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức cho học HSSV tham gia các buổi sinh hoạt ngoại khóa, sinh hoạt văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao vào các dịp lễ lớn như ngày truyền thống HSSV 09/1; ngày quốc tế phụ nữ 8/3; ngày thành lập Đoàn TNCS HCM 26/3; ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước 30/4; ngày quốc khánh 2/9; ngày phụ nữ Việt Nam 20/10; ngày Nhà giáo việt Nam 20/11; hiến máu nhân đạo; tuyên truyền phòng chống ma túy, tệ nạn xã hội trong HSSV; trật tự an toàn giao thông; thanh niên tình nguyện thu hút được đông đảo HSSV toàn trường tham gia (6.4.04 - Kế hoạch và hình ảnh các hoạt động phong trào do Đoàn Khoa Cơ khí tổ chức cho sinh viên ngành CNKTCĐT; 6.4.05 - Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao cho Học sinh sinh viên).

+ Hằng năm Ban chấp hành Đoàn trường đều có xây dựng chương trình công tác Đoàn và phong trào thanh niên, chương trình thể hiện: Nhiệm vụ trọng tâm công tác Đoàn; Một số chỉ tiêu cơ bản; Nội dung và giải pháp về công tác tuyên truyền và giáo dục, tổ chức các phong trào: Phong trào thanh niên tình nguyện, Phong trào tuổi trẻ sáng tạo, Phong trào tuổi trẻ xung kích bảo vệ tổ quốc, Phong trào đồng hành với thanh niên học tập, khởi nghiệp, lập nghiệp; Các hoạt động tham gia cụ thể trong năm cấp trường, cấp tỉnh, các chi đoàn trực thuộc.

+ Trên cơ sở chương trình Công tác Đoàn và phong trào thanh niên. Đoàn trường hằng năm đều có xây dựng các kế hoạch tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động xã hội; kế hoạch hằng năm được thể hiện: Mục đích- yêu cầu; Nội dung-Thời gian- Địa điểm; Tổ chức thực hiện (Ban chấp hành, Các đơn vị Phòng khoa, Trung tâm, Đoàn thanh niên cơ sở và các chi đoàn trực thuộc).

Hằng năm BCH Đoàn khoa Cơ khí đều có báo cáo kết quả Công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học của khoa cho Đoàn trường Cao đẳng Công thương TP. Hồ Chí Minh.

Đồng thời để kịp thời động viên các phong trào trong HSSV, kết thúc mỗi đợt Đoàn trường đều có khen thưởng kịp thời các tập thể lớp và cá nhân HSSV đạt thành



tích xuất sắc trong các đợt thi đua (**6.4.06 - Quyết định khen thưởng các hoạt động phong trào trong Học sinh sinh viên**).

### **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 2 điểm**

#### **2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng**

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

##### **Mở đầu**

Hàng năm, Trung tâm Khảo Thí và Đảm Bảo Chất Lượng đều xây dựng và trình Ban Giám Hiệu kế hoạch đảm bảo chất lượng của Trường. Nội dung kế hoạch đều nêu rõ những công việc cần thực hiện để duy trì và phát triển công tác đảm bảo chất lượng xuyên suốt năm công tác. Một trong những nội dung trong kế hoạch đảm bảo chất lượng là thu thập ý kiến đánh giá của các đối tượng tham gia vào hoạt động đào tạo. TT Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm xây dựng nội dung và tiến hành khảo sát, thu thập ý kiến.

Hoạt động tự đánh giá chất lượng CTĐT, tự đánh giá chất lượng của Trường được thực hiện một cách thường xuyên từ các đơn vị đào tạo đến Hội đồng tự đánh giá của Nhà trường theo đúng quy định.

##### **\* Những điểm mạnh**

Hàng năm có thu thập ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của SV và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thông qua thực tập doanh nghiệp hàng năm. Việc lấy ý kiến của CBQL, GV và NV về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý, được thực hiện bài bản, khoa học và chuyên nghiệp. Việc thu thập ý kiến của SV về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ cho SV được thực hiện nghiêm túc. Trường có tự đánh giá chất lượng CTĐT theo quy định.

##### **\* Những tồn tại**

Chất lượng các hoạt động giám sát, đánh giá chưa đồng đều do Nhà trường đang hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng.

Việc giữ liên hệ với các sinh viên đã tốt nghiệp còn nhiều khó khăn, đặc biệt là các sinh viên tốt nghiệp đã lâu. Một số sinh viên có việc làm chưa đúng chuyên ngành.

##### **\* Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động đảm bảo chất lượng, đồng thời xây dựng thêm các bộ công cụ, quy trình mới nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống đảm

bảo chất lượng của Nhà trường theo xu thế mới đáp ứng các tiêu chí của trường chất lượng cao.

Tăng cường liên hệ sinh viên thông qua các ngày lễ, kỷ niệm, mời các cựu sinh viên tiêu biểu trong các hoạt động cải tiến CTĐT của Trường, Khoa nhằm nâng cao tính phù hợp kiến thức đào tạo và nhu cầu thực tế doanh nghiệp.

Phối hợp cùng các doanh nghiệp thường xuyên, tạo liên kết sinh viên và doanh nghiệp thông qua các đợt tham quan, thực tập. Duy trì quan hệ với các doanh nghiệp đã liên kết, đồng thời hợp tác thêm các doanh nghiệp mới nhằm đảm bảo tốt hơn đầu ra cho sinh viên.

### Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<b>Tiêu chí 7</b>	<b>16</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	0
Tiêu chuẩn 8	2

**Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.**

#### *Mô tả, phân tích, nhận định:*

Hàng năm, trường có kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo kế hoạch của Trung tâm Khảo thí và Bảo đảm chất lượng (*3.5.02 - Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*).

Năm 2020-2021: Giám đốc TTKT & BĐCL ký kế hoạch ngày 20 tháng 09 năm 2020.

Năm 2021-2022: Giám đốc TTKT & BĐCL ký kế hoạch ngày 22 tháng 02 năm 2022.

Năm 2022-2023: Giám đốc TTKT & BĐCL ký kế hoạch ngày 15 tháng 09 năm 2022.

*(7.1.02 - Ảnh chụp nội dung Phiếu khảo sát doanh nghiệp về về mức độ đáp ứng của Sinh viên tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 7.1.01 – Phiếu khảo sát doanh nghiệp các năm năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 (bảng in giấy)).*

Nội dung phiếu khảo sát có các nội dung về:

1/ Mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động:

- Kiến thức chuyên môn được đào tạo;
- Kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng khác;
- Thái độ;

Các ý kiến đánh giá được xác định 4 mức:

1. Không hài lòng      2. Khá hài lòng      3. Hài lòng      4. Rất hài lòng

2/ Sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Chương trình, nội dung đào tạo được thiết kế so với yêu cầu công việc của đơn vị;

- Các kiến thức chuyên môn được đào tạo có hữu ích cho công việc của đơn vị;

- Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo;

- Những kiến thức, kỹ năng cần bổ trợ để đáp ứng yêu cầu công việc tại Doanh nghiệp sau khi được tuyển dụng;

- Những giải pháp giúp nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu sử dụng của doanh nghiệp;

- Doanh nghiệp có hài lòng về chất lượng sinh viên về làm việc tại doanh nghiệp.

Các mức đánh giá:

1. Không đạt yêu cầu      2. Tạm đạt yêu cầu      3. Đạt yêu cầu      4. Rất đạt yêu cầu

Phương pháp sử dụng google drive khảo sát trực tuyến các doanh nghiệp đã và đang tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp *(7.1.03 - Đường link khảo sát doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của SVTN, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023):*

Đường link 2020 -2021: <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-svtn-chuan-dau-ra-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2020-2021-3/>

Đường link 2021 -2022: <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-svtn-chuan-dau-ra-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2021-2022-2/>

Đường link 2022 -2023: <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-svtn-chuan-dau-ra-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2022-2023-3/>

Trường đã thực hiện khảo sát:

Năm học 2020-2021:

Số DN trường khảo sát ý kiến: 17 doanh nghiệp, công ty.

Số DN phản hồi ý kiến khảo sát: 15 doanh nghiệp, công ty.

Năm học 2021-2022:

Số DN trường khảo sát ý kiến: 17 doanh nghiệp, công ty.

Số DN phản hồi ý kiến khảo sát: 15 doanh nghiệp, công ty.

Năm học 2022-2023:

Số DN trường khảo sát ý kiến: 18 doanh nghiệp, công ty.

Số DN phản hồi ý kiến khảo sát: 15 doanh nghiệp, công ty.

Các công ty, doanh nghiệp phản hồi ý kiến trong 3 năm liên tục như:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Có sinh viên thực tập	Có sinh viên tốt nghiệp làm việc từ 2020- 2023
1	Công ty TNHH TM-DV-SX Cơ khí Đại Hồng Ân	21/3 Khu phố 3- P. Tam Hòa - Biên Hòa - T, Đồng Nai	x	x
2	Công ty TNHH Cơ khí Thế Hải	37/11 Đường Số 2 - Khu Phố 7 - Phường Trường Thọ - Tp Thủ Đức-Tp Hcm	x	x
3	Công ty TNHH XDTM và DV Hưng Khôi	616/65/27 Lê Đức Thọ, P15, Q Gò Vấp, TP. HCM	x	x
4	Công ty TNHH Cơ Khí Trọng Nhất	64/3 KP2, P An Phú, Tp. Thuận An, Tỉnh Bình Dương	x	x
5	Công ty Global Equipment Services vietnam	Lot I3 – 1, D1 street, Saigon High Tech Park, Dist. 9, HCMC	x	x

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Có sinh viên thực tập	Có sinh viên tốt nghiệp làm việc từ 2020- 2023
6	Công Ty TNHH Greystone Data Systems Việt Nam	Số Lô 62a, đường B, Khu chế xuất Linh Trung II, Phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	x	x
7	Công ty SASI	Lô D9, D10 Đường Số 10, Khu Công Nghiệp Cơ Khí Ô Tô Thành phố Hồ Chí Minh, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Hồ Chí Minh.	x	x
8	Công Ty TNHH MTV Xây Dựng Hoàn Hân	72, đường An Thạnh 25, khu phố Thạnh Phú, phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương	x	x
9	Công ty cổ phần Dệt Renze	Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	x	x
10	Công Ty Cổ Phần IDINAC	Số 25, KP2, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	x	x
11	Công Ty TNHH Thương Mại & Công Nghệ BDC	45/11 Lê Đình Cẩn, Khu phố 7, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	x	x
12	Công Ty TNHH Thanh Long Tech	160/13 Đường Linh Trung, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	x	x

*(7.1.04 - Danh sách các doanh nghiệp đã lấy ý kiến khảo sát năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).*

Kết quả khảo sát Trường thu thập qua các năm về:

**Năm 2020-2021:**

1/ Đánh giá chuẩn đầu ra và CTĐT thông qua việc tuyển dụng nhân sự của đơn vị sử dụng lao động:

Các mức đánh giá: 1. Không hài lòng 2. Khá hài lòng 3. Hài lòng 4. Rất hài lòng

*Kiến thức*

Nội dung		Số doanh nghiệp có ý kiến				Mức đánh giá (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
1	Kiến thức chuyên ngành	0	0	14	1	0.0	0.0	93.3	6.7
2	Khả năng ứng dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn công việc	0	2	12	1	0.0	13.3	80.0	6.7

Về Mức độ đáp ứng Kiến thức: nhận thấy các tiêu chí về Mức độ đáp ứng Kiến thức được các doanh nghiệp đánh giá SVTN ngành CNKTCĐT đã và đang làm việc ở mức độ “Hài lòng” và “Rất hài lòng” đạt ở mức trên 86,0%.

*Kỹ năng nghề nghiệp & kỹ năng khác*

Nội dung		Số doanh nghiệp có ý kiến				Mức đánh giá (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
3	Kỹ năng thực hiện công việc được giao	0	1	13	1	0.0	6.7	86.7	6.7
4	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch	0	3	11	1	0.0	20.0	73.3	6.7
5	Kỹ năng giao tiếp và ứng xử	0	1	9	5	0.0	6.7	60.0	33.3
6	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin trong công việc	1	1	12	1	6.7	6.7	80.0	6.7

Về Mức độ đáp ứng Kỹ năng nghề nghiệp & kỹ năng khác: nhận thấy các tiêu chí về Mức độ đáp ứng Kỹ năng nghề nghiệp & kỹ năng khác được các doanh nghiệp đánh giá SVTN ngành CNKTCĐT đã và đang làm việc ở mức độ “Hài lòng” và “Rất hài lòng” đạt ở mức từ 80,0% trở lên.

*Thái độ*

Nội dung		Số doanh nghiệp có ý kiến				Mức đánh giá (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
7	Ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm	0	1	13	1	0.0	6.7	86.7	6.7
8	Ham học hỏi để nâng cao hiệu quả công việc	0	0	13	2	0.0	0.0	86.7	13.3
9	Lắng nghe, tiếp thu, khắc phục nhược điểm cá nhân	0	0	11	4	0.0	0.0	73.3	26.7

Về Thái độ: nhận thấy các tiêu chí về Thái độ được 100,0% doanh nghiệp đánh giá SVTN ngành CNKTCĐT đã và đang làm việc ở mức độ “Hài lòng” và “Rất hài lòng” đạt ở mức trên 93,0%.

2/ Nhận xét chung về CTĐT của nhà trường.

Các mức đánh giá: 1. Không đạt yêu cầu; 2. Tạm đạt yêu cầu; 3. Đạt yêu cầu; 4. Rất đạt yêu cầu

Nội dung		Số doanh nghiệp có ý kiến				Mức đánh giá (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
10	Chương trình, nội dung đào tạo được thiết kế so với yêu cầu công việc của đơn vị	0	0	15	0	0.0	0.0	100.0	0.0
11	Các kiến thức chuyên môn được đào tạo có hữu ích cho công việc của đơn vị	0	0	14	1	0.0	0.0	93.3	6.7
12	Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo	0	0	15	0	0.0	0.0	100.0	0.0

3/ Những kiến thức, kỹ năng cần bổ trợ để đáp ứng yêu cầu công việc tại Doanh nghiệp sau khi được tuyển dụng



Kiến thức, kỹ năng cần bổ trợ	Số DN có ý kiến	Tỷ lệ %	Kiến thức, kỹ năng cần bổ trợ	Số DN có ý kiến	Tỷ lệ %
Bổ trợ thêm kiến thức chuyên môn	12	80.0	Bồi dưỡng năng lực sử dụng Tiếng Anh	12	80.0
Bổ trợ thêm kỹ năng nghiệp vụ	14	93.3	Bổ trợ thêm các kỹ năng mềm	14	93.3
Bổ trợ thêm về công nghệ thông tin	12	80.0	Khác	12	0.0

Về Những kiến thức, kỹ năng cần bổ trợ thêm đối với SVTN để đáp ứng yêu cầu công việc tại Doanh nghiệp: nhận thấy những kiến thức, kỹ năng sau được từ 80,0% doanh nghiệp có ý kiến cần bổ trợ đối với SVTN ngành CNKTCĐT để đáp ứng yêu cầu công việc tại Doanh nghiệp.

**Năm 2021-2022:**

1/ Đánh giá chuẩn đầu ra và CTĐT thông qua việc tuyển dụng nhân sự của đơn vị sử dụng lao động:

Các mức đánh giá: 1. Không hài lòng 2. Khá hài lòng 3. Hài lòng 4. Rất hài lòng

*Kiến thức*

Nội dung		Số doanh nghiệp có ý kiến				Mức đánh giá (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
1	Kiến thức chuyên ngành	0	4	8	3	0.0	26.7	53.3	20.0
2	Khả năng ứng dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn công việc	0	1	11	3	0.0	6.7	73.3	20.0

Về Mức độ đáp ứng Kiến thức: nhận thấy các tiêu chí về Mức độ đáp ứng Kiến thức được các doanh nghiệp đánh giá SVTN ngành CNKTCĐT đã và đang làm việc ở mức độ “Hài lòng” và “Rất hài lòng” đạt ở mức trên 73,0%.

*Kỹ năng nghề nghiệp & kỹ năng khác*

Nội dung		Số doanh nghiệp có ý kiến				Mức đánh giá (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
3	Kỹ năng thực hiện công việc được	0	1	10	4	0.0	6.7	66.7	26.7

	giao								
4	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch	0	6	8	1	0.0	40.0	53.3	6.7
5	Kỹ năng giao tiếp và ứng xử	0	3	9	3	0.0	20.0	60.0	20.0
6	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin trong công việc	0	7	7	1	0.0	46.7	46.7	6.7

Về Mức độ đáp ứng Kỹ năng nghề nghiệp & kỹ năng khác: nhận thấy các tiêu chí về Mức độ đáp ứng Kỹ năng nghề nghiệp & kỹ năng khác được các doanh nghiệp đánh giá SVTN ngành CNKTCĐT đã và đang làm việc ở mức độ “Hài lòng” và “Rất hài lòng” đạt ở mức trên 53,0%.

#### Thái độ

Nội dung		Số doanh nghiệp có ý kiến				Mức đánh giá (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
7	Ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm	0	0	13	2	0.0	0.0	86.7	13.3
8	Ham học hỏi để nâng cao hiệu quả công việc	0	0	10	5	0.0	0.0	66.7	33.3
9	Lắng nghe, tiếp thu, khắc phục nhược điểm cá nhân	0	4	8	3	0.0	26.7	53.3	20.0

Về Thái độ: nhận thấy các tiêu chí về Thái độ được 100,0% doanh nghiệp đánh giá SVTN ngành CNKTCĐT đã và đang làm việc ở mức độ “Hài lòng” và “Rất hài lòng” đạt ở mức trên 73,0%.

#### 2/ Nhận xét chung về CTĐT của nhà trường.

Các mức đánh giá: 1. Không đạt yêu cầu; 2. Tạm đạt yêu cầu; 3. Đạt yêu cầu; 4. Rất đạt yêu cầu

Nội dung		Số doanh nghiệp có ý kiến				Mức đánh giá (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
10	Chương trình, nội dung đào tạo được	0	2	8	5	0.0	13.3	53.3	33.3

	thiết kế so với yêu cầu công việc của đơn vị								
11	Các kiến thức chuyên môn được đào tạo có hữu ích cho công việc của đơn vị	0	4	5	6	0.0	26.7	33.3	40.0
12	Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo	0	1	10	4	0.0	6.7	66.7	26.7

3/ Những kiến thức, kỹ năng cần bổ trợ để đáp ứng yêu cầu công việc tại Doanh nghiệp sau khi được tuyển dụng

Kiến thức, kỹ năng cần bổ trợ	Số DN có ý kiến	Tỷ lệ %	Kiến thức, kỹ năng cần bổ trợ	Số DN có ý kiến	Tỷ lệ %
Bổ trợ thêm kiến thức chuyên môn	00	0.0	Bồi dưỡng năng lực sử dụng Tiếng Anh	13	86.7
Bổ trợ thêm kỹ năng nghiệp vụ	07	46.7	Bổ trợ thêm các kỹ năng mềm	09	60.0
Bổ trợ thêm về công nghệ thông tin	06	40.0	Khác	05	33.3
Không phải bổ trợ thêm	04	26.7			

Về Những kiến thức, kỹ năng cần bổ trợ thêm đối với SVTN để đáp ứng yêu cầu công việc tại Doanh nghiệp: nhận thấy những kiến thức, kỹ năng sau được trên 60,0% doanh nghiệp có ý kiến cần bổ trợ đối với SVTN ngành CNKTCĐT để đáp ứng yêu cầu công việc tại Doanh nghiệp là “Bồi dưỡng năng lực sử dụng Tiếng Anh” và “Bổ trợ thêm các kỹ năng mềm”.

**Năm 2022-2023:**

1/ Đánh giá chuẩn đầu ra và CTĐT thông qua việc tuyển dụng nhân sự của đơn vị sử dụng lao động:

Các mức đánh giá: 1. Không hài lòng 2. Khá hài lòng 3. Hài lòng 4. Rất hài lòng

### Kiến thức

Nội dung		Số doanh nghiệp có ý kiến				Mức đánh giá (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
1	Kiến thức chuyên ngành	0	0	11	4	0.0	0.0	73.3	26.7
2	Khả năng ứng dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn công việc	0	4	8	3	0.0	26.7	53.3	20.0

Về Mức độ đáp ứng Kiến thức: nhận thấy các tiêu chí về Mức độ đáp ứng Kiến thức được các doanh nghiệp đánh giá SVTN ngành CNKTCĐT đã và đang làm việc ở mức độ “Hài lòng” và “Rất hài lòng” đạt ở mức trên 73,0%.

### Kỹ năng nghề nghiệp & kỹ năng khác

Nội dung		Số doanh nghiệp có ý kiến				Mức đánh giá (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
3	Kỹ năng thực hiện công việc được giao	0	2	9	4	0.0	13.3	60.0	26.7
4	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch	0	2	10	3	0.0	13.3	66.7	20.0
5	Kỹ năng giao tiếp	0	3	9	3	0.0	20.0	60.0	20.0
6	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin trong công việc	1	6	6	2	6.7	40.0	40.0	13.3

Về Mức độ đáp ứng Kỹ năng nghề nghiệp & kỹ năng khác: nhận thấy các tiêu chí về Mức độ đáp ứng Kỹ năng nghề nghiệp & kỹ năng khác được các doanh nghiệp đánh giá SVTN ngành CNKTCĐT đã và đang làm việc ở mức độ “Hài lòng” và “Rất hài lòng” đạt ở mức trên 53,0%.

### Thái độ

Nội dung		Số doanh nghiệp có ý kiến				Mức đánh giá (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
7	Ý thức tổ chức kỷ luật, tinh	0	1	9	5	0.0	6.7	60.0	33.3

	thần trách nhiệm								
8	Ham học hỏi để nâng cao hiệu quả công việc	0	2	7	6	0.0	13.3	46.7	40.0
9	Lắng nghe, tiếp thu, khắc phục nhược điểm cá nhân	0	3	8	4	0.0	20.0	53.3	26.7

Về Thái độ: nhận thấy các tiêu chí về Thái độ được 100,0% doanh nghiệp đánh giá SVTN ngành CNKTCĐT đã và đang làm việc ở mức độ “Hài lòng” và “Rất hài lòng” đạt ở mức trên 80,0%.

2/ Nhận xét chung về CTĐT của nhà trường.

Các mức đánh giá: 1. Không đạt yêu cầu; 2. Tạm đạt yêu cầu; 3. Đạt yêu cầu; 4. Rất đạt yêu cầu

Nội dung		Số doanh nghiệp có ý kiến				Mức đánh giá (%)			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
10	Chương trình, nội dung đào tạo được thiết kế so với yêu cầu công việc của đơn vị	0	1	8	6	0.0	6.7	53.3	40.0
11	Các kiến thức chuyên môn được đào tạo có hữu ích cho công việc của đơn vị	0	1	9	5	0.0	6.7	60.0	33.3
12	Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo	0	1	8	6	0.0	6.7	53.3	40.0

3/ Những kiến thức, kỹ năng cần bổ trợ để đáp ứng yêu cầu công việc tại Doanh nghiệp sau khi được tuyển dụng

Kiến thức, kỹ năng cần bổ trợ	Số DN có ý kiến	Tỷ lệ %	Kiến thức, kỹ năng cần bổ trợ	Số DN có ý kiến	Tỷ lệ %
Bổ trợ thêm kiến thức chuyên môn	06	40.0	Bồi dưỡng năng lực sử dụng Tiếng Anh	10	66.7
Bổ trợ thêm kỹ năng nghiệp	09	60.0	Bổ trợ thêm các kỹ năng	08	53.3

vụ			mềm		
Bổ trợ thêm về công nghệ thông tin	05	33.3	Khác	06	40.0

Về Những kiến thức, kỹ năng cần bổ trợ thêm đối với SVTN để đáp ứng yêu cầu công việc tại Doanh nghiệp: nhận thấy những kiến thức, kỹ năng sau được trên 60,0% doanh nghiệp có ý kiến cần bổ trợ đối với SVTN ngành CNKTCĐT để đáp ứng yêu cầu công việc tại Doanh nghiệp là “Bồi dưỡng năng lực sử dụng Tiếng Anh” và “Bổ trợ thêm kỹ năng nghiệp vụ”.

*(4.3.03 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp về sinh viên tốt nghiệp ngành CNKTCĐT năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của người tốt nghiệp**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, Nhà trường thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp theo kế hoạch *(3.5.02 - Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 7.2.01- Ảnh chụp Phiếu khảo sát Sinh viên tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của Sinh viên TN năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 7.2.02 – Phiếu khảo sát Sinh viên tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của Sinh viên TN năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 (bảng in giấy).*

Nội dung:

- 1- Thời gian tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp
- 2- Các kênh thông tin tìm việc làm;
- 3- Sự phù hợp, mức độ đáp ứng kiến thức lý thuyết đã được đào tạo so với công việc hiện tại của SVTN;
- 4- Sự phù hợp, mức độ đáp ứng kỹ năng thực hành đã được đào tạo so với công việc hiện tại của SVTN;
- 5- Mối liên quan giữa công việc và ngành học;
- 6- Thu nhập hàng tháng của SVTN;
- 7- Các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, hội chợ việc làm, định hướng việc làm;
- 8- Các biện pháp để đảm bảo chế độ chính sách xã hội cho sinh viên;
- 9- Mức độ đáp ứng được yêu cầu đào tạo của giảng viên tại Nhà trường;

- 10- Giáo trình và nội dung giảng dạy được cập nhật phù hợp với thực tiễn;  
 11- Khóa đào tạo đã trang bị các kiến thức và kỹ năng nghề phù hợp cho cuộc sống nghề nghiệp;  
 12- Mức độ hài lòng với chất lượng đào tạo đã được lĩnh hội.

Các mức đánh giá: 1 Không đồng ý; 2 Tạm đồng ý; 3 Đồng ý; 4 Hoàn toàn đồng ý.

Năm 2019 - 2020 sinh viên nghề Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử trình độ Cao đẳng tốt nghiệp 18 SV.

Đường link khảo sát: <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-co-ban-voi-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-sau-khi-tot-nghiep-nam-hoc-2019-2020/>

Năm 2020 - 2021 sinh viên nghề Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử trình độ Cao đẳng tốt nghiệp 26 SV.

Đường link khảo sát: <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-co-ban-voi-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-sau-khi-tot-nghiep-nam-hoc-2020-2021/>

Năm 2021- 2022 sinh viên nghề Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử trình độ Cao đẳng tốt nghiệp 32 SV.

Đường link khảo sát: <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-co-ban-voi-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-sau-khi-tot-nghiep-nam-hoc-2021-2022-8/>

*(2.4.08 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên TN năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).*

Trường đã thực hiện điều tra lần vết:

TT	Nội dung khảo sát	Năm khảo sát		
		2019 - 2020	2020 -2021	2021 - 2022
1	Số SV tốt nghiệp	18	26	32
2	Số SV tốt nghiệp được khảo sát	18	26	32
3	Tỷ lệ số SV tốt nghiệp được khảo sát /số SV tốt nghiệp (%)	100	100	100

Kết quả khảo sát:

Kết quả đánh giá ở mức 3 Đồng ý; mức 4 Hoàn toàn đồng ý từ 83% trở lên, cụ thể:

1. Thời gian tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp

TT	Nội dung khảo sát	Năm 2019-2020		Năm 2020-2021		Năm 2021-2022	
		Số ý kiến	Tỷ lệ %	Số ý kiến	Tỷ lệ %	Số ý kiến	Tỷ lệ %
1	Có việc làm	04	22.2%	05	19.2%	11	34.4%



	trước khi TN						
2	Dưới 1 tháng	04	22.2%	06	23.1%	04	12.5%
3	1-3 tháng	06	33.3%	07	26.9%	05	15.6%
4	Trên 3 tháng	04	22.2%	08	30.8%	12	37.5%

## 2. Các kênh thông tin tìm việc làm

TT	Nội dung khảo sát	Năm 2019-2020		Năm 2020-2021		Năm 2021-2022	
		Số ý kiến	Tỷ lệ %	Số ý kiến	Tỷ lệ %	Số ý kiến	Tỷ lệ %
1	Do trường giới thiệu	10	55.6%	06	23.1%	04	12.5%
2	Quan hệ cá nhân (gia đình, bạn bè)	03	16.7%	08	30.8%	05	15.6%
3	Do cơ quan dịch vụ việc làm	00	0.0%	01	3.8%	02	6.3%
4	Thông qua quảng cáo trên mạng xã hội	03	16.7%	06	23.1%	10	31.3%
5	Hội chợ việc làm	01	5.6%	00	0.0%	01	3.1%
6	Khác	01	5.6%	05	19.2%	10	31.3%

## 3. Sự phù hợp, mức độ đáp ứng kiến thức lý thuyết đã được đào tạo so với công việc hiện tại của SVTN

TT	Mức độ	Năm 2019-2020		Năm 2020-2021		Năm 2021-2022	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Yếu	00	0.0%	03	11.5%	01	3.1%
2	Trung bình	02	11.1%	04	15.4%	08	25.0%
3	Tốt	10	55.6%	10	38.5%	19	59.4%
4	Rất tốt	06	33.3%	09	34.6%	04	12.5%

## 4. Sự phù hợp, mức độ đáp ứng kỹ năng thực hành đã được đào tạo so với công việc hiện tại của SVTN

TT	Mức độ	Năm 2019-2020	Năm 2020-2021	Năm 2021-2022
----	--------	---------------	---------------	---------------

		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Yếu	00	0.0%	01	3.8%	00	0.0%
2	Trung bình	02	11.1%	04	15.4%	12	37.5%
3	Tốt	10	55.6%	15	57.7%	16	50.0%
4	Rất tốt	06	33.3%	06	23.1%	04	12.5%

#### 5. Mối liên quan giữa công việc và ngành học

TT	Nội dung	Năm 2019-2020		Năm 2020-2021		Năm 2021-2022	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Công việc không liên quan đến ngành nghề được đào tạo	06	33.3%	07	26.9%	06	18.8%
2	Công việc có liên quan một phần đến ngành nghề đào tạo	01	5.6%	09	34.6%	16	50.0%
3	Công việc phù hợp với ngành nghề được đào tạo	11	61.1%	10	38.5%	10	31.3%

#### 6. Thu nhập hàng tháng của SVTN

TT	Thu nhập	Năm 2019-2020		Năm 2020-2021		Năm 2021-2022	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Dưới 5 triệu	00	0.0%	00	0.0%	01	3.1%
2	5 – 7 triệu	02	11.1%	01	3.8%	05	15.6%
3	7 – 8 triệu	03	16.7%	12	46.2%	05	15.6%
4	8 – 10 triệu	07	38.9%	06	23.1%	15	46.9%
5	Trên 10 triệu	06	33.3%	07	26.9%	06	18.8%

#### 7. Các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, hội chợ việc làm, định hướng việc làm

TT	Mức độ	Năm 2019-2020	Năm 2020-2021	Năm 2021-2022
----	--------	---------------	---------------	---------------

		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Không đồng ý	00	0.0%	00	0.0%	01	3.1%
2	Tạm đồng ý	02	11.1%	04	15.4%	04	12.5%
3	Đồng ý	07	38.9%	13	50.0%	20	62.5%
4	Hoàn toàn đồng ý	09	50.0%	09	34.6%	07	21.9%

8. Các biện pháp để đảm bảo chế độ chính sách xã hội cho sinh viên (tìm nguồn học bổng, khen thưởng, tìm kiếm việc làm, miễn giảm học phí, hỗ trợ nơi ở,...)

TT	Mức độ	Năm 2019-2020		Năm 2020-2021		Năm 2021-2022	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Không đồng ý	00	0.0%	01	3.8%	00	0.0%
2	Tạm đồng ý	02	11.1%	01	3.8%	04	12.5%
3	Đồng ý	07	38.9%	15	57.7%	18	56.3%
4	Hoàn toàn đồng ý	09	50.0%	09	34.6%	10	31.3%

9. Mức độ đáp ứng được yêu cầu đào tạo của giảng viên tại nhà trường

TT	Mức độ	Năm 2019-2020		Năm 2020-2021		Năm 2021-2022	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Không đồng ý	00	0.0%	00	0.0%	00	0.0%
2	Tạm đồng ý	01	5.6%	02	7.7%	04	12.5%
3	Đồng ý	06	33.3%	11	42.3%	17	53.1%
4	Hoàn toàn đồng ý	11	61.1%	13	50.0%	11	34.4%

10. Giáo trình và nội dung giảng dạy được cập nhật phù hợp với thực tiễn

TT	Mức độ	Năm 2019-2020		Năm 2020-2021		Năm 2021-2022	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Không đồng ý	00	0.0%	01	3.8%	00	0.0%
2	Tạm đồng ý	02	11.1%	04	15.4%	06	18.8%
3	Đồng ý	06	33.3%	11	42.3%	21	65.6%

4	Hoàn toàn đồng ý	10	55.6%	10	38.5%	05	15.6%
---	------------------	----	-------	----	-------	----	-------

11. Khóa đào tạo đã trang bị các kiến thức và kỹ năng nghề phù hợp cho cuộc sống nghề nghiệp

TT	Mức độ	Năm 2019-2020		Năm 2020-2021		Năm 2021-2022	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Không đồng ý	00	0.0%	01	3.8%	00	0.0%
2	Tạm đồng ý	03	16.7%	02	7.7%	04	12.5%
3	Đồng ý	06	33.3%	13	50.0%	20	62.5%
4	Hoàn toàn đồng ý	09	50.0%	10	38.5%	08	25.0%

12. Đánh giá chung: Mức hài lòng với chất lượng đào tạo đã được lĩnh hội tại trường

TT	Mức độ	Năm 2019-2020		Năm 2020-2021		Năm 2021-2022	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Không đồng ý	00	0.0%	02	7.7%	00	0.0%
2	Tạm đồng ý	01	5.6%	02	7.7%	04	12.5%
3	Đồng ý	06	33.3%	10	38.5%	20	62.5%
4	Hoàn toàn đồng ý	11	61.1%	12	46.2%	08	25.0%

*(4.3.02 - Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên Khoa Cơ khí sau tốt nghiệp năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, Trung tâm KT&ĐBCL có thực hiện khảo sát thu thập ý kiến NG, CBQL Khoa Cơ khí về công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý; bằng phương pháp sử dụng google drive khảo sát trực tuyến NG, CBQL; công cụ khảo sát là bảng hỏi được thiết lập đúng mục

tiêu đợt khảo sát; đường link bảng hỏi được gửi đến từng nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức.

- Nhà trường đã quan tâm đến nâng cao chất lượng hoạt động của trường thông qua việc thu thập ý kiến đánh giá CBQL, nhà giáo về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm CBQL, NG, VC và NLD.

- Nhà trường tổ chức thực hiện tốt, nghiêm túc việc thu thập ý kiến đánh giá CBQL, nhà giáo về mức độ đồng ý trên lĩnh vực hoạt động trong trường, trong đó có ý kiến phản hồi về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm CBQL, nhà giáo, viên chức và NLD (**3.5.02 - Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**).

Phương pháp thu thập ý kiến bằng mẫu phiếu hỏi (**7.3.01 - Đường link khảo sát về công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2019-20: “<https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-cbql-ve-cong-tac-bao-dam-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>”; NH 2020-21: “<https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-cbql-ve-cong-tac-bao-dam-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2020-2021-4/>”; NH 2020-21: “<https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-cbql-ve-cong-tac-bao-dam-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2021-2022-2/>”). Phiếu khảo sát có các nội dung về:**

Nội dung công tác dạy và học;

Nội dung tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý: có các câu hỏi về chính sách phúc lợi của nhà trường, chính sách tuyển dụng; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ; công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, về công tác đánh giá, phân loại viên chức, người lao động;

Khảo sát có các mức đánh giá: 1 Không đồng ý; 2 Phân vân; 3 Đồng ý; 4 Hoàn toàn đồng ý.

(**7.3.02 - Bản chụp Phiếu khảo sát Giảng viên, CBQL để thu thập thông tin về dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2020-21, 2021-22, 2022-23**).

Hàng năm Trường khảo sát ý kiến của cán bộ quản lý và giảng viên toàn trường. Thống kê số lượng tham gia khảo sát của cán bộ quản lý và giảng viên khoa Cơ khí:

TT	Nội dung	Năm 2020 - 2021	Năm 2021 - 2022	Năm 2022 - 2023
1	Giảng viên khoa Cơ khí	22	22	22
2	Giảng viên khoa Cơ khí được khảo sát và phản hồi	22	22	22
3	Tỷ lệ phản hồi/số giảng viên khoa	100%	100%	100%

TT	Nội dung	Năm 2020 - 2021	Năm 2021 - 2022	Năm 2022 - 2023
	Cơ khí			

(7.3.03 - Danh sách cán bộ, giảng viên, nhân viên thuộc Khoa Cơ khí: 7.3.04 - Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức thuộc Khoa Cơ khí được thu thập ý kiến hàng năm).

Kết quả khảo sát Thầy/Cô Khoa Cơ khí đánh giá các nội dung khảo sát ở mức (3) Đồng ý và mức (4) Hoàn toàn đồng ý như sau:

TT	Nội dung ý kiến tham khảo	Năm 2020 – 2021 (22 phiếu phản hồi)		Năm 2021 – 2022 (22 phiếu phản hồi)		Năm 2022 – 2023 (22 phiếu phản hồi)	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
<b>1</b>	<b>VỀ CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI CỦA NHÀ TRƯỜNG</b>						
<b>1</b>	Các chính sách, quy định về tổ chức và quản lý, nghiên cứu khoa học và hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đều được nhà trường công khai	21	95.5%	22	100%	22	100%
<b>2</b>	Thầy cô hài lòng về các chính sách, chế độ viên chức, người lao động.	22	100%	22	100%	21	100%
<b>3</b>	Chính sách phúc lợi của Nhà trường rõ ràng. Việc hiếu hi, thăm hỏi, chúc mừng đầy đủ, kịp thời	22	100%	22	100%	23	100%
<b>II</b>	<b>VỀ CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG CỦA NHÀ TRƯỜNG</b>						
<b>4</b>	Nhà trường công khai kế hoạch tuyển dụng	22	100%	22	100%	21	95.5%
<b>5</b>	Hoạt động tuyển dụng của nhà trường đáp ứng nhu cầu nhân	22	100%	21	95.5%	22	100%

TT	Nội dung ý kiến tham khảo	Năm 2020 – 2021 (22 phiếu phản hồi)		Năm 2021 – 2022 (22 phiếu phản hồi)		Năm 2022 – 2023 (22 phiếu phản hồi)	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
	lực thực tế của đơn vị						
<b>6</b>	Chính sách tuyển dụng của Nhà trường góp phần làm tăng chất lượng giáo dục của Nhà trường.	22	100%	22	100%	21	95.5%
<b>III</b>	<b>VỀ CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CỦA NHÀ TRƯỜNG</b>						
<b>7</b>	Nhà trường chú trọng đến chính sách công tác đào tạo, bồi dưỡng	22	100%	21	95.5%	22	100%
<b>8</b>	Thầy cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)	22	100%	22	100%	22	100%
<b>9</b>	Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị.	22	100%	21	95.5%	22	100%
<b>IV</b>	<b>VỀ CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG</b>						
<b>10</b>	Nhà trường công khai quy trình, tiêu chí đánh giá, phân loại viên chức, người lao động	22	100%	22	100%	22	100%
<b>11</b>	Viên chức, người lao động được đánh giá, phân loại công bằng, đúng qui định	22	100%	22	100%	22	100%
<b>12</b>	Công tác đánh giá,	22	100%	22	100%	22	100%

TT	Nội dung ý kiến tham khảo	Năm 2020 – 2021 (22 phiếu phản hồi)		Năm 2021 – 2022 (22 phiếu phản hồi)		Năm 2022 – 2023 (22 phiếu phản hồi)	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
	phân loại viên chức, người lao động góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường						
<b>V</b>	<b>VỀ CÔNG TÁC BỔ NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÀ GIÁO, NHÂN VIÊN</b>						
13	Quy trình bổ nhiệm cán bộ của Nhà trường được công khai	22	100%	22	100%	21	95.5%
14	Công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên được thực hiện công khai, minh bạch	22	100%	20	90.9%	21	95.5%
15	Công tác bổ nhiệm trong thời gian gần đây của Nhà trường phù hợp với chiến lược phát triển sắp tới	22	100%	22	100%	21	95.5%
<b>VI</b>	<b>VỀ CÔNG TÁC DẠY VÀ HỌC</b>						
16	Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng đào tạo trình độ Cao đẳng	21	95.5%	22	100%	22	100%
17	Thời gian phân bổ cho toàn khoá học là hợp lý	22	100%	22	100%	22	100%
18	Số lượng các môn học được phân bổ	21	95.5%	21	95.5%	21	95.5%



TT	Nội dung ý kiến tham khảo	Năm 2020 – 2021 (22 phiếu phản hồi)		Năm 2021 – 2022 (22 phiếu phản hồi)		Năm 2022 – 2023 (22 phiếu phản hồi)	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
	trong học kỳ, năm học là hợp lý						
19	Sinh viên được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ LĐTĐBXH	20	90.9%	21	95.5%	21	95.5%
20	Sinh viên được tạo điều kiện để tu dưỡng và rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, tinh thần trách nhiệm và thái độ hợp tác	21	95.5%	22	100%	21	95.5%

*(3.5.03 - Tổng hợp kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, Trung tâm KT&BĐCL xây dựng kế hoạch tổ chức thu thập ý kiến các đối tượng liên quan về các hoạt động bảo đảm chất lượng đào tạo, trong đó có đối tượng Sinh viên ngành CNKTCĐT đang học các năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023. Trung tâm KT& BĐCL sử dụng phương pháp thu thập ý kiến trực tuyến; công cụ thu thập ý kiến là bảng hỏi được thiết lập đúng mục tiêu đợt khảo sát; đường link bảng hỏi được gửi đến từng sinh viên; nội dung bảng hỏi gồm: câu hỏi định lượng và câu hỏi mở; có tiêu chí cụ thể từng nội dung để khảo sát **(3.5.02 – Kế hoạch tổ chức**

*lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 3.3.05 - Danh sách Sinh viên các lớp ngành CNKTCĐT năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 7.4.01 - Ảnh chụp Phiếu khảo sát Sinh viên để thu thập ý kiến về về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).* Hằng năm, Nhà trường thực hiện thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học:

TT	Nội dung	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
1	Số người học có mặt trong năm	147	142	136
2	Số người học được thu thập ý kiến và phản hồi	107	81	91
3	Tỷ lệ % Số người học được thu thập ý kiến phản hồi/ Số người học có mặt trong năm	72,79%	57,04%	66,91%

*(7.4.02 - Danh sách Sinh viên được khảo sát ý kiến về tuyển sinh, về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).*

Kết quả khảo sát SV nghề CNKTCĐT đánh giá các nội dung khảo sát ở mức (3) Đồng ý và mức (4) Hoàn toàn đồng ý như sau:

TT	Tiêu chí	2020-2021 (107 phiếu phản hồi)		2021-2022 (81 phiếu phản hồi)		2022-2023 (91 phiếu phản hồi)	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Mục tiêu của chương trình đào tạo rõ ràng, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng đào tạo trình độ Cao đẳng	95	88.8%	75	92.6%	73	80.2%
2	Nội dung chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo và thường xuyên được cập nhật	96	89.7%	75	92.6%	80	87.9%
3	Phòng thực hành/thực tập cho các môn học, mô đun được nhà	97	90.7%	75	92.6%	77	84.6%

TT	Tiêu chí	2020-2021 (107 phiếu phản hồi)		2021-2022 (81 phiếu phản hồi)		2022-2023 (91 phiếu phản hồi)	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
	trường bố trí đầy đủ, thoáng mát, đảm bảo đủ ánh sáng và thông gió						
4	Diện tích các phòng/xưởng thực hành đủ rộng, đảm bảo cho hoạt động học tập, rèn luyện.	98	91.6%	75	92.6%	77	84.6%
5	Các khiếu nại (nếu có) của sinh viên luôn được giải quyết nhanh chóng và thỏa đáng	94	87.9%	72	88.8%	67	73.6%
6	Hoạt động tư vấn học tập đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu	95	88.8%	76	93.8%	75	82.4%
7	Các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, định hướng việc làm đáp ứng được nhu cầu việc làm	101	94.3%	74	91.4%	76	83.5%
8	Hình thức, chỉ tiêu tuyển sinh được công khai trên website nhà trường, trên các phương tiện thông tin truyền thông	98	91.6%	77	95.1%	79	86.8%
9	Các chính sách, chế độ đều được Nhà trường áp dụng công khai, thể hiện sự tôn trọng và đối xử bình đẳng	98	91.5%	77	95.1%	76	83.5%
10	Sách, tài liệu tham khảo, phòng đọc, tổ chức phục vụ ở Thư viện đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu	99	92.5%	75	92.6%	76	93.9%
11	Căn tin đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, sạch sẽ, rộng rãi, thuận tiện	95	88.7%	74	91.4%	71	87.7%
12	Thiết bị thể dục thể thao và sân vận động của Trường đáp ứng nhu cầu học tập và giải trí	97	90.6%	74	91.4%	69	85.2%

TT	Tiêu chí	2020-2021 (107 phiếu phản hồi)		2021-2022 (81 phiếu phản hồi)		2022-2023 (91 phiếu phản hồi)	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
13	Dịch vụ y tế đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe	96	89.7%	76	93.8%	70	77%
14	Nhà trường có biện pháp để đảm bảo chế độ chính sách xã hội cho sinh viên (tìm nguồn học bổng, tìm kiếm việc làm, miễn giảm học phí, hỗ trợ nơi ở, hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn ...).	98	91.6%	74	91.3%	75	82.4%
15	Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong trường đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí và rèn luyện sức khỏe	96	89.7%	78	96.3%	74	81.3%
16	Ký túc xá Nhà trường đảm bảo an toàn, vệ sinh, thoáng mát, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của Sinh viên	98	91.9%	76	93.9%	74	81.3%
17	Kiến thức chuyên môn của giảng viên đáp ứng nhu cầu hiểu biết của sinh viên	101	94.4%	77	95%	73	80.2%
18	Giảng viên áp dụng hiệu quả về ứng dụng công nghệ thông tin, các phương pháp dạy học hiện đại	100	93.5%	78	96.2%	74	81.3%
19	Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên là khách quan, khoa học	97	90.6	73	90.1%	78	85.8%
20	Giảng viên chú trọng tính hướng nghiệp cho SV	95	88.8%	77	95,1%	79	86.8%
21	Mục tiêu của giáo trình phù hợp với mục tiêu của chương trình đào tạo	104	97.2%	79	97.6%	81	89.1%
22	Các kiến thức, kỹ năng trong giáo	104	97.2%	79	97.6%	78	85.8%

TT	Tiêu chí	2020-2021 (107 phiếu phản hồi)		2021-2022 (81 phiếu phản hồi)		2022-2023 (91 phiếu phản hồi)	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
	trình trình bày phù hợp với trình độ đào tạo nghề.						
23	Giáo trình được viết dễ hiểu, rõ ràng, ngắn gọn và chính xác.	99	92.5%	76	93.9%	72	79.2%
24	Giáo trình kích thích được khả năng tự học, độc lập tư duy, tự nghiên cứu của người học.	96	89.8%	77	95.1%	71	78.1%
25	Nội dung giáo trình có liên hệ chặt chẽ với thực tế ngành nghề	102	95.3%	76	93.8%	77	84.7%
26	Hệ thống bài tập phù hợp nội dung giảng dạy, phát huy được tính tích cực của người học.	99	92.6%	77	95.1%	79	86.9%
27	Giáo trình có nêu đầy đủ các tài liệu tham khảo.	98	91.6%	77	93.8%	81	89.1%

*(7.4.03 - Báo cáo kết quả khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học (trong đó có tuyển sinh) năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường có những ngành được chọn là ngành trọng điểm quốc gia thì ngành CNKTCĐT cũng là một ngành trọng tâm của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM.

Để nâng cao chất lượng đào tạo ngành CNKTCĐT, khẳng định chất lượng đào tạo, hàng năm Trường có tiến hành tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT năm 2020, 2021, 2022 theo đúng nội dung quy định Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 8/6/2017 quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Thứ trưởng Bộ LĐTBXH; Thông tư số 28/2017/TT-

BLĐTBXH ngày 15/12/2017 quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Thứ trưởng Bộ LĐTBXH, công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Trường; Khoa Cơ khí thực hiện báo cáo Tự đánh giá theo kế hoạch (**7.5.01 - Kế hoạch số 341a/KH-CDCT, ngày 18/05/2020 về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng - Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công thương TPHCM; 7.5.03 - Kế hoạch số 101/KH-CDCT, ngày 20/05/2021 về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng- Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công thương TPHCM; Kế hoạch số 93/KH-CDCT ngày 25/4/2022 về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng năm 2022 của Chủ tịch Hội đồng- Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM**); thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban soạn thảo báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo (**7.5.02 - Quyết định số 310/QĐ-CDCT, ngày 20/05/2021 về việc Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban soạn thảo báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 293/QĐ-CDCT, ngày 25/4/2022 về việc Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công thương TPHCM**). Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá chất lượng đảm bảo đúng quy định: gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch, Thư ký và các thành viên khác là đại diện lãnh đạo các đơn vị, cán bộ, nhà giáo có uy tín, đại diện tổ chức đoàn thể đại diện doanh nghiệp.

Từ năm 2020 đến nay Trường đã thực hiện Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT – Trình độ Cao đẳng, kết quả cụ thể như sau:

Năm	Điểm tự đánh giá	Tiêu chuẩn không đạt
2021	98 điểm	Tiêu chuẩn 2.7
2022	96 điểm	Tiêu chuẩn 2.7; 3.4
2023	94 điểm	Tiêu chuẩn 2.7; 3.4; 7.7

(**7.5.04 - Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng năm 2020, 2021, 2022**).

Sau khi thực hiện tự đánh giá theo kế hoạch nhà trường đã tổ chức họp Hội đồng thông qua báo cáo kết quả, thông báo công khai trong toàn trường, gửi về Sở Lao động Thương binh và Xã hội TP.HCM, Tổng cục GDNN và lưu trữ đầy đủ các báo cáo tự đánh giá hàng năm theo quy định. Báo cáo tự đánh giá CTĐT hàng năm được nhà trường công khai cho toàn bộ CBGV và HSSV nhà trường biết và được đăng tải lên website của Trường tại địa chỉ: <https://hitu.edu.vn/> (**1.1.11 – Địa chỉ website của Trường: [www.hitu.edu.vn](http://www.hitu.edu.vn); 7.5.05 – Đường link báo cáo tự đánh giá chất lượng**

*CTĐT ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng năm 2020, 2021, 2022; Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng năm 2020, 2021, 2022).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng, CTĐT trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường căn cứ những điểm tồn tại trong báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT của Trường năm 2020, 2021; Trung tâm KT&ĐBCL và Khoa đã xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT năm 2022 (***2.5.15 - Báo cáo tổng kết hàng năm Khoa Cơ khí NH 2020-21, 2021-22, 2022-23; 7.5.04 - Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng năm 2020, 2021, 2022***), qua đó nhà trường đã:

- Xác định được những điểm mạnh, nhận ra những hạn chế trên tất cả các lĩnh vực công tác, từ đó xây dựng hệ thống các giải pháp để tiếp tục phát triển các điểm mạnh và từng bước khắc phục các hạn chế trong việc triển khai chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT.

- Tạo cơ sở để ngành CNKTCĐT đăng ký đánh giá ngoài chính thức, đồng thời thể hiện đúng cam kết của Ngành với xã hội và người học về chất lượng đào tạo phù hợp với Sứ mệnh, Tầm nhìn và Giá trị cốt lõi mà Trường đã công bố.

***(7.6.01 - Kế hoạch nâng cao chất lượng chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT năm 2020, 2021, 2022).***

Trong kế hoạch đã đặt ra các nội dung cần thực hiện, tiến độ thời gian cụ thể, kết quả thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, Trung tâm KT&ĐBCL đã báo cáo, trình duyệt Ban giám hiệu: Cử nhà giáo tham gia học tập bồi dưỡng Chứng chỉ sư phạm dạy ngành, Tiếng Anh, Tin học, có kế hoạch xin bộ chủ quản tuyển dụng giáo viên để đảm bảo quy định về tỷ lệ HSSV quy đổi/nhà giáo quy đổi; đầu tư mua sắm mới hệ thống máy chiếu, màn hình chiếu, hệ thống âm thanh, cải tiến phòng thí nghiệm nhằm hỗ trợ nghiên cứu khoa học cho cán bộ, giảng viên và sinh viên; Trường đầu tư tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận thiết bị hiện đại đúng ngành; năm 2020, 2021, khi tình hình Covid diễn biến phức tạp, Nhà trường đã chủ trương đưa chương trình “Ngày hội việc làm” về cho các Khoa tổ chức và thực hiện với nhiều hình thức linh động trực tuyến ... (***2.5.15 - Báo cáo tổng kết hàng năm Khoa Cơ khí NH 2020-21, 2021-22, 2022-23; 7.6.02 - Báo cáo kết quả thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2021***).

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Khoa Cơ khí đã phối hợp cùng Trung tâm KT&ĐBCL tiến hành điều tra lần vết 100% người học đã tốt nghiệp bằng cách sử dụng google drive khảo sát trực tuyến các Sinh viên đã tốt nghiệp ngành CNKTCĐT, trình độ cao đẳng để thu thập thông tin về việc làm, trên cơ sở đó đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp (3.5.02 - Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 7.2.01- Ảnh chụp Phiếu khảo sát Sinh viên tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của Sinh viên TN năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 7.2.02 – Phiếu khảo sát Sinh viên tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của Sinh viên TN năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 (bảng in giấy)).

Tại tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7, qua phân tích đánh giá Trường đạt: Khảo sát 100% sinh viên tốt nghiệp các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 (2.4.08 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên TN năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).

Kết quả điều tra lần vết:

Về thời gian tìm được việc làm khi tốt nghiệp của sinh viên tốt nghiệp ngành CNKTCĐT

TT	Nội dung	Năm 2019-2020		Năm 2020-2021		Năm 2021-2022	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Có việc làm trước khi tốt nghiệp	04	22.2%	05	19.2%	11	34.4%
2	Dưới 1 tháng	04	22.2%	06	23.1%	04	12.5%
3	1 – 3 tháng	06	33.3%	07	26.9%	05	15.6%
4	3 - 6 tháng	04	22.2%	08	30.8%	12	37.5%

Về việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo

Nội dung	Kết quả khảo sát năm 2019–2020	Kết quả khảo sát năm 2020-2021	Kết quả khảo sát năm 2021 - 2022
Tổng số sinh viên tốt nghiệp	18	26	32



Tổng số phiếu khảo sát phát ra	18	26	32
Tỷ lệ khảo sát/ số sinh viên tốt nghiệp	100%	100%	100%
Tổng số phiếu phản hồi khảo sát	18	26	32
Tỷ lệ phản hồi khảo sát/ phiếu phát ra	100%	100%	100%
Số sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo	11	10	10
Tỷ lệ người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo/số người học phản hồi khảo sát	61.1%	38.5%	31.3%

*(4.3.02 - Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên sau tốt nghiệp năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 7: 0 điểm**

**Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Tiêu chuẩn 1 - Tiêu chí 7 Trường đạt.

Trung tâm KT&BDCL đã phối hợp cùng Khoa Cơ khí tiến hành khảo sát doanh nghiệp bằng phương pháp sử dụng google drive khảo sát trực tuyến các doanh nghiệp đã và đang tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp (Sinh viênTN) ngành CNKTCĐT đang làm việc; thông tin, số liệu cần thu thập được gửi đường link đến từng doanh nghiệp (*7.1.03 - Đường link “<https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-Sinh-viēntn-chuan-dau-ra-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>” khảo sát doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của Sinh viên TN, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm học 2019-2020; <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-Sinh-viēntn-chuan-dau-ra-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2020-2021-3/>” năm học 2020-2021; ” <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-Sinh-viēntn-chuan-dau-ra-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2021-2022-2/>” năm học 2021-2022).*

Số DN khảo sát/ số DN đã phản hồi ý kiến khảo sát:

Năm học 2020-2021:

Số DN trường khảo sát ý kiến: 15 doanh nghiệp, công ty.

Số DN phản hồi ý kiến khảo sát: 15 doanh nghiệp, công ty.

Năm học 2021-2022:

Số DN trường khảo sát ý kiến: 15 doanh nghiệp, công ty.

Số DN phản hồi ý kiến khảo sát: 15 doanh nghiệp, công ty.

Năm học 2022-2023:

Số DN trường khảo sát ý kiến: 15 doanh nghiệp, công ty.

Số DN phản hồi ý kiến khảo sát: 15 doanh nghiệp, công ty.

Nội dung về hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Các ý kiến đánh giá ở các mức: 1 Không hài lòng; 2 Khá hài lòng; 3 Hài lòng; 4 Rất hài lòng

Kết quả khảo sát doanh nghiệp các năm đã đánh giá ở mức Hài lòng, Rất hài lòng:

TT	Tiêu chí	2020-2021 (15 phiếu phản hồi)		2021-2022 (15 phiếu phản hồi)		2022-2023 (15 phiếu phản hồi)	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Kiến thức chuyên ngành	15	100%	11	73.3%	15	100%
2	Khả năng ứng dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn công việc	13	86.7%	14	93.3%	11	73.3%
3	Kỹ năng thực hiện công việc được giao	14	93.3%	14	93.3%	13	86.7%
4	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch	12	80%	09	60%	13	86.7%
5	Kỹ năng giao tiếp	14	93.3%	12	80%	12	80%
6	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin trong công việc	13	86.7%	08	53.3%	08	53.3%
7	Ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm	14	93.3%	15	100%	14	93.3%
8	Ham học hỏi để nâng cao hiệu quả công việc	15	100%	15	100%	13	86.7%
9	Lắng nghe, tiếp thu, khắc	15	100%	11	73.3%	12	80%

TT	Tiêu chí	2020-2021 (15 phiếu phản hồi)		2021-2022 (15 phiếu phản hồi)		2022-2023 (15 phiếu phản hồi)	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
	phục nhược điểm cá nhân						

*(4.3.03 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của doanh nghiệp về Sinh viên tốt nghiệp ngành CNKTCĐT năm 2021-2022).*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 7: 2 điểm**

### PHẦN III

## TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CTĐT

Qua hoạt động tự đánh giá lần này, Khoa Cơ khí cũng đã thấy rõ những điểm mạnh, nhận ra những hạn chế trên tất cả các lĩnh vực công tác, từ đó xây dựng hệ thống các giải pháp để tiếp tục phát triển các điểm mạnh và từng bước khắc phục các hạn chế. Kết quả này phản ánh trung thực và khách quan những nỗ lực của tập thể CB, Giảng viên, NV của Khoa trong 03 năm qua, trong bối cảnh ĐBCL và KĐCL vẫn đang còn là một lĩnh vực khá mới mẻ. Kết quả tự đánh giá lần này còn là cơ sở để ngành CNKTCĐT đăng ký đánh giá ngoài chính thức, đồng thời thể hiện đúng cam kết của Ngành với xã hội và người học về chất lượng đào tạo phù hợp với Sứ mệnh, Tâm nhìn và Giá trị cốt lõi mà Trường đã công bố, và trong các năm học tới ngành CNKTCĐT tiếp tục thực hiện một số công việc với mục đích nâng cao chất lượng, cụ thể:

### 1. Về công tác nhân sự

- Công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên được thực hiện theo kế hoạch, có quy trình và tiêu chuẩn cụ thể, rõ ràng và đúng quy định.
- Giảng viên Khoa Cơ khí đều có năng lực chuyên môn tốt, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.
- Nhà trường có quy định cụ thể đánh giá năng lực của giảng viên đầy đủ, công khai, đảm bảo chính xác và khách quan. Năng lực của giảng viên được đánh giá thường xuyên bởi đồng nghiệp, Ban chủ nhiệm Khoa, Nhà trường và người học.
- Nhà trường đã có đề án vị trí việc làm nhằm quy hoạch chuẩn hoá vị trí việc làm và số lượng người làm việc ở mỗi vị trí. Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của nhân viên hỗ trợ có nhiều cải thiện nhờ công tác đào tạo bồi dưỡng thường xuyên và quá trình học tập nâng cao trình độ. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định và phổ biến công khai. Chính điều này, phần lớn nhân viên đáp ứng được các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; hơn nữa được tạo mọi điều kiện để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.
- Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá. Nhà trường có các quy định và quy trình đánh giá nhân viên phục vụ đào tạo đảm bảo tính công bằng, minh bạch và công khai... Do vậy, có thể đánh giá đúng năng lực của đội ngũ nhân viên.
- Hằng năm, Nhà trường và Khoa luôn quan tâm chú ý tới các nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ này.
- Đội ngũ giảng viên có học hàm TS chưa nhiều; tỷ lệ giảng viên theo giới tính chưa cân đối. Mặc dù tỉ lệ giảng viên/sinh viên được đảm bảo đủ đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên, số lượng giảng viên chất lượng cao còn hạn chế. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng đến từ các tổ chức, doanh nghiệp còn chưa nhiều. Nguồn tài

chính để khuyến khích vật chất, chi trả theo số lượng và chất lượng sản phẩm bị hạn chế, nên ở mức độ nhất định, việc chi trả thu nhập vẫn mang tính bình quân. Các phân hóa thu nhập để thu hút nhân tài hầu như chưa thực hiện được.

## **2. Về công tác quản lý đào tạo**

- Mục tiêu chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT được xây dựng rõ ràng, cụ thể, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn đã được tuyên bố, đáp ứng được nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.
- Mục tiêu giáo dục của Nhà trường và của ngành CNKTCĐT đã được tuyên bố rõ ràng bằng văn bản, trên website, trong CTĐT. Mục tiêu này được phổ biến tới tất cả các bên liên quan, đặc biệt là các cán bộ, giảng viên và SV thực hiện theo. Mục tiêu này đã được các chuyên gia tại các cơ quan tuyển dụng (các trường đại học, các viện nghiên cứu, một số doanh nghiệp) góp ý, tham gia xây dựng.
- Phòng quản lý đào tạo đã có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định, tổ chức kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp chứng chỉ theo quy định, hồ sơ người học đầy đủ theo quy định.
- SV được GV hướng dẫn phương pháp học tập phù hợp với từng nội dung và từng học phần. SV được chủ động xây dựng kế hoạch học tập cho từng học phần, từng kỳ học phù hợp với bản thân. Người học được tiếp cận với hoạt động NCKH từ năm thứ nhất. Chương trình đào tạo có nhiều hoạt động thực tập, thực hành, thảo luận. Các hoạt động thực tế, thực tập đa dạng. Căn cứ vào các cuộc khảo sát ý kiến của người học, giảng viên, các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng khóa, từng năm học nhằm đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ và cởi mở.
- Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT ngành CNKTCĐT được xác định rõ ràng, đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm. CĐR bao quát được cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.
- Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các nội dung và thông tin về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; thời gian đào tạo; khối lượng kiến thức toàn khóa học; đối tượng tuyển sinh; quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp; thang điểm; nội dung chương trình đào tạo bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; kế hoạch giảng dạy.
- Chương trình môn học của ngành CNKTCĐT thể hiện đầy đủ các thông tin, được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh và cập nhật, đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu của CTĐT. Trong quá trình biên soạn, cập nhật chương trình môn học đã có sự tham gia của các giảng viên, bộ môn, khoa và Hội đồng KH&ĐT cấp trường.

- Bảng mô tả chương trình môn học các học phần được công bố công khai đến các bên liên quan để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Bản mô tả chương trình môn học ngành được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau như: cập nhật trên website Nhà trường, tư vấn trực tiếp tại các trường trung học phổ thông, được gửi qua các bảng hỏi điều tra hay gửi đến sinh viên tham gia ngành học trong sổ tay sinh viên.
- Phần mềm Quản lý đào tạo đôi khi bị lỗi, gây khó khăn trong công tác giám sát sự tiến bộ của SV. Đôi khi còn khó khăn trong việc phối hợp giữa cán bộ chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV. Số lượng các hoạt động hỗ trợ, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên năm thứ nhất, năm thứ hai chưa nhiều. Bên cạnh đó, vẫn còn một số tồn tại như các bảng tin xung quanh các phòng làm việc của Khoa chưa được trang trí, trình bày một cách sinh động, thể hiện những nét đặc trưng, riêng biệt của những người học tập, nghiên cứu và giảng dạy ngành CNKTCĐT

### **3. Về công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng**

- Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM đã có quy trình, quy định về đánh giá kết quả học tập, có các tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được của CDR. Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp để đo lường mức độ đạt được của CDR.
- Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM đã có các tài liệu hướng dẫn xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học. Các tài liệu này được công bố công khai tới người học qua các kênh thông tin đa dạng như: tuần sinh hoạt công dân; buổi học đầu tiên của mỗi học phần; sổ tay sinh viên; website của Nhà trường; các buổi sinh hoạt lớp... Người học hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả kết quả học tập.
- Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng. Các tiêu chí kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được phân định rõ ràng. Đề thi đảm bảo độ tin cậy được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế khoa học, được kiểm chứng. Thang chấm và đáp án chấm đảm bảo sự công bằng và tin cậy khi chấm thi.
- Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM có các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá người học. Các quy định đó được công bố công khai, đúng thời gian quy định đến SV và GV.

### **4. Về công tác quản trị thiết bị vật tư**

- Số lượng và diện tích phòng làm việc và các phòng học được xây dựng mới, đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập của sinh viên, các thiết bị được trang bị phù hợp, đáp ứng yêu cầu của việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

- Thư viện của Trường có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo cho các ngành đào tạo nói chung và ngành CNKTCĐT nói riêng. Thư viện được đầu tư đầy đủ thiết bị để phục vụ các hoạt động nghiệp vụ. Thư viện sử dụng các phần mềm hiện đại để quản lý tài liệu in và tài liệu số. Thư viện có nguồn tài liệu số hóa rất lớn được bổ sung cập nhật hàng năm.
- Phòng thực hành được trang bị hệ thống máy tính đáp ứng đủ nhu cầu người học; phần mềm phù hợp, tương thích, đồng bộ và được kết nối mạng internet hỗ trợ tốt cho việc giảng dạy và học tập.
- Nhà trường có cảnh quan đẹp, rộng và thoáng mát; công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ viên chức, GV và SV được chú ý quan tâm; có hệ thống camera theo dõi và bảo vệ khá chuyên nghiệp; có bộ phận y tế phục vụ nhu cầu sức khỏe cho công chức, viên chức, người lao động và sinh viên.
- Nguồn tài liệu tiếng nước ngoài của ngành CNKTCĐT còn hạn chế. Tài liệu nội sinh chưa nhiều. Nguồn kinh phí dành cho bổ sung tài liệu của ngành CNKTCĐT hàng năm còn ít. Việc chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin với các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp còn ít. Một số thiết bị phòng thực hành của khoa Cơ khí đã sử dụng được nhiều năm; phòng thực hành chưa được đầu tư nâng cấp theo hướng hiện đại, chưa theo kịp xu thế đổi mới của cách mạng công nghiệp 4.0 như việc số hóa cơ sở dữ liệu phục vụ người học và người dạy còn hạn chế

#### **5. Về công tác nghiên cứu khoa học**

- Hàng năm, trong khoa có tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành CNKTCĐT tham gia nghiên cứu khoa học, viết giáo trình nội bộ.
- Hàng năm, Khoa có tổ chức cho các giảng viên cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng, các giảng viên đã tham gia đầy đủ và đạt được nhiều kiến thức, kinh nghiệm để phục vụ cho công tác giảng dạy.
- Khoa đảm bảo tất cả các cán bộ quản lý, nhân viên và giảng viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.
- Hàng năm, tất cả các cán bộ quản lý, nhân viên và giảng viên hoàn thành các nhiệm vụ do khoa, trường giao.

## PHẦN IV

# ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Xác định rõ tự đánh giá là khâu quan trọng trong hoạt động kiểm định chất lượng của nhà trường nói chung và chất lượng chương trình đào tạo trọng điểm ngành CNKTCĐT nói riêng. Vì nó không chỉ tạo cơ sở cho công tác đánh giá ngoài, mà còn là cơ sở để cải tiến chất lượng.

Quá trình tự đánh giá chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT được tiến hành trong bối cảnh thuận lợi: Được lãnh đạo Trường tổ chức tập huấn cụ thể, được Cục khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ cung cấp tài liệu hướng dẫn cụ thể và chi tiết, được chuyên gia tư vấn tận tình, và đặc biệt, công tác tự đánh giá phù hợp với nguyện vọng nâng cao chất lượng chương trình đào tạo của tập thể cán bộ, giảng viên và nhân viên Khoa Cơ khí. Nhưng quá trình tự đánh giá của Khoa cũng gặp không ít khó khăn, đó là những khó khăn của việc lần đầu tiên thực hiện công việc này, mất nhiều thời gian trong việc tìm minh chứng, lúng túng trong việc diễn đạt thể hiện phiếu đánh giá tiêu chí v.v.

Phát huy những thuận lợi cơ bản, vượt qua những khó khăn, đến nay, kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT đã được thực hiện, mang lại hiệu quả to lớn: Tập thể giảng viên Khoa Cơ khí đã tự thấy rõ những mặt mạnh, những tồn tại của chính mình, từ đó đề ra được kế hoạch hành động cụ thể ngay sau khi tự đánh giá.

Chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT đã đạt được 47/50 tiêu chuẩn của 7 tiêu chí, không đạt 3/50 tiêu chuẩn. Kết quả tự đánh giá, một mặt cho thấy chất lượng của chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT được đảm bảo, để từ đó tự tin và phát huy, mặt khác cho thấy những tồn tại cần thay đổi và nghiêm túc khắc phục.

### 2. Kiến nghị

Quá trình nghiên cứu, thực hiện tự kiểm định chất lượng CTĐT ngành CNKTCĐT, Khoa Cơ khí thấy rằng các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp: hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình kiểm định khoa học phù hợp với việc đánh giá và cải tiến.

#### ▪ Về công tác nhân sự

+ Tiếp tục rà soát, đổi mới chính sách quản lý nguồn nhân lực để duy trì và phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ cao. Xây dựng kế hoạch tuyển dụng giảng viên theo hướng ưu tiên giảng viên có học hàm, học vị cao; có chế độ ưu đãi thu hút nhân tài phù hợp.

+ Tiếp tục rà soát, đổi mới chính sách quản lý nguồn nhân lực và công tác đánh giá thi đua khen thưởng để khích lệ tinh thần làm việc của giảng viên.



+ Khoa Cơ khí cần chú trọng vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, tăng cường ký kết hợp tác để mời thêm chuyên gia từ các tổ chức, doanh nghiệp tham gia giảng dạy một số nội dung của các học phần chuyên ngành.

+ Tiếp tục rà soát hoàn thiện các tiêu chuẩn tuyển dụng để lựa chọn được những giảng viên phù hợp, đáp ứng ngày càng cao các yêu cầu của công việc.

+ Nhà trường và Khoa tiếp tục phối hợp tổ chức thêm các lớp bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho giảng viên nhằm nâng cao khả năng sử dụng ngoại ngữ đặc biệt là Tiếng anh cho cán bộ giảng viên để GV trẻ có điều kiện học tập. Tiếp tục quan tâm tạo điều kiện hỗ trợ, khuyến khích giảng viên tham gia các chương trình đào tạo tiến sĩ trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ cho giảng viên.

+ Tiếp tục rà soát, đổi mới chính sách quản lý nguồn nhân lực để duy trì và phát triển đội ngũ nhân viên giỏi, đồng thời phát huy tinh thần tập thể đoàn kết hỗ trợ giúp đỡ nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ.

+ Khoa cần tiến hành khảo sát, đánh giá lại nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ; Lãnh đạo khoa bố trí người hỗ trợ nhân viên trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nhằm giúp nhân viên trợ lý khoa có thể tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Khuyến khích giảng viên đi học nâng cao trình độ trong nước và ngoài nước.

+ Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ kế cận, và tuyển dụng giảng viên phù hợp với yêu cầu của ngành để đáp ứng đúng theo tiêu chuẩn số Sinh viên trên mỗi Giảng viên.

#### ▪ Về công tác quản lý đào tạo.

Trường cao đẳng Công Thương TP.HCM kiên trì với đảm bảo và nâng cao chất lượng đầu ra (từ đầu vào thấp), xây dựng thương hiệu, uy tín. Nhà trường nâng cấp phần mềm Quản lý đào tạo. Tạo sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các bộ phận chuyên trách được phân công giám sát nhằm phát triển hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học. Bên cạnh đó, Khoa và Nhà trường định kỳ tổ chức các hoạt động hỗ trợ, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên ít nhất một lần/học kỳ

- Lên kế hoạch tăng cường chất lượng công tác cố vấn học tập. Đồng thời qui định cho cố vấn học tập phải thường xuyên tiếp cận với lớp, động viên hướng dẫn phương pháp học tập, tạo khả năng tiếp cận, với tinh thần tự giác học tập, tự nghiên cứu, hiểu rõ quy chế đào tạo và hoạch định kế hoạch học tập cho cá nhân.

- Thường xuyên tổ chức các hội thảo chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học mỗi năm một lần. Website của Khoa cần mở diễn đàn về đổi mới phương pháp giảng dạy.

#### ▪ **Về công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng**

+ Các học phần có tỷ trọng thực hành nhiều, Khoa/Bộ môn sẽ xây dựng hình thức thi thực hành. Bên cạnh đó, Khoa Cơ khí yêu cầu GV công khai rõ ràng các hình thức, phương pháp đánh giá kết quả người học một cách nhanh chóng, kịp thời từ buổi học đầu tiên của mỗi học phần; Hướng dẫn GV sử dụng phần mềm Quản lý đào tạo, để kịp thời cập nhật điểm lên phần mềm, giúp người học sớm biết kết quả học tập của mình, có kế hoạch học tập tốt hơn.

+ Xây dựng hệ thống ngân hàng đề bài kiểm tra thường xuyên thống nhất với từng học phần, giảm sự phụ thuộc lớn từng GV trong khâu kiểm tra, đánh giá kết quả.

+ Khoa sẽ tổ chức các buổi tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm cho những CVHT mới, chưa có kinh nghiệm trong công việc tư vấn cho SV. Yêu cầu các cố vấn học tập có sự phối hợp chặt chẽ với khoa, nắm bắt tình hình học tập của SV để có những tư vấn tốt hơn cho SV. Tăng cường mối liên kết, tích cực trao đổi thông tin giữa gia đình và khoa thông qua ban cán sự lớp, CVHT, giáo vụ khoa trong việc hỗ trợ SV học tập tốt hơn nữa.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền quy trình khiếu nại kết quả học tập đến người học. Xây dựng nhiều kênh trao đổi như email, website, trực tiếp, mạng xã hội.

+ Lập kế hoạch đầu tư thêm các trang thiết bị phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho cán bộ, giảng viên và SV.

#### ▪ **Về công tác quản trị thiết bị vật tư**

+ Cần tiếp tục tăng cường ngân sách của trường cho đầu tư hoàn thiện CSVC, sửa chữa bảo dưỡng và thay thế kịp thời trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH.

+ Đề xuất Nhà trường tăng cường các đầu sách nước ngoài, đặc biệt là các sách mới xuất bản để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực Cơ điện tử. Tăng cường đầu tư nâng cấp thực hành theo hướng hiện đại, theo sát nhu cầu thực tế của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0;

+ Đẩy mạnh hơn nữa công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn; chú trọng hơn việc thăm khám sức khỏe cho cán bộ giảng viên, công nhân viên chức và sinh viên trong nhà trường.

#### ▪ **Về công tác nghiên cứu khoa học**

+ Tăng số lượng và chất lượng các đề tài nghiên cứu khoa học, và mở rộng các hoạt động nghiên cứu khoa học.

+ Tăng cường liên hệ với các tổ chức, doanh nghiệp trong việc nhận SV thực tập và nhận các đề tài nghiên cứu, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp. Tìm kiếm và hợp tác thêm nhiều doanh nghiệp để tăng thêm cơ hội việc làm cho người học.

TP.HCM, ngày 26 tháng 12 năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**

## **PHỤ LỤC**

1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử trình độ Cao đẳng năm 2023
2. Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử trình độ Cao đẳng năm 2023
3. Bảng mã minh chứng<sup>3</sup>

Số: 739 /QĐ-CDCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

*Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ cao đẳng năm 2022*

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 2043/QĐ-BCT ngày 06 tháng 03 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trường Cao đẳng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử - Trình độ cao đẳng năm 2022 gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử - Trình độ cao đẳng năm 2022 có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo đúng quy định của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội; Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng, Trưởng các đơn vị trong Trường và các thành viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu: VT, TTKT&KDCL



*Bùi Mạnh Tuấn*

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN  
TỬ – TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NĂM 2022**

*(Kèm theo quyết định số 739/QĐ-CDCT, ngày 22/04/2022  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh)*

<b>TT</b>	<b>HỌ VÀ TÊN</b>	<b>CHỨC VỤ</b>	<b>Chức vụ trong Hội đồng</b>
1.	Bùi Mạnh Tuân	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Lê Thanh Vũ	Trưởng Khoa Cơ khí	Phó Chủ tịch
3.	Tô Thị Mỹ Hồng	Giảng viên Khoa Cơ khí	Thư ký
4.	Phạm Xuân Vũ	Giảng viên Khoa Cơ khí	Ủy viên
5.	Lưu Mạnh Sơn	Giảng viên Khoa Cơ khí	Ủy viên
6.	Nguyễn Tấn Thắng	Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
7.	Trần Minh Nhựt	Giám đốc TT Khảo thí – Kiểm định chất lượng	Ủy viên
8.	Trần Vũ Vượng	Chủ tịch công đoàn, Trưởng phòng Tổ chức hành chính	Ủy viên
9.	Đỗ Thanh Vân	Chuyên gia, TS khoa học giáo dục, Phó GD Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động TP. HCM	Ủy viên
10.	Hồ Ngọc Thế Quang	Công ty TNHH cơ khí Thế Hải	Ủy viên
11.	Phạm Thị Hương Lan	Công ty Global Equipment Services & Manufacturing Vietnam Company Limited (GES Viet Nam)	Ủy viên

**Tổng cộng 11 thành viên.**

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ cao đẳng năm 2022

#### 1. Mục tiêu tự đánh giá:

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên, nhân viên và học sinh, sinh viên trong toàn trường về tầm quan trọng của quy trình xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng và tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ cao đẳng theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng;

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt, qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu Nhà trường.

#### 2. Công cụ tự đánh giá:

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

- Hướng dẫn kèm theo Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ngày 25 tháng 3 năm 2019 về đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

#### 2. Quy trình tự đánh giá:

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng được quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động–Thương Binh và Xã Hội, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử doanh trình độ cao đẳng;



- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ cao đẳng;

- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ cao đẳng;

- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ cao đẳng và gửi báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ cao đẳng về Cục kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp thuộc Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

### **3. Nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ cao đẳng:**

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ cao đẳng;

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ cao đẳng;

- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ cao đẳng.

### **4. Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ cao đẳng:**

a) Khoa chuyên ngành chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ cao đẳng;

b) Các nội dung tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ cao đẳng bao gồm:

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ cao đẳng trình Hiệu trưởng phê duyệt;

- Căn cứ vào Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Hướng dẫn kèm theo Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ cao đẳng;

- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ cao đẳng theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4

ban hành kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

- Lấy ý kiến các đơn vị có liên quan thuộc Trường, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ cao đẳng gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ cao đẳng.

**6. Phân bổ các đơn vị thực hiện thu thập minh chứng, cung cấp nội dung, số liệu theo tiêu chí, tiêu chuẩn liên quan**

STT	Tiêu chí/ tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
<b>I</b>	<b>Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính</b>		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa cơ khí
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa cơ khí
3.	Tiêu chuẩn 3	Phòng Tài chính Kế toán	Phòng QL Đào tạo; khoa cơ khí
<b>II</b>	<b>Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo</b>		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa cơ khí
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa cơ khí
3.	Tiêu chuẩn 3	Khoa cơ khí	Phòng Quản lý Đào tạo
4.	Tiêu chuẩn 4	Khoa cơ khí	Trung tâm HTSinh viên - QHDoanh nghiệp
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa cơ khí
6.	Tiêu chuẩn 6	Trung tâm Khảo thí-KĐCL	
7.	Tiêu chuẩn 7	Phòng Đào tạo thường xuyên	Khoa cơ khí
<b>III</b>	<b>Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</b>		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Khoa cơ khí
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Tổ chức - Hành chính	Khoa cơ khí
3.	Tiêu chuẩn 3	Khoa cơ khí	Phòng Tổ chức - Hành chính
4.	Tiêu chuẩn 4	Khoa cơ khí	Phòng QLKH-CN - HTQT
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Tổ chức-Hành chính	Khoa cơ khí



6.	Tiêu chuẩn 6	Khoa cơ khí	Phòng Quản lý Đào tạo
7.	Tiêu chuẩn 7	Phòng Tổ chức-Hành chính	Khoa cơ khí
8.	Tiêu chuẩn 8	Phòng Tổ chức-Hành chính	Khoa cơ khí
<b>IV</b>	<b>Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình</b>		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa cơ khí
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa cơ khí
3.	Tiêu chuẩn 3	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa cơ khí
4.	Tiêu chuẩn 4	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa cơ khí
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa cơ khí
6.	Tiêu chuẩn 6	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa cơ khí
7.	Tiêu chuẩn 7	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa cơ khí
8.	Tiêu chuẩn 8	Phòng Đào tạo thường xuyên	Phòng Quản lý Đào tạo
9.	Tiêu chuẩn 9	Phòng QLKHCN - HTQT	Khoa cơ khí
10.	Tiêu chuẩn 10	Phòng QLKHCN - HTQT	Khoa cơ khí
11.	Tiêu chuẩn 11	Phòng QLKHCN - HTQT	Khoa cơ khí
12.	Tiêu chuẩn 12	Phòng QLKHCN - HTQT	Khoa cơ khí
<b>V</b>	<b>Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản trị thiết bị	Khoa cơ khí
2.	Tiêu chuẩn 2	Khoa cơ khí	Phòng Quản trị thiết bị
3.	Tiêu chuẩn 3	Khoa cơ khí	Phòng Quản trị thiết bị
4.	Tiêu chuẩn 4	Khoa cơ khí	Phòng Quản trị thiết bị
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản trị thiết bị	Khoa cơ khí
6.	Tiêu chuẩn 6	Phòng Thông tin Thư viện	Khoa cơ khí
7.	Tiêu chuẩn 7	Phòng Thông tin Thư viện	Khoa cơ khí
8.	Tiêu chuẩn 8	Khoa cơ khí	
<b>VI</b>	<b>Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học</b>		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản lý Sinh viên	Phòng Quản lý Đào tạo

2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản lý Sinh viên	Khoa cơ khí
3.	Tiêu chuẩn 3	Trung tâm HT Sinh viên – QH Doanh nghiệp	Khoa cơ khí
4.	Tiêu chuẩn 4	Phòng Quản lý Sinh viên	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
<b>VII</b>	<b>Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng</b>		
1.	Tiêu chuẩn 1	Trung tâm Khảo thí-KĐCL	Khoa cơ khí
2.	Tiêu chuẩn 2	Trung tâm Khảo thí-KĐCL	Khoa cơ khí
3.	Tiêu chuẩn 3	Trung tâm Khảo thí-KĐCL	Phòng Tổ chức-Hành chính
4.	Tiêu chuẩn 4	Trung tâm Khảo thí- KĐCL	Khoa cơ khí
5.	Tiêu chuẩn 5	Trung tâm Khảo thí- KĐCL	
6.	Tiêu chuẩn 6	Khoa cơ khí	Trung tâm Khảo thí- KĐCL
7.	Tiêu chuẩn 7	Khoa cơ khí	Trung tâm Khảo thí- KĐCL
8.	Tiêu chuẩn 8	Khoa cơ khí	Trung tâm Khảo thí- KĐCL

### 7. Nội dung công việc - thời gian thực hiện

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
Từ 15/3/2022 đến 31/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng trình Hiệu trưởng phê duyệt.</li> <li>- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng.</li> <li>- Phân công các đơn vị phụ trách theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng.</li> </ul>	- TTKT&KĐCL
Từ 01/4/2022 đến 15/4/2022	- Tập huấn cho các thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng.	- TTKT& KĐCL - Chuyên gia
Từ 16/4/2022 đến 30/4/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu Báo cáo tự đánh giá mẫu;</li> <li>- Nghiên cứu bộ minh chứng mẫu.</li> </ul>	- Khoa

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>
Từ 01/5/2022 đến 15/6/2022	- Viết dự thảo (lần 1) báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng.	- Khoa viết báo cáo; - TTKT&KĐCL hỗ trợ chuyên môn
Ngày 16/6 đến 15/07/2022	- Thu thập minh chứng theo dự thảo (lần 1) báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng	- Ban thu thập minh chứng
Ngày 16/7 đến 30/07/2022	- Tập huấn, góp ý, chỉnh sửa, bổ sung bản dự thảo (lần 1) báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng theo tiêu chí, tiêu chuẩn đã được phân công	- Chuyên gia
Từ ngày 01/8 đến 15/8/2022	- Tổng hợp, chỉnh sửa, hoàn thành bản dự thảo (lần 2) báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng	- Khoa chỉnh sửa báo cáo; - TTKT&KĐCL hỗ trợ chuyên môn
	- Tiếp tục bổ sung minh chứng (nếu có)	- Ban thu thập minh chứng
Từ ngày 16/8 đến 30/8/2022	- Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng - Tổng hợp, thống kê, sao lưu minh chứng	- Khoa hoàn thiện báo cáo; - TTKT&KĐCL hỗ trợ Tổng hợp, thống kê, sao lưu minh chứng
Từ ngày 01/9 đến ngày 07/9/2022	- Lấy ý kiến các đơn vị có liên quan tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng	- Thư ký Hội đồng
Từ ngày 08/9 đến 10/09/2022	- Phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng. - Họp công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương	- Hiệu trưởng - Các thành viên Hội đồng;

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>
	trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng.	
Từ ngày 11/9 đến 20/09/2022	Báo cáo kết quả thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng về Cục kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp thuộc Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội TP. Hồ Chí Minh	- TTKT&KĐCL
Từ 21/9 đến 15/12/2022	- Tổ chức Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng.	- Khoa - TTKT&KĐCL

### **8. Kinh phí thực hiện**

- Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ cao đẳng chi từ nguồn dự toán chi ngân sách thường xuyên và nguồn thu hợp pháp của Nhà trường.

- Công tác thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ cao đẳng là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Nhà trường năm 2022, là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Yêu cầu tất cả các Phòng ban, khoa và đơn vị thuộc trường phải tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

#### ***Nơi nhận:***

- Ban giám hiệu;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, TTKT&ĐBCL

**HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Mạnh Tuấn**

**Phụ lục 3: Bảng mã minh chứng**

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
1.	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1.1.01</b>		Quyết định số 5945/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 27 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp II trên cơ sở Trường Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Nhẹ Thủ Đức
2.			<b>1.1.02</b>		Quyết định số 418/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 01 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp II thành Trường Cao đẳng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh
3.			<b>1.1.03</b>		Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM
4.			<b>1.1.04</b>		Báo cáo số 411/BC-TTDBNL ngày 22/22/2018 & Báo cáo số 545/BC-TTDNL ngày 05/12/2019 & Báo cáo số 796/BC-TTDNL ngày 30/12/2020 & Báo cáo số 609/BC-TTDNL ngày 07/12/2021 của Trung tâm dự báo nhu cầu nhân lực và thông tin thị trường lao động TP.HCM của Sở lao động thương binh và xã hội
5.			<b>1.1.05</b>		Kế hoạch số 454a/KH-CDCT ngày 17/04/2019 về Kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo Cao đẳng theo Hệ thống giáo dục nghề nghiệp

6.			<b>1.1.06</b>	Quyết định số 154a /QĐ-CĐCT ngày 07/5/2019 thành lập Tổ biên soạn chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT năm 2020
7.			<b>1.1.07</b>	Quyết định số 319/QĐ-CĐCT ngày 26/06/2019; số 527/QĐ-CĐCT ngày 19/08/2021 thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT
8.			<b>1.1.08</b>	Quyết định số 362/QĐ-CĐCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử cho năm học 2020-2021
9.			<b>1.1.09</b>	QĐ số 608a/QĐ-CĐCT ngày 04/09/2021 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2021-2022
10.			<b>1.1.10</b>	Quyết định 138a/QĐ-CĐCT ngày 18/4/2022 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử cho năm học 2022-2023
11.			<b>1.1.11</b>	Địa chỉ website của Trường: <a href="http://www.hitu.edu.vn">www.hitu.edu.vn</a>
12.			<b>1.1.12</b>	Các ấn phẩm, tờ rơi, chứng nhận phát sóng, bài báo giới thiệu về trường hàng năm
13.			<b>1.1.13</b>	Thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp hàng năm
14.			<b>1.1.14</b>	Hình ảnh yêu cầu tuyển dụng người lao động được đào tạo từ chuyên ngành CNKTCĐT của các doanh nghiệp
15.			<b>1.1.15</b>	Quy hoạch phát triển dạy nghề thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025
16.			<b>1.1.16</b>	Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến 2020 và tầm nhìn 2025

17.			<b>1.1.17</b>	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 195/2017/GCNDKHĐ-TCGDNN ngày 28/06/2017 của Tổng cục Dạy nghề
18.	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>1.1.03</b>	Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
19.			<b>1.2.01</b>	Quyết định số 656/QĐ-CDCT ngày 1/11/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
20.			<b>1.2.02</b>	Quyết định số 505/QĐ-CDCT ngày 25/12/2009 về việc thành lập Khoa Cơ khí thuộc Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM
21.			<b>1.2.03</b>	Kế hoạch công tác năm Khoa Cơ khí năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
22.			<b>1.2.04</b>	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của Khoa Cơ khí năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
23.			<b>1.2.05</b>	Báo cáo tổng kết hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của Trường NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
24.			<b>1.2.06</b>	Các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua của tập thể khoa Cơ khí từ năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023

25.			<b>1.2.07</b>	Phiếu đánh giá, xếp loại hàng năm của CBNV và GV hoàn thành nhiệm vụ
26.			<b>1.2.08</b>	Các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua của cá nhân Khoa Cơ khí năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
27.	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>1.3.01</b>	Định mức kinh tế kỹ thuật ngành CNKTCĐT NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
28.			<b>1.3.02</b>	Định mức chi tối thiểu cho một sinh viên năm 2021, 2022, 2023
29.			<b>1.3.03</b>	Bảng tổng hợp thu chi ngành CNKTCĐT các năm 2020, 2021, 2022
30.			<b>1.3.04</b>	Báo cáo tài chính năm 2020, 2021, 2022
31.			<b>1.3.05</b>	Biên bản xét duyệt quyết toán và thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách các năm 2020, 2021, 2022
32.			<b>1.3.06</b>	Kế hoạch thanh tra đào tạo NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
33.			<b>1.3.07</b>	Biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
34.			<b>1.3.08</b>	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học NH 2020-21, 2021-22, 2022-23
35.	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>2.1.01</b>	QĐ số <b>70/QĐ-CDCT</b> về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ TC, CD chính quy 2020 Trường CD Công Thương TP.HCM ngày 27/2/2020 của Hiệu trưởng trường CD Công Thương TP.HCM; QĐ số <b>265/QĐ-CDCT</b> về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ TC, CD chính quy 2021 Trường CD Công Thương TP.HCM ngày 27/2/2021 của Hiệu trưởng trường CD Công Thương TP.HCM; QĐ số <b>265/QĐ-CDCT</b> về



				việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ TC, CĐ chính quy 2022 Trường CĐ Công Thương TP.HCM ngày 27/2/2021 của Hiệu trưởng trường CĐ Công Thương TP.HCM
36.			<b>1.1.17</b>	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 195/2017/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 28/06/2017 của Tổng cục Dạy nghề
37.			<b>2.1.02</b>	Quyết định số 536a/QĐ-CĐCT ngày 27/2/2022 Ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy Trường Cao đẳng Công thương TPHCM của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
38.			<b>2.1.03</b>	Đề án tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
39.			<b>2.1.04</b>	Thông báo tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
40.			<b>2.1.05</b>	Kế hoạch tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
41.			<b>2.1.06</b>	Các quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
42.			<b>2.1.07</b>	Các quyết định thành lập Ban thư ký hội đồng tuyển sinh, Ban tư vấn tuyển sinh, Ban truyền thông tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
43.			<b>2.1.08</b>	Biên bản họp xét tuyển của Hội đồng tuyển sinh 2021, 2022, 2023
44.			<b>2.1.09</b>	Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển năm 2021, 2022, 2023
45.			<b>2.1.10</b>	Quyết định biên chế các lớp và quyết định thí sinh đã trúng tuyển năm 2021, 2022, 2023

46.			<b>2.1.11</b>	Báo cáo công tác tuyển sinh, tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023
47.			<b>2.1.12</b>	Ảnh chụp tra cứu kết quả tuyển sinh năm 2020-21, 2021-22, 2022-23
48.			<b>2.1.13</b>	Giấy báo nhập học NH 2019-20, 2020-21
49.			<b>2.1.14</b>	Hồ sơ thí sinh trúng tuyển nhập học CNKTCĐT năm 2021, 2022, 2023
50.			<b>2.1.15</b>	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật trong việc quản lý, điều hành công tác tuyển sinh, quản lý đào tạo năm 2020-21, 2021-22, 2022-23
51.			<b>1.1.11</b>	Địa chỉ website của Trường: <a href="http://www.hitu.edu.vn">www.hitu.edu.vn</a>
52.			<b>2.1.16</b>	Sổ tay HSSV
53.	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>1.1.09</b>	QĐ số 608a/QĐ-CĐCT ngày 04/09/2021 ban hành CTĐT ngành Quản trị kinh doanh năm 2021
54.			<b>1.1.08</b>	Quyết định số 362/QĐ-CĐCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Quản trị kinh doanh cho năm học 2019-2020
55.			<b>1.1.10</b>	Quyết định 138a/QĐ-CĐCT ngày 18/4/2022 ban hành CTĐT ngành QTKD chuyên ngành QTKD tổng hợp từ năm học 2021-2022
56.			<b>2.1.11</b>	Quyết định biên chế các lớp và quyết định thí sinh đã trúng tuyển năm 2020, 2021, 2022
57.			<b>1.1.17</b>	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 195/2017/GCÑDKHĐ-TCDN ngày 28/06/2017 của Tổng cục Dạy nghề

58.			<b>2.2.01</b>	Quyết định số 508/QĐ-CDCT ngày 5/9/2019 ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
59.			<b>2.2.02</b>	Quyết định số 654a/QĐ-CDCT ngày 15/5/2022 ban hành Quy định tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ
60.			<b>2.2.03</b>	Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
61.			<b>2.2.04</b>	Tiến độ đào tạo NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
62.			<b>2.2.05</b>	Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên Khoa Cơ khí NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
63.			<b>2.2.06</b>	Kế hoạch giảng dạy của giảng viên NH 2020-21, 2021-22, 2022-23
64.			<b>2.2.07</b>	Giáo án giảng dạy của giảng viên NH 2020-21, 2021-22, 2022-23
65.			<b>2.2.08</b>	Sổ lên lớp của giảng viên NH 2020-21, 2021-22, 2022-23
66.			<b>2.2.09</b>	Sổ tay của giảng viên NH 2020-21, 2021-22, 2022-23
67.			<b>2.2.10</b>	Tập biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học NH 2020-21, 2021-22, 2022-2023
68.			<b>2.2.11</b>	Kế hoạch dự giờ, Phiếu dự giờ năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
69.			<b>2.2.12</b>	Báo cáo kết quả dự giờ, đánh giá giảng viên NH 2020-21, 2021-22, 2022-23

70.				<b>1.3.08</b>	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học NH 2020-21, 2021-22, 2022-23
71.			<b>2.2.13</b>		Báo cáo tổng kết hàng năm: khoa Cơ khí, phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL, phòng CTHS-SV
72.	<b>2</b>	<b>3</b>		<b>1.2.02</b>	Quyết định số 505/QĐ-CDCT ngày 25.12.2009 về việc thành lập Khoa QTKD thuộc Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
73.				<b>1.1.03</b>	Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 1/2/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
74.				<b>1.1.08</b>	Quyết định số 362/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Quản trị kinh doanh cho năm học 2019-2020
75.				<b>1.1.09</b>	QĐ số 608a/QĐ-CDCT ngày 04/09/2021 ban hành CTĐT ngành Quản trị kinh doanh năm 2021
76.				<b>2.2.03</b>	Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường NH 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
77.				<b>2.2.04</b>	Tiến độ đào tạo NH 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
78.				<b>2.2.05</b>	Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên Khoa QTKD NH 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
79.				<b>2.2.06</b>	Kế hoạch giảng dạy của giảng viên NH 2019-20, 2020-21, 2021-22

80.			<b>2.2.07</b>	Giáo án giảng dạy của giảng viên NH 2019-20, 2020-2021, 2021-2022
81.			<b>2.2.08</b>	Sổ lên lớp của giảng viên NH 2019-20, 2020-2021, 2021-2022
82.			<b>2.2.09</b>	Sổ tay của giảng viên NH 2019-20, 2020-2021, 2021-2022
83.			<b>2.3.01</b>	Thông báo số 87/TB -CDCT ngày 07/5/2021 V/v dạy học online, phòng chống dịch Covid -19
84.			<b>2.3.02</b>	Hợp đồng gói thầu: phần mềm quản lý đào tạo của Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM với Công ty TNHH Công nghệ Anh Quân
85.			<b>2.3.03</b>	Các ảnh chụp: website kết nối phần mềm Edusoft; truy cập và tra cứu được các thông tin về: tuyển sinh; thời khóa biểu; lịch thi, kiểm tra; tra cứu điểm hết môn, học phần; điểm đánh giá rèn luyện; kết quả công nhận tốt nghiệp
86.	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>2.4.01</b>	Kế hoạch cho HSSV đi thực tập tại các đơn vị năm học 2020-21, 2021-22, 2022-23
87.			<b>2.4.02</b>	Biên bản ghi nhớ hợp tác với doanh nghiệp về việc cho SV thực hành, thực tập tại các doanh nghiệp năm học 2019-20, 2020-21, 2021-22
88.			<b>2.4.03</b>	Các Quyết định về việc cử sinh viên đi thực hành, thực tập tại doanh nghiệp năm học 2020-21, 2021-22, 2022-23
89.			<b>2.4.04</b>	Danh sách giảng viên hướng dẫn thực tập tốt nghiệp năm học 2020-21, 2021-22, 2022-23
90.			<b>2.4.05</b>	Đề cương thực hành, thực tập tại doanh nghiệp năm học 2020-21, 2021-22, 2022-23

91.			<b>2.4.06</b>	Báo cáo kết quả thực tập của sinh viên, báo cáo của giảng viên về việc thực tập của nhóm SV tại đơn vị năm 2020-21, 2021-22, 2022-23
92.			<b>2.4.07</b>	Bảng tổng hợp kết quả thực tập, kết quả tốt nghiệp của HSSV năm 2020-21, 2021-22, 2022-23
93.			<b>2.4.08</b>	Các Quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp và các Quyết định công nhận tốt nghiệp năm học 2020-21, 2021-22, 2022-23
94.			<b>2.4.09</b>	Kế hoạch cho HSSV khoa Cơ khí đi tham quan thực tế tại các doanh nghiệp năm học 2020-21, 2021-22, 2022-23
95.			<b>2.4.10</b>	Hình ảnh GV và HSSV đi thực tế tại các đơn vị doanh nghiệp
96.			<b>2.4.11</b>	Báo cáo tham quan thực tế tại doanh nghiệp của GV và HSSV năm học 2020-21, 2021-2022, 2022-23
97.			<b>2.2.13</b>	Báo cáo tổng kết hàng năm: khoa Cơ khí, phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL, phòng CTHS-SV
98.	<b>2</b>	<b>5</b>	<b>2.2.01</b>	Quyết định số 508/QĐ-CĐCT ngày 5/9/2019 ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM
99.			<b>2.2.02</b>	Quyết định số 654a/QĐ-CĐCT ngày 15/5/2022 ban hành Quy định tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ
100.			<b>2.5.01</b>	Quyết định số 75/QĐ-CĐCT ngày 01/3/2018 V/v ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Công thương thành phố Hồ Chí Minh
101.			<b>2.5.02</b>	Quyết định số 705/QĐ-CĐCT ngày 10/11/2021 ban hành Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM

102.			<b>2.5.03</b>	Kế hoạch tổ chức thi, kiểm tra kết thúc môn năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
103.			<b>2.5.04</b>	Quyết định thành lập Hội đồng thi kết thúc môn năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
104.			<b>2.5.05</b>	Quyết định thành lập Ban coi thi, Ban chấm thi kết thúc môn năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
105.			<b>2.5.06</b>	Biên bản họp kết luận thanh kiểm tra, giám sát công tác tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm
106.			<b>2.5.07</b>	Danh sách người học dự thi có chữ ký của người học và cán bộ coi thi năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
107.			<b>2.5.08</b>	Bài thi lưu kết thúc môn (bản cứng, bản mềm) năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
108.			<b>2.5.09</b>	Phiếu chấm bài thi lưu kết thúc môn năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
109.			<b>2.5.10</b>	Bảng điểm SV các môn trong HK năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
110.			<b>2.5.11</b>	Ảnh tra cứu điểm trên website Trường
111.				<b>1.3.06</b> Kế hoạch thanh tra đào tạo NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
112.				<b>2.2.10</b> Tập biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
113.				<b>2.4.08</b> Các quyết định thành lập Hội đồng thi và xét tốt nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023

114.			<b>2.5.12</b>	Bảng tổng hợp Danh sách SV các khóa xét điều kiện công nhận TN, công nhận kết quả học tập năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
115.			<b>2.5.13</b>	Các biên bản họp Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp, công nhận kết quả học tập năm học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; Bảng thống kê về kết quả tốt nghiệp các khóa năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
116.			<b>2.5.14</b>	Quyết định công nhận tốt nghiệp NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
117.			<b>2.5.15</b>	Báo cáo tổng kết phòng QLĐT, khoa Cơ khí năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
118.			<b>1.2.05</b>	Báo cáo tổng kết hàng năm của Trường NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
119.			<b>2.5.16</b>	Bản cứng và mẫu phiếu tự đánh giá rèn luyện năm học [2020-2021], [2021-2022] trực tuyến, 2022-2023
120.			<b>2.5.17</b>	Quyết định số 521/QĐ-CĐCT ngày 09/9/2019 ban hành Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
121.			<b>2.5.18</b>	Quyết định số 507/QĐ-CĐCT ngày 5/9/2019 về việc ban hành Quy chế in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM;
122.			<b>2.5.19</b>	Quyết định số 374a/QĐ-CĐCT về việc phê duyệt mẫu phôi bằng trung cấp, cao đẳng ban hành ngày 14/8/2019 của Hiệu trưởng Trường CĐCT
123.			<b>2.1.13</b>	Giấy báo nhập học NH 2020-21, 2021-22



124.				<b>2.1.14</b>	Hồ sơ thí sinh trúng tuyển nhập học ngành CNKTCĐT năm 2020, 2021, 2022
125.			<b>2.5.20</b>		Quy định về mẫu bằng tốt nghiệp TC, CD, in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp TC, CD
126.			<b>2.5.21</b>		Số cấp bằng TN các trình độ (bản chính); Số cấp bằng TN (bản sao)
127.			<b>2.5.22</b>		Báo cáo Sở LĐTĐ công tác cấp văn bằng/chứng chỉ hàng năm và báo cáo các trường hợp sai hỏng
128.			<b>2.5.23</b>		Biên bản kiểm tra và huỷ phôi văn bằng, chứng chỉ bị sai hỏng
129.	<b>2</b>	<b>6</b>		<b>1.3.06</b>	Kế hoạch thanh tra đào tạo NH 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
130.				<b>2.2.10</b>	Tập biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học của các đợt kiểm tra, giám sát NH 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
131.				<b>1.3.08</b>	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học NH 2019-20, 2020-21, 2021-22
132.				<b>2.1.16</b>	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật trong việc quản lý, điều hành công tác tuyển sinh, quản lý đào tạo năm 2019-20, 2020-21, 2021-22
133.				<b>2.2.11</b>	Kế hoạch dự giờ, Phiếu dự giờ năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
134.				<b>2.2.12</b>	Báo cáo kết quả dự giờ, đánh giá giảng viên NH 2019-20, 2020-21, 2021-22
135.				<b>2.2.13</b>	Báo cáo tổng kết khoa QTKD, phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL, phòng CTHS-SV

136.				<b>1.2.06</b>	Các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua của tập thể Khoa QTKD từ năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
137.				<b>2.2.03</b>	Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
138.				<b>2.2.04</b>	Tiến độ đào tạo NH 2019-20, 2020-21, 2021-22
139.				<b>2.2.05</b>	Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên khoa QTKD năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
140.	<b>2</b>	<b>7</b>		<b>1.1.03</b>	Quyết định số 52/QĐ-CĐCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CĐCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM
141.				<b>1.1.17</b>	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Doanh nghiệp số 195/2017/GCNĐKHĐ-TCDN ngày 28/6/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Doanh nghiệp [trong đó có ngành Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng]
142.				<b>2.5.17</b>	Quyết định số 521/QĐ-CĐCT ngày 9/9/2019 ban hành Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM
143.			<b>2.7.01</b>		QĐ số 1171/QĐ-CĐCT ngày 31/12/2020 về việc công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập các môn học của sinh viên đang học liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng hệ chính quy ngành CNKTCĐT

144.			<b>2.7.02</b>	Quyết định số 78/QĐ-CDCT ngày 14/02/2020 ban hành CTĐT liên thông ngành CNKTCĐT
145.			<b>2.7.03</b>	Quyết định tuyển sinh đào tạo cao đẳng liên thông 2020
146.			<b>2.7.04</b>	Thông báo tuyển sinh cao đẳng liên thông năm 2020, 2021, 2022
147.			<b>2.7.05</b>	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh cao đẳng liên thông từ trình độ trung cấp năm 2020, 2021, 2022
148.			<b>2.7.06</b>	Biên bản xác nhận điểm trúng tuyển kỳ xét tuyển
149.			<b>2.7.07</b>	Báo cáo tình hình đào tạo liên thông NH 2019-20, 2020-21, 2021-22
150.			<b>2.7.08</b>	Báo cáo của phòng Đào tạo thường xuyên các năm
151.	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>3.1.01</b>	Danh sách trích ngang giảng viên ngành CNKTCĐT 2020-21, 2021-22, 2022-23
152.			<b>3.1.02</b>	Hồ sơ giảng viên khoa Cơ khí
153.			<b>3.1.03</b>	Danh sách và hồ sơ giảng viên dạy các môn học chung
154.			<b>3.1.04</b>	Báo cáo kết quả đánh giá trình độ giảng viên theo Thông tư 08 NH2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
155.	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>3.1.01</b>	Danh sách trích ngang giảng viên Khoa Cơ Khí
156.			<b>3.1.02</b>	Hồ sơ giảng viên ngành Cơ Điện Tử

157.			<b>3.2.01</b>	Quyết định số 504/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường CD Công Thương TP.HCM
158.			<b>2.2.06</b>	Kế hoạch giảng viên - kế hoạch giảng dạy Khoa Cơ khí năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
159.			<b>2.2.08</b>	Sổ lên lớp của giảng viên NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
160.			<b>2.2.11</b>	Kế hoạch dự giờ, Phiếu dự giờ năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
161.			<b>2.2.12</b>	Báo cáo kết quả dự giờ, đánh giá giảng viên NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
162.			<b>2.5.15</b>	Báo cáo tổng kết phòng QLĐT, Khoa Cơ Khí các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
163.			<b>2.2.07</b>	Giáo án giảng dạy của giảng viên NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
164.			<b>2.2.05</b>	Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên Khoa Cơ Khí năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
165.			<b>3.2.02</b>	Các quyết định cử đi học tập nâng cao trình độ hàng năm của giảng viên ngành Cơ Điện Tử
166.			<b>3.2.03</b>	Danh sách giảng viên Khoa Cơ Khí nâng cao nghiệp vụ chuyên môn
167.			<b>3.2.04</b>	Danh sách và hồ sơ các đề tài NCKH của giảng viên ngành Cơ Điện Tử năm 2020,2021,2022
168.			<b>3.2.05</b>	Các bài báo khoa học của Khoa Cơ Khí

169.			<b>3.2.06</b>	Danh sách Giảng viên viết bài NCKH, tham gia hội thi “Giáo viên giỏi” cấp trường, Giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn, DS Giảng viên tham gia thiết kế thiết bị, mô hình mô phỏng phục vụ giảng dạy NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
170.			<b>3.2.07</b>	Hồ sơ đánh giá và phân loại nhà giáo ngành Cơ Điện Tử năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
171.			<b>3.2.08</b>	Báo cáo kết quả cụ thể đánh giá; phân loại nhà giáo của Trường năm 2020, 2021,2022
172.	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3.3.01</b>	Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Cơ Điện Tử sử dụng từ NH 2020-2021
173.			<b>1.1.09</b>	QĐ số 608a/QĐ-CDCT ngày 04/09/2021 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Cơ Điện Tử
174.			<b>3.3.02</b>	Chương trình đào tạo liên thông nghề Cơ Điện Tử
175.			<b>3.2.01</b>	Quyết định số 504/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường CĐ Công Thương TP.HCM
176.			<b>2.2.06</b>	Kế hoạch giảng viên - kế hoạch giảng dạy Khoa Cơ Khí năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
177.			<b>3.1.01</b>	Danh sách trích ngang giảng viên Khoa Cơ Khí
178.			<b>3.1.03</b>	Danh sách và hồ sơ giảng viên dạy các môn học chung
179.			<b>3.3.03</b>	Danh sách giảng viên thỉnh giảng tại Khoa Cơ Khí NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023

180.				<b>2.2.03</b>	Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
181.				<b>2.2.04</b>	Tiến độ đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
182.				<b>2.2.05</b>	Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên Khoa Cơ Khí năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
183.			<b>3.3.04</b>		Bảng thanh toán vượt giờ của giảng viên Khoa Cơ Khí năm 2020, 2021, 2022
184.			<b>3.3.05</b>		Danh sách Sinh viên các lớp ngành Cơ Điện Tử năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
185.			<b>3.3.06</b>		Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
186.	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>3.4.01</b>		Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020, 2021, 2022, 2023
187.				<b>3.1.01</b>	Danh sách trích ngang giảng viên ngành Cơ Điện Tử NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
188.				<b>3.2.04</b>	Danh sách và hồ sơ các đề tài NCKH của giảng viên ngành Cơ Điện Tử năm 2020,2021,2022
189.				<b>3.2.05</b>	Các bài báo khoa học của Khoa Cơ Khí
190.				<b>3.2.06</b>	Danh sách Giảng viên viết bài NCKH, tham gia hội thi “Giáo viên giỏi” cấp trường, Giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn, DS Giảng viên tham gia thiết kế thiết bị, mô hình mô phỏng phục vụ giảng dạy NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023

191.	3	5		<b>3.4.01</b>	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020, 2021, 2022
192.				<b>1.1.03</b>	Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
193.				<b>3.2.02</b>	Các quyết định cử đi học tập nâng cao trình độ hàng năm của giảng viên ngành Cơ Điện Tử
194.				<b>3.2.03</b>	Danh sách giảng viên Khoa Cơ Khí nâng cao nghiệp vụ chuyên môn
195.			<b>3.5.01</b>		Báo cáo kết quả học tập của giảng viên ngành Cơ Điện Tử sau khi tham gia học tập, bồi dưỡng năm 2020, 2021, 2022
196.			<b>3.5.02</b>		Kế hoạch Tổ chức lấy ý kiến đối tượng liên quan đến hoạt động dạy và học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
197.			<b>3.5.03</b>		Báo cáo kết quả khảo sát Giảng viên, CBQL để thu thập thông tin về dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
198.	3	6		<b>1.1.03</b>	Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM, Quyết định số 52/QĐ-CDCT về

				việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM;
199.			<b>3.4.01</b>	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020, 2021,2022
200.			<b>3.1.01</b>	Danh sách trích ngang giảng viên ngành Cơ Điện Tử NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
201.			<b>3.6.01</b>	Kế hoạch thực tế tại doanh nghiệp của Giảng viên năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
202.			<b>3.2.02</b>	Quyết định, danh sách cử giảng viên ngành Cơ Điện Tử bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
203.			<b>3.6.02</b>	Đề cương thực tập tại doanh nghiệp của giảng viên
204.			<b>3.6.03</b>	Báo cáo thực tập tại doanh nghiệp của giảng viên
205.	<b>3</b>	<b>7</b>	<b>3.1.02</b>	Hồ sơ cán bộ quản lý và nhân viên Khoa Cơ Khí
206.			<b>3.7.01</b>	Bảng mô tả công việc của giáo vụ khoa



207.				<b>1.1.03</b>	Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 1/2/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 1/2/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
208.			<b>3.7.02</b>		Quy định về thực hiện Quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức và người lao động tại trường
209.				<b>3.1.04</b>	Báo cáo kết quả đánh giá trình độ giảng viên theo Thông tư 08 NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
210.				<b>3.2.07</b>	Hồ sơ đánh giá và phân loại nhà giáo ngành Cơ Điện Tử năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
211.	<b>3</b>	<b>8</b>		<b>3.1.02</b>	Hồ sơ cán bộ quản lý và nhân viên Khoa Cơ Khí
212.				<b>3.7.01</b>	Bảng mô tả công việc của giáo vụ khoa
213.				<b>1.1.03</b>	Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 1/2/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 52/QĐ-CDCT về

				việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 1/2/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
214.			<b>1.2.06</b>	Các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua tập thể và cá nhân của Khoa Cơ Khí từ năm học 2020 đến 2023
215.			<b>3.2.02</b>	Quyết định, danh sách cử giảng viên ngành Cơ Điện Tử bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp năm 2020, 2021, 2022,2023; 3.6.02 - Báo cáo thực tập tại doanh nghiệp của giảng viên
216.			<b>3.2.04</b>	Danh sách và hồ sơ các đề tài NCKH của giảng viên ngành Cơ Điện Tử
217.			<b>3.2.07</b>	Hồ sơ đánh giá và phân loại nhà giáo Khoa Cơ Khí năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
218.			<b>3.6.03</b>	Báo cáo thực tập tại doanh nghiệp của giảng viên
219.			<b>3.8.01</b>	Báo cáo tổng kết hàng năm Khoa cơ khí năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
220.			<b>3.2.08</b>	Báo cáo kết quả cụ thể đánh giá; phân loại nhà giáo của Trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
221.	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>4.1.01</b>	Quyết định số 509/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT trình độ cao đẳng trường CDCT

222.				KH số 454a/KH-CĐCT ngày 17/04/2019; KH số 394a/KH-CĐCT ngày 24/02/2021 về việc biên soạn, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
223.				QĐ số 154a/QĐ-CĐCT ngày 07/5/2019; QĐ số 134/QĐ-CĐCT ngày 29/02/2021 về việc thành lập tổ biên soạn CTĐT Cao đẳng ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
224.				Quyết định số 319/QĐ-CĐCT ngày 26/06/2019; số 527/QĐ-CĐCT ngày 19/08/2021 thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
225.				Quyết định số 362/QĐ-CĐCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2019
226.				QĐ số 608a/QĐ-CĐCT ngày 04/09/2021 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2021
227.	<b>4</b>	<b>2</b>		QĐ số 154a/QĐ-CĐCT ngày 07/5/2019; QĐ số 134/QĐ-CĐCT ngày 29/02/2021 về việc thành lập tổ biên soạn CTĐT Cao đẳng ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
228.				Quyết định số 319/QĐ-CĐCT ngày 26/06/2019; số 527/QĐ-CĐCT ngày 19/08/2021 thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
229.			<b>4.2.01</b>	Lý lịch khoa học thành viên tham gia xây dựng và thẩm định CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
230.			<b>4.2.02</b>	Các biên bản, phiếu nhận xét, góp ý, phản biện trong điều chỉnh CTĐT 2019

231.	4	3		Quyết định số 362/QĐ-CĐCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2019
232.				QĐ số 608a/QĐ-CĐCT ngày 04/09/2021 ban hành CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm 2021
233.				Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2020-2021, 2021-2022,2022-2023
234.			<b>4.3.01</b>	Đường link khảo sát các đối tượng có liên quan về hoạt động dạy và học Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử năm học, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
235.			<b>4.3.02</b>	Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên ngành CNKTCĐT sau tốt nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022,2022-2023
236.			<b>4.3.03</b>	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp về sinh viên tốt nghiệp ngành CNKTCĐT năm học, 2020-2021, 2021-2022,2022-2023
237.			<b>4.3.04</b>	Báo cáo kết quả thu thập ý kiến CBQL Khoa cơ khí về Chương trình, Giáo trình đào tạo năm học, 2020-2021, 2021-2022,2022-2023
238.	4	4		Quyết định số 362/QĐ-CĐCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành CNKTCĐT năm 2019;
239.				QĐ số 608a/QĐ-CĐCT ngày 04/09/2021 ban hành CTĐT ngành CNKTCĐT năm 2021
240.	4	5		Quyết định số 362/QĐ-CĐCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành CNKTCĐT năm 2019;
241.				QĐ số 608a/QĐ-CĐCT ngày 04/09/2021 ban hành CTĐT ngành CNKTCĐT năm 2021

242.	<b>4</b>	<b>6</b>		Quyết định số 362/QĐ-CĐCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT CNKTCĐT năm 2019;
243.				QĐ số 608a/QĐ-CĐCT ngày 04/09/2021 ban hành CTĐT ngành CNKTCĐT năm 2021
244.	<b>4</b>	<b>7</b>		Quyết định số 319/QĐ-CĐCT ngày 26/06/2019; số 527/QĐ-CĐCT ngày 19/08/2021 thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo CNKTCĐT
245.				Các biên bản, phiếu nhận xét, góp ý, phản biện trong điều chỉnh CTĐT
246.				Quyết định số 362/QĐ-CĐCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành CNKTCĐT năm 2019
247.				Quyết định số 608a/QĐ-CĐCT ngày 04/09/2021 ban hành CTĐT ngành CNKTCĐT năm 2021
248.	<b>4</b>	<b>8</b>	<b>4.8.01</b>	Văn bản ghi nhớ về thỏa thuận hợp tác giữa Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh và Trường Cao đẳng Công thương TP. Hồ Chí Minh ngày 18/4/2018
249.			<b>4.8.02</b>	Công văn số 117a/CĐCT ngày 15/4/2022 về việc liên kết mở lớp đại học hệ Vừa làm vừa học tại Trường CĐ Công Thương Tp.HCM
250.			<b>4.8.03</b>	Công văn số 1720/ ĐHKT-ĐTTX ngày 07/9/2021 về việc đồng ý liên kết với Trường CĐ Công Thương Tp.HCM tuyển sinh các khóa đại học hệ Vừa làm vừa học

251.			<b>4.8.04</b>	Quyết định số 2792/QĐ-ĐHKT-ĐTTX ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh V/v ban hành Quy định về việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong đào tạo đại học Vừa làm vừa học của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
252.			<b>4.8.05</b>	Chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học của Đại học Kinh tế Tp.HCM
253.			<b>4.8.06</b>	Thông báo tuyển sinh số 858/ TB-ĐHKT-ĐTTX ngày 04/5/2022 về việc tuyển sinh khoá K2022 VB1/CĐCT3 liên thông đại học hệ Vừa làm vừa học của Trường ĐHKT mở tại Trường CĐ Công Thương Tp.HCM
254.			<b>4.8.07</b>	Các thông báo tuyển sinh liên thông trình độ Đại học
255.	<b>4</b>	<b>9</b>	<b>1.1.08</b>	Quyết định số 362/QĐ-CĐCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành CNKTCĐT năm 2019
256.			<b>1.1.09</b>	QĐ số 608a/QĐ-CĐCT ngày 04/09/2021 ban hành CTĐT ngành CNKTCĐT năm 2021
257.			<b>4.9.01</b>	Quyết định số 329a/QĐ-CĐCT ngày 21/11/2018 của Hiệu trưởng trường CĐCT về việc ban hành danh sách giáo trình được lựa chọn, sử dụng làm tài liệu chính phục vụ công tác giảng dạy và học tập của ngành CNKTCĐT trường CĐCT
258.			<b>4.9.02</b>	Bản in giáo trình ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng
259.	<b>4</b>	<b>10</b>	<b>4.9.01</b>	Quyết định số 329a/QĐ-CĐCT ngày 21/11/2018 của Hiệu trưởng trường CĐCT về việc ban hành danh sách giáo trình được lựa chọn, sử dụng làm tài liệu chính phục vụ công tác giảng dạy và học tập của ngành

				CNKTCĐT trường CĐCT
260.			<b>4.10.01</b>	Kế hoạch xây dựng, điều chỉnh, bổ sung và biên soạn giáo trình ngành CNKTCĐT năm 2019,2021,2023
261.			<b>4.10.02</b>	Quyết định số 542a/QĐ-CĐCT ngày 15/3/2018 của Hiệu trưởng trường CĐCT về việc thành lập Hội đồng khoa học thẩm định giáo trình đào tạo ngành CNKTCĐT
262.			<b>4.10.03</b>	Danh sách các thành viên tham gia Hội đồng khoa học thẩm định giáo trình đào tạo CNKTCĐT
263.			<b>4.10.04</b>	Phiếu đánh giá giáo trình ngành CNKTCĐT của Hội đồng thẩm định năm 2019, 2021,2023
264.			<b>4.10.05</b>	Biên bản thẩm định giáo trình ngành CNKTCĐT năm 2019, 2021,2023
265.			<b>4.9.01</b>	Quyết định số 329a/QĐ-CĐCT ngày 21/11/2018 của Hiệu trưởng trường CĐCT về việc ban hành danh sách giáo trình được lựa chọn, sử dụng làm tài liệu chính phục vụ công tác giảng dạy và học tập của khoa Cơ khí trường CĐCT
266.			<b>4.9.02</b>	Bản in giáo trình ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng
267.	<b>4</b>	<b>11</b>	<b>4.10.04</b>	Phiếu đánh giá giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2019, 2021
268.			<b>4.9.01</b>	Quyết định ban hành kèm theo Danh sách giáo trình sử dụng cho các môn học, mô đun năm 2019, 2021

269.				<b>4.9.02</b>	Bản in giáo trình ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng
270.				<b>4.10.05</b>	Biên bản thẩm định giáo trình năm 2019, 2021
271.	<b>4</b>	<b>12</b>		<b>4.10.02</b>	Quyết định số 312a/QĐ-CDCT ngày 20/2/2018 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc thành lập Hội đồng khoa học thẩm định giáo trình đào tạo ngành CNKTCĐT
272.				<b>4.10.03</b>	Danh sách các thành viên tham gia Hội đồng khoa học thẩm định giáo trình đào tạo
273.				<b>4.10.04</b>	Phiếu đánh giá giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2019, 2021
274.				<b>4.10.05</b>	Biên bản thẩm định giáo trình năm 2019, 2021
275.				<b>4.9.01</b>	Quyết định ban hành kèm theo Danh sách giáo trình sử dụng cho các môn học, mô đun năm 2019, 2021
276.				<b>4.9.02</b>	Bản in giáo trình ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng
277.	<b>5</b>	<b>1</b>	<b>5.1.01</b>		Bảng thống kê diện tích sử dụng các phòng học lý thuyết, thực hành, giảng đường phục vụ đào tạo
278.			<b>5.1.02</b>		Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng
279.			<b>5.1.03</b>		Hình ảnh bố trí thiết bị tại các phòng thực hành máy tính; tiêu lệnh PCCC, bình PCCC
280.			<b>5.1.04</b>		Các sơ đồ, hình ảnh phòng hội thảo, phòng chuyên đề, phòng tin học, phòng thư viện



281.			<b>5.1.05</b>	Nội quy sử dụng máy, thiết bị; Nội qui phòng học
282.			<b>5.1.06</b>	Sơ đồ bố trí dụng cụ PCCC, nội quy PCCC
283.			<b>5.1.07</b>	Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy
284.			<b>5.1.08</b>	Hợp đồng cung cấp điện, nước của Trường
285.			<b>3.3.06</b>	Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm học, 2020-2021, 2021 – 2022, 2022-2023
286.			<b>5.1.09</b>	Báo cáo của cơ sở đào tạo đánh giá về mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, phòng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các CTĐT hàng năm
287.	<b>5</b>	<b>2</b>	<b>5.1.01</b>	Bảng tổng hợp diện tích các phòng học lý thuyết, phòng thực hành
288.			<b>5.1.03</b>	Hình ảnh bố trí thiết bị tại các phòng thực hành máy tính; tiêu lệnh PCCC, bình PCCC
289.			<b>5.1.04</b>	Các sơ đồ, hình ảnh phòng hội thảo, phòng chuyên đề, phòng tin học, phòng thư viện
290.			<b>5.2.01</b>	Hồ sơ xuất xứ cơ sở vật chất phục vụ đào tạo Khoa QTKD năm , 2021, 2022, 2023
291.			<b>5.2.02</b>	Danh mục thiết bị tối thiểu đào tạo ngành CNKTCĐT

292.			<b>5.2.03</b>		Danh mục thiết bị hiện có đào tạo ngành CNKTCĐT
293.			<b>5.2.04</b>		Biên bản kiểm kê tài sản cố định năm 2020, 2021, 2022
294.			<b>5.2.05</b>		Báo cáo chi tiết tài sản cố định năm 2020, 2021. 2022
295.	<b>5</b>	<b>3</b>		<b>5.1.01</b>	Bảng thống kê diện tích sử dụng các phòng học lý thuyết, thực hành, giảng đường phục vụ đào tạo
296.				<b>5.1.03</b>	Hình ảnh bố trí thiết bị tại các phòng thực hành máy tính; tiêu lệnh PCCC, bình PCCC
297.				<b>5.1.04</b>	Các sơ đồ, hình ảnh phòng hội thảo, phòng chuyên đề, phòng tin học, phòng thư viện
298.				<b>5.2.03</b>	Danh mục thiết bị hiện có đào tạo ngành CNKTCĐT
299.				<b>5.2.01</b>	Hồ sơ xuất xứ cơ sở vật chất phục vụ đào tạo Khoa Cơ khí năm 2020, 2021, 2022
300.				<b>5.2.02</b>	Danh mục thiết bị tối thiểu đào tạo ngành CNKTCĐT
301.			<b>5.3.01</b>		Quy trình đầu tư mua sắm tài sản
302.				<b>5.2.04</b>	Biên bản kiểm kê tài sản cố định năm 2020, 2021, 2022
303.				<b>5.2.05</b>	Báo cáo chi tiết tài sản cố định năm 2020, 2021. 2022
304.				<b>2.2.05</b>	Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022

305.	<b>5</b>	<b>4</b>		<b>5.2.02</b>	Danh mục thiết bị tối thiểu đào tạo ngành CNKTCĐT
306.				<b>5.2.01</b>	Hồ sơ xuất xứ cơ sở vật chất phục vụ đào tạo ngành CNKTCĐT năm 2020, 2021, 2022
307.				<b>5.1.03</b>	Hình ảnh bố trí thiết bị tại các phòng thực hành máy tính; tiêu lệnh PCCC, bình PCCC
308.				<b>5.1.04</b>	Các sơ đồ, hình ảnh phòng hội thảo, phòng chuyên đề, phòng tin học, phòng thư viện
309.				<b>5.1.06</b>	Sơ đồ bố trí dụng cụ PCCC, nội quy PCCC
310.				<b>5.1.07</b>	Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy
311.				<b>5.1.05</b>	Nội quy sử dụng máy, thiết bị; Nội qui phòng học
312.			<b>5.4.01</b>		Quyết định số 316a/QĐ-CĐCT ngày 02/7/2018 của Hiệu trưởng trường CĐCT về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công
313.			<b>5.4.02</b>		Biên bản kiểm tra máy móc, thiết bị phục vụ công tác đào tạo ngành CNKTCĐT năm 2020, 2021. 2022
314.				<b>5.2.03</b>	Danh mục thiết bị hiện có đào tạo ngành CNKTCĐT
315.				<b>5.2.01</b>	Hồ sơ xuất xứ cơ sở vật chất phục vụ đào tạo Khoa Cơ khí năm 2020, 2021, 2022
316.				<b>5.2.04</b>	Biên bản kiểm kê tài sản cố định năm 2020, 2021, 2022
317.				<b>5.2.05</b>	Báo cáo chi tiết tài sản cố định năm 2020, 2021. 2022

318.			<b>5.4.04</b>	Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị phục vụ ngành CNKTCĐT
319.			<b>5.4.05</b>	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo hàng năm
320.			<b>5.4.06</b>	Báo cáo công tác quản lý, bảo dưỡng các thiết bị cho thực hành và biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng năm, 2020, 2021, 2022
321.			<b>5.4.07</b>	Kết quả khảo sát các đối tượng có liên quan về thiết bị đào tạo NH, 2020-21, 2021-22, 2022-2023
322.	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>5.5.01</b>	Quyết định số 881/QĐ-CĐCT ngày 26/7/2019 của Hiệu trưởng trường CĐCT về việc ban hành quy định mức kinh tế kỹ thuật về đào tạo các ngành tại trường CĐCT
323.			<b>5.1.04</b>	Các sơ đồ, hình ảnh phòng hội thảo, phòng chuyên đề, phòng tin học, phòng thư viện
324.			<b>5.1.03</b>	Hình ảnh bố trí thiết bị tại các phòng thực hành máy tính; tiêu lệnh PCCC, bình PCCC
325.			<b>5.5.02</b>	Quy trình cấp phát, thu nhận trang thiết bị hàng hoá, vật liệu
326.			<b>5.5.03</b>	Các đề xuất nhu cầu vật tư của các đơn vị năm, 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022-2023
327.			<b>5.5.04</b>	Kế hoạch cung ứng vật tư theo kế hoạch đào tạo
328.			<b>5.5.05</b>	Hồ sơ xuất nhập vật tư hàng hóa thiết bị năm, 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022-2023
329.			<b>5.5.06</b>	Sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo CTĐT năm, 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022-2023

330.			<b>5.5.07</b>	Báo cáo định kỳ hoạt động các kho và lưu trữ theo học kỳ, năm học
331.	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>5.6.01</b>	Thống kê diện tích sử dụng của Thư viện
332.			<b>1.1.08</b>	Quyết định số 362/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành CNKTCĐT cho năm học 2019-2020
333.			<b>1.1.09</b>	QĐ số 608a/QĐ-CDCT ngày 04/09/2021 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành CNKTCĐT
334.			<b>2.7.02</b>	Quyết định số 78/QĐ-CDCT ngày 14/02/2020 ban hành CTĐT liên thông ngành CNKTCĐT
335.			<b>4.9.01</b>	Bảng kê danh mục chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt: tên giáo trình, năm xuất bản, đơn vị xuất bản, số lượng bản in, bản điện tử đã được phê duyệt
336.			<b>5.6.02</b>	Danh mục tài liệu tham khảo ngành CNKTCĐT
337.			<b>5.6.03</b>	Danh mục giáo trình ngành CNKTCĐT được số hóa
338.			<b>5.6.04</b>	Báo cáo đánh giá hoạt động của thư viện hàng năm
339.			<b>5.6.05</b>	Đường link khảo sát ý kiến Sinh viên và Giảng viên về thư viện
340.			<b>5.6.06</b>	Kết quả khảo sát ý kiến Sinh viên và Giảng viên về thư viện
341.	<b>5</b>	<b>7</b>	<b>5.7.01</b>	Hợp đồng cung cấp Internet; Tổng Công ty viễn thông viettel

342.			<b>5.7.02</b>		Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện
343.			<b>5.7.03</b>		Hình ảnh sử dụng trang website thư viện điện tử
344.				<b>5.6.01</b>	Danh mục tài liệu tham khảo ngành CNKTCĐT được số hóa
345.				<b>5.6.02</b>	Danh mục giáo trình ngành CNKTCĐT được số hóa
346.			<b>5.7.04</b>		Kế hoạch hoạt động của thư viện hàng năm
347.			<b>5.7.05</b>		Sổ mượn sách của thư viện
348.			<b>5.7.06</b>		Nội quy thư viện
349.	<b>5</b>	<b>8</b>	<b>5.8.01</b>		Bảng danh mục các môđun/môn học của CTĐT ngành CNKTCĐT h có ứng dụng CNTT
350.			<b>5.8.02</b>		Hình ảnh giảng dạy một số MĐ/MH bằng phần mềm mô phỏng
351.			<b>5.8.03</b>		Sổ nhật ký phòng thực hành
352.	<b>6</b>	<b>1</b>		<b>2.1.04</b>	Đề án tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022
353.				<b>2.1.05</b>	Thông báo tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022
354.			<b>6.1.01</b>		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu năm năm 2020, 2021, 2022

355.			<b>6.1.02</b>		Các tài liệu cung cấp cho người học khi nhập học và trong quá trình học
356.				<b>2.2.01</b>	Quy chế tổ chức đào tạo, quy chế xét thi kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp của trường
357.			<b>6.1.03</b>		Ban hành Nội quy Học sinh sinh viên
358.			<b>6.1.04</b>		Thông báo về mức thu học phí hằng năm của Trường
359.			<b>6.1.05</b>		Các QĐ về việc ban hành quy định cấp học bổng khuyến khích học ngành; Quy định xét, miễn giảm học phí cho Học sinh sinh viên của Trường
360.			<b>6.1.06</b>		Quy định chính sách hỗ trợ Học sinh sinh viên Trường CDCT TP.HCM
361.			<b>6.1.07</b>		Các văn bản quy định chính sách hỗ trợ Học sinh sinh viên
362.				<b>2.1.17</b>	Sổ tay HSSV
363.	<b>6</b>	<b>2</b>		<b>1.1.03</b>	Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
364.				<b>6.1.04</b>	Thông báo về mức thu học phí hằng năm của Trường

365.				<b>6.1.05</b>	Các QĐ về việc ban hành quy định cấp học bổng khuyến khích học ngành, Quy định xét, miễn giảm học phí cho Học sinh sinh viên của Trường
366.				<b>6.1.06</b>	Quy định chính sách hỗ trợ Học sinh sinh viên Trường CDCT TP.HCM
367.				<b>6.1.07</b>	Các văn bản quy định chính sách hỗ trợ Học sinh sinh viên
368.				<b>3.4.01</b>	Các quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020, 2021, 2022
369.			<b>6.2.01</b>		Các QĐ khen thưởng đối với Học sinh sinh viên các năm - Danh sách sinh viên được khen thưởng các năm
370.			<b>6.2.02</b>		Biểu tổng hợp số liệu học sinh khám sức khỏe đầu khóa các năm 2020, 2021, 2022, 2023
371.			<b>6.2.03</b>		Hợp đồng khám sức khỏe hàng năm
372.			<b>6.2.04</b>		Biên bản kiểm kê tài sản thiết bị, dụng cụ y tế
373.			<b>6.2.05</b>		Thông báo kết luận họp giao ban hàng tuần năm học 2020, 2021, 2022
374.			<b>6.2.06</b>		Các biên bản sinh hoạt lớp năm học 2020, 2021, 2022
375.				<b>1.2.05</b>	Báo cáo tổng kết năm học của Trường
376.	<b>6</b>	<b>3</b>	<b>6.3.01</b>		Kế hoạch tư vấn giới thiệu việc làm cho Sinh viên năm học 2021, 2022, 2023



377.			<b>6.3.02</b>		Danh sách các nhà tuyển dụng tham gia phiên giao dịch việc làm
378.			<b>6.3.03</b>		Các thông báo về tuyển dụng lao động của các Doanh nghiệp đăng trên bảng tin nhà trường các năm
379.			<b>6.3.04</b>		Các kế hoạch tổ chức khai giảng, bế giảng từ năm 2020-2023
380.			<b>6.3.05</b>		Thư mời doanh nghiệp tham dự Lễ tốt nghiệp của HSSV
381.			<b>6.3.06</b>		Danh sách các doanh nghiệp tham dự lễ khai giảng, bế giảng từ năm 2019-2022
382.			<b>6.3.07</b>		Báo cáo về việc tư vấn và giới thiệu việc làm cho Sinh viên NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
383.			<b>6.3.08</b>		Một số hình ảnh về việc tư vấn việc làm và tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp tại trường
384.			<b>6.3.09</b>		Danh sách sinh viên đăng ký tìm việc làm
385.			<b>6.3.10</b>		Hình ảnh trên website, facebook, Fanpage
386.	<b>6</b>	<b>4</b>		<b>5.1.01</b>	Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng
387.			<b>6.4.01</b>		Kế hoạch chào đón Tân sinh viên NH 2019-20, 2021-22, 2022-23
388.			<b>6.4.02</b>		Hình ảnh chương trình chào đón Tân sinh viên NH 2019-20, 2021-22, 2022-23
389.			<b>6.4.03</b>		Hình ảnh các khu hoạt động và khuôn viên trường, Hình ảnh hoạt động thể dục thể thao, phong trào Đoàn Hội

390.			<b>6.4.04</b>	Kế hoạch và hình ảnh các hoạt động phong trào do Đoàn Khoa Cơ khí tổ chức cho sinh viên ngành CNKTCĐT	
391.			<b>6.4.05</b>	Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao cho Học sinh sinh viên	
392.			<b>6.4.06</b>	Quyết định khen thưởng các hoạt động phong trào trong Học sinh sinh viên	
393.	<b>7</b>	<b>1</b>		<b>3.5.02</b>	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
394.			<b>7.1.01</b>	Phiếu khảo sát doanh nghiệp các năm năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 (bảng in giấy).	
395.			<b>7.1.02</b>	Ảnh chụp nội dung Phiếu khảo sát doanh nghiệp về về mức độ đáp ứng của Sinh viên tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	
396.			<b>7.1.03</b>	Đường link khảo sát doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của SVTN, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ NH 2020-2021; NH 2021-22; NH 2022-23	
397.			<b>7.1.04</b>	Danh sách các doanh nghiệp đã lấy ý kiến khảo sát năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
398.				<b>4.3.03</b>	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp về sinh viên tốt nghiệp ngành CNKTCĐT NH 2020-21, 2021-22, 2022-23
399.	<b>7</b>	<b>2</b>		<b>3.5.02</b>	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học NH 2020-21, 2021-22, 2022-23

400.			<b>7.2.01</b>	Ảnh chụp Phiếu khảo sát Sinh viên tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của Sinh viên TN năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-23
401.			<b>7.2.02</b>	Phiếu khảo sát Sinh viên tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của Sinh viên TN năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 (bảng in giấy)
402.			<b>2.4.08</b>	Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên TN năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
403.			<b>4.3.02</b>	Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên Khoa Cơ khí sau tốt nghiệp NH 2020-21, 2021-22, 2022-23
404.	<b>7</b>	<b>3</b>	<b>3.5.02</b>	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học NH 2020-21, 2021-22, 2022-23
405.			<b>7.3.01</b>	Đường link khảo sát về công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2020-21, 2021-22, 2022-23
406.			<b>7.3.02</b>	Bản chụp Phiếu khảo sát Giảng viên, CBQL để thu thập thông tin về dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2019-20, 2020-21, 2021-22
407.			<b>7.3.03</b>	Danh sách cán bộ, giảng viên, nhân viên thuộc Khoa Cơ khí
408.			<b>7.3.04</b>	Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức thuộc Khoa Cơ khí được thu thập ý kiến hàng năm

409.				<b>3.5.03</b>	Tổng hợp kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý
410.	<b>7</b>	<b>4</b>		<b>3.5.02</b>	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2020-21, 2021-22, 2022-23
411.				<b>3.3.05</b>	Danh sách Sinh viên các lớp ngành CNKTCĐT năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
412.			<b>7.4.01</b>		Ảnh chụp Phiếu khảo sát Sinh viên để thu thập ý kiến về về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học năm học 2020-21, 2021-22, 2022-23
413.			<b>7.4.02</b>		Danh sách Sinh viên được khảo sát ý kiến về tuyển sinh, về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
414.			<b>7.4.03</b>		Báo cáo kết quả khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học (trong đó có tuyển sinh) NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
415.	<b>7</b>	<b>5</b>	<b>7.5.01</b>		Kế hoạch số 341a/KH-CDCT, ngày 18/05/2020 về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng- Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công thương TPHCM

416.			<b>7.5.02</b>	Quyết định số 310/QĐ-CDCT, ngày 20/05/2021 về việc Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban soạn thảo báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM; QĐ số 293/QĐ-CDCT ngày 25/04/2022 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng năm 2022
417.			<b>7.5.03</b>	Kế hoạch số 101/KH-CDCT, ngày 20/05/2021 về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng- Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công thương TPHCM; Kế hoạch số 93/KH-CDCT ngày 25/4/2022 về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng năm 2022 của Chủ tịch Hội đồng- Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
418.			<b>7.5.04</b>	Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng năm 2020, 2021, 2022
419.				<b>1.1.11</b> Địa chỉ website của Trường: <a href="http://www.hitu.edu.vn">www.hitu.edu.vn</a>
420.			<b>7.5.05</b>	Đường link báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng năm 2020, 2021, 2022; Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNKTCĐT Trình độ cao đẳng năm 2020, 2021, 2022
421.	<b>7</b>	<b>6</b>		<b>2.5.15</b> Báo cáo tổng kết hàng năm Khoa Cơ khí NH 2020-21, 2021-22, 2022-23
422.				<b>7.5.04</b> Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCĐT trình độ cao đẳng năm 2020, 2021, 2022

423.			<b>7.6.01</b>	Kế hoạch nâng cao chất lượng chương trình đào tạo ngành CNKTCĐT năm 2020, 2021, 2022
424.			<b>7.6.02</b>	Báo cáo kết quả thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2021
425.	<b>7</b>	<b>7</b>	<b>3.5.02</b>	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2020-21, 2021-22, 2021-23
426.			<b>7.2.01</b>	Ảnh chụp Phiếu khảo sát Sinh viên tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của Sinh viên TN năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-22
427.			<b>7.2.02</b>	Phiếu khảo sát Sinh viên tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của Sinh viên TN năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 (bảng in giấy)
428.			<b>2.4.08</b>	Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên TN năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
429.			<b>4.3.02</b>	Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên sau tốt nghiệp NH 2019-20, 2020-21, 2021-22
430.	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>7.1.03</b>	Đường link khảo sát doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của SVTN, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ NH 2020-2021; NH 2021-22; NH 2022-23
431.			<b>4.3.03</b>	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của doanh nghiệp về Sinh viên tốt nghiệp ngành CNKTCĐT năm 2021-2022